TS. NGUYỄN XUÂN LẠC

NHỮNG BÀI LÀM VĂN tiêu biểu 8

(BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI)

(In lần thứ hai, có chỉnh lí và bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. NGUYỄN XUÂN LẠC
(Sưu tầm và tuyển chọn)

Những bài
LÀM VĂN TIÊU BIỂU
8

*(BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA MỚI
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)*

- ***Gọn rõ, thiết thực, dễ hiểu, dễ học***
- ***Tham khảo để tự học tốt, làm bài hay***

In lần thứ hai – có chỉnh lí và bổ sung

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Lời nói đầu

Các em học sinh lớp 8 thân mến,

Tiếp theo lớp 6 và lớp 7, từ năm học 2004 – 2005, các em được học môn ***Ngữ văn 8*** theo sách giáo khoa mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cũng như hai bộ sách lớp 6 và lớp 7, sách giáo khoa *Ngữ văn 8* được viết theo hướng tích hợp ba phần Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn trong môn Ngữ văn và theo tinh thần giúp học sinh tự học. Riêng phần ***Tập làm văn*** đã được viết khá kĩ, rõ và cụ thể. Các em có thể dựa vào đó để tự học. Tuy nhiên, việc viết các bài Tập làm văn theo yêu cầu mới của chương trình và sách giáo khoa không dễ dàng đối với các em. Vì vậy, chúng tôi biên soạn cuốn sách ***Những bài làm văn tiêu biểu lớp 8*** nhằm giúp các em tiếp xúc, làm quen dần với các kiểu bài, trên cơ sở đó có thể tự viết được những bài văn theo ý của mình.

Nội dung cuốn sách gồm ***5 kiểu bài làm văn ở lớp 8***: tự sự, thuyết minh, nghị luận, tường trình, thông báo. *Thuyết minh, tường trình, thông báo* là những kiểu bài mới; *tự sự, nghị luận* tuy đã học ở lớp 6 và 7, nhưng ở lớp 8, hai kiểu bài này lại có những yêu cầu mới cao hơn, và những yêu cầu này sẽ được thể hiện trong các bài làm văn của cuốn sách. Mỗi kiểu bài sẽ được trình bày theo ba phần:

– Những điểm cần lưu ý (nhấn mạnh các yêu cầu mới).

– Các bài làm văn hay được tuyển chọn và biên soạn.

– Các đề bài giới thiệu thêm cho học sinh thực hành, luyện tập.

Cuốn sách gồm những bài làm văn tiêu biểu (*tự sự*: 20 bài; *thuyết minh*: 19 bài và 2 đoạn văn; *nghị luận*: 14 bài và 4 đoạn văn; *tường trình*: 2 bài, *thông báo*: 2 bài) được tuyển chọn theo các tiêu chí: sát hợp với chương trình, tích hợp với phần Văn, vừa sức học sinh lớp 8, đa dạng về nội dung cũng như các dạng bài.

Đây là *những bài làm văn và đoạn văn tiêu biểu* để các em tham khảo. Với phương châm *tham khảo để tự học tốt, làm bài hay*. Chúng tôi cũng trích một số bài, đoạn văn hay của các tác giả là nhà văn, nhà nghiên cứu... Các em học sinh đã được đăng tải trên báo chí, tạp chí....

và các sách tham khảo khác để các em có dịp so sánh, tìm hiểu và học tập thêm. Hi vọng cuốn sách có thể giúp ích thiết thực cho các em trong việc tự học môn Tập làm văn ở lớp 8 theo hướng tích hợp.

TÁC GIẢ

Phần 1

KIỂU BÀI TỰ SỰ

A. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Ở lớp 6, các em đã được học kiểu bài tự sự và luyện tập nhiều bài văn tự sự, cả thể loại nói và viết. Ở lớp 8, chúng ta học lại kiểu bài này. Vậy thì tự sự ở lớp 8 có gì mới và cần phải đạt được những yêu cầu gì?

Ngoài việc củng cố lại các kiến thức cơ bản như tính thống nhất về chủ đề của văn bản, bố cục của văn bản, xây dựng đoạn văn trong văn bản, chuyển đoạn văn trong văn bản, cần chú ý đến các yêu cầu mới sau đây:

1. *Tóm tắt tác phẩm tự sự:* Dùng lời văn của mình giới thiệu một cách ngắn gọn nội dung chính (bao gồm *sự việc tiêu biểu* và *nhân vật quan trọng*) của một tác phẩm nào đó. Bản tóm tắt cần phản ánh trung thành nội dung của tác phẩm được tóm tắt. Muốn vậy, cần đọc kĩ tác phẩm để hiểu đúng chủ đề, xác định nội dung chính cần tóm tắt, sắp xếp các nội dung đó theo một thứ tự hợp lí rồi viết thành văn bản tóm tắt tác phẩm (xem các bài làm về tóm tắt tác phẩm trong phần này).

2. *Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, đánh giá*: Cái mới ở đây chính là ở chỗ tự sự không chỉ kể sự việc mà còn kết hợp với miêu tả và biểu cảm, đánh giá. Nếu bài tự sự chỉ kể sự việc đơn thuần thì dễ khô khan, ít gợi cảm, và do đó, sự việc cũng khó lưu giữ trong óc người đọc thành những ấn tượng khó quên. Vì vậy, sự việc và nhân vật trong bài tự sự phải được *miêu tả* cụ thể, sinh động với những chi tiết có giá trị *biểu cảm* thì câu chuyện kể mới hấp dẫn người đọc và mang ý nghĩa sâu sắc. Không nên kể lại câu chuyện một cách khách quan mà phải thể hiện tình cảm, thái độ của người kể chuyện trước sự việc và con người được kể và tả: cảm phục, yêu mến hay phê phán, khinh ghét... Qua tình cảm, thái độ của người kể, người đọc có thể cảm nhận được sự *đánh giá* của họ đối với câu chuyện. (Xem các bài làm trong phần này và tự rút ra các yếu tố *miêu tả, biểu cảm, đánh giá* của bài văn tự sự để học tập khi viết bài văn của mình).

3. *Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp với miêu tả và biểu cảm, đánh giá*

Các em cần ôn lại *ngôi kể* đã học ở lớp 6 (kể theo ngôi thứ nhất và kể theo ngôi thứ ba) và cần chú ý yêu cầu ở đây là: *Kể chuyện theo ngôi kể* nhưng phải *kết hợp với miêu tả và biểu cảm, đánh giá* (xem bài làm trong phần này).

B. CÁC BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU

Dưới đây giới thiệu **20 bài** làm văn tiêu biểu, trong đó **8 đề** kể lại những kỉ niệm trong tuổi thơ ấu và tuổi học sinh của mình, **4 đề** kể lại chuyện theo tác phẩm đã học ở nhiều ngôi kể khác nhau và **8 đề** tóm tắt các trích đoạn hoặc các tác phẩm đã học.

Đề 1

Ngày đầu tiên đi học thường lưu giữ trong lòng em những kỉ niệm khó quên. Em hãy kể lại những kỉ niệm trong ngày đầu tiên đi học của mình.

BÀI LÀM

Năm nay tôi học lớp 8. Bảy năm đã trôi qua, vậy mà cái ngày đầu tiên đi học vẫn sống mãi trong lòng tôi như những kỉ niệm không thể nào quên. Mỗi lúc nhớ lại, tôi lại bồi hồi xúc động, tưởng như ngày khai trường vào lớp 1 năm xưa đang hiện ra trước mắt...

Hôm ấy trời thu trong sáng. Bầu trời cao trong xanh. Từng đám mây trắng xốp nhẹ như bông lơ lửng trôi. Gió thổi nhẹ. Mẹ tôi đưa tôi đến trường vào lớp 1. Tôi mặc bộ quần áo mới, đeo trên lưng chiếc cặp đựng sách vở, bút và thước kẻ. Những thứ này mẹ tôi đã mua cho tôi tối hôm qua tại cửa hàng sách. Trên đường, nhiều bà mẹ cũng đưa con đến trường. Có những bạn gái mặc áo hoa và váy đẹp, trên đầu gài "nơ" xinh xắn nhưng lại khóc, không chịu đi, cứ nép vào người mẹ. Nhìn cảnh ấy, tôi cảm thấy tự hào và ưỡn ngực bước đi những bước dài bên mẹ.

Đến trường, cái gì cũng lạ. Lần đầu tiên tôi mới biết thế nào là trường học. Sân trường đông vui nhộn nhịp, đỏ rực màu cờ và băng khẩu hiệu chào mừng ngày khai giảng. Trên hành lang, các thầy cô đi lại hối hả, chuẩn bị cho lễ khai giảng sắp bắt đầu. Các anh chị lớp trên mặc đồng phục, quàng khăn đỏ đang chạy nhảy vui chơi xung quanh những gốc phượng già giờ đây chỉ còn những tán lá màu xanh. Tôi nhìn và ước gì mình cũng mau lớn để được chơi đùa cùng các anh chị. Nhưng tôi không dám và vẫn nắm chặt bàn tay của mẹ. Mẹ mỉm cười với tôi:

– Sang năm con cũng lớn như các anh chị thôi. Cố mà học cho giỏi con ạ.

Bỗng một hồi trống vang lên giòn giã thúc giục. Học sinh lớp nào vào lớp ấy nhanh chóng, trật tự, xếp hàng nghiêm chỉnh. Chỉ còn lại những học sinh lớp 1 chúng tôi trên sân trường, đứa nào cũng bíu chặt lấy mẹ, lo sợ không biết làm gì. Nhưng từ loa phóng thanh, một giọng nói ấm áp của cô hiệu trưởng đã vang lên: "Các vị phụ huynh cho các em lớp 1 mới vào xếp hàng ở khu vực giữa để bắt đầu làm lễ khai giảng". Mẹ tôi nhìn tôi âu yếm:

– Thế là con đã thành cậu học sinh lớp 1 rồi. Hãy mạnh dạn lên, cùng các bạn xếp hàng vào lớp.

Nhìn thấy nhiều bạn đã chạy đến xếp hàng nhưng tôi vẫn chưa muốn rời bàn tay ấm áp của mẹ. Tôi cảm thấy một điều mới lạ, kì diệu đang đến với mình trong cái giây phút thiêng liêng từ thế giới của gia đình tôi đang bước sang thế giới của nhà trường – một thế giới đầy âm thanh, màu sắc vui tươi rộn rã. Rút tay khỏi bàn tay mẹ, tôi chạy đến hòa cùng các bạn, những bạn nhỏ lần đầu tiên tôi mới gặp trong ngày khai trường mà như đã quen biết từ lâu. Sau ba hồi trống khai giảng, cô hiệu trưởng tươi cười chào đón chúng tôi – lứa học sinh lớp 1 mới của trường – ân cần dặn dò những điều cần thiết và trao chúng tôi cho cô giáo chủ nhiệm. Từ giờ phút ấy, tôi cảm thấy một điều thật rõ ràng: Tôi đã là một học sinh lớp 1.

(Bài làm của một học sinh Hà Tây, Những bài làm văn chọn lọc 8, Nxb Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2004)

Đề 2

Hãy kể lại những kỉ niệm về mái trường tuổi thơ mà em nhớ mãi.

BÀI LÀM

Bây giờ tôi đã là một học sinh lớp 8 bậc Trung học cơ sở và đã học ở ngôi trường mới được hai năm. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn nhớ về mái trường tuổi thơ trong năm năm học Tiểu học với những kỉ niệm không thể nào quên.

Nhớ nhất là ngày khai trường đầu tiên khi vào lớp 1. Lần đầu tiên bước qua cổng trường như bước vào một thế giới mới. Cái gì cũng lạ, điều gì đối với tôi cũng ngỡ ngàng. Thầy cô lạ, bạn bè lạ, đến cả ngôi trường, lớp học, bảng đen và bàn ghế đều lạ. Lúc trường tổ chức đón khối lớp 1, tôi bước ríu cả chân theo các bạn và cô giáo chủ nhiệm, tim đập rộn ràng cùng hồi trống khai giảng, ngỡ như có hàng trăm cặp mắt đang nhìn mình, trong đó có mẹ tôi đang ngồi trên dãy ghế của cha mẹ học sinh. Xong lễ khai giảng, mẹ tôi đến bên tôi dặn dò mấy câu rồi về. Tôi suýt bật khóc nhưng trấn tĩnh được để cùng xếp hàng vào lớp với các bạn.

Thế rồi tôi quen dần với thầy cô, với các bạn, và ngôi trường thân thiết ấy đã đi vào tuổi thơ tôi lúc nào không biết nữa. Bây giờ, cứ nhắm

mắt lại là ngôi trường lại hiện ra với những gốc phượng già hàng năm thắp lửa đỏ rực cả sân trường ran khúc nhạc ve; lại vang lên tiếng đọc bài trầm bổng thánh thót; lại rộn ràng tiếng cười nói trong những giờ ra chơi ồn ào, náo nhiệt... Tôi nhớ cô hiệu trưởng tóc đã hoa râm nhưng ánh mắt lúc nào cũng cười vui đầy thương yêu sau cặp kính trắng, nhớ bác quản trường "cựu chiến binh" siêng năng, cặm cụi, giữ sạch trường lớp và chăm sóc học sinh như con cháu trong nhà. Nhớ cô chủ nhiệm trẻ trung dạy hay, hát giỏi; cô tổng phụ trách Đội năng nổ, nhiệt tình; nhớ từng dãy bàn ghế thấp có dấu mực loang lổ và vết dao khắc những cái tên thân quen; nhớ cái bảng đen nhỏ xinh có những dòng kẻ đều tăm tắp, và nhớ nhất là cái trống trường treo ở cửa phòng Ban Giám hiệu cứ đổ từng hồi dài thong thả khi tan trường sau mỗi buổi học...

Ôi, bao nhiêu là nỗi nhớ về mái trường đầu tiên trong cuộc đời mỗi con người. Mái trường ấy nhỏ bé, bình dị, nhưng là nơi khởi đầu cho tôi đi lên, đi xa mãi. Dù sau này, có đến những giảng đường lấp lánh kính gương, tôi vẫn nhớ mãi về mái trường tuổi thơ thân yêu – nơi thắp lên màu hoa phượng đỏ như ngọn lửa cháy sáng suốt cuộc đời tôi.

(Bài làm của một học sinh Thanh Hoá, sđd*)*

Đề 3

Kể lại một kỉ niệm sâu sắc về cô giáo chủ nhiệm của em.

BÀI LÀM

Hết tiết sinh hoạt lớp cuối tuần, chúng em rủ nhau vào bệnh viện Bạch Mai thăm cô giáo chủ nhiệm bị ốm. Cô nghỉ dạy đã ba ngày nay, những tiết Văn không có ai dạy thay khiến chúng em càng cảm thấy trống vắng và nhớ cô nhiều.

Các bạn gái chạy đi mua trái cây và hoa tươi tặng cô (cô giáo em vốn thích hoa) còn các bạn trai thì chuẩn bị xe đạp, bơm lốp căng thêm để còn đèo nhau. Ai cũng mong được gặp cô giáo để hỏi thăm sức khoẻ và nói chuyện với cô.

Trời mùa đông nhưng chỉ hơi lạnh và nắng ửng lên rất đẹp. Chúng em đạp xe dọc theo các dãy phố nồng nàn mùi hoa sữa và đầy hoa bằng lăng tím. Giá lúc này có cô cùng đi thì vui biết mấy? Nhưng cô đang ốm thì đi làm sao? Tưởng tượng thật mông lung! Có bạn vẫn vô tâm, khe

khẽ hát một vài câu về "*Mùa thu Hà Nội*"! Thời tiết như cũng chiều lòng người. Bầu trời Thủ đô trong xanh, phố phường vui tươi, nhộn nhịp như một dự cảm tốt lành về buổi đến thăm cô giáo.

Bệnh viện đây rồi. Thấp thoáng những áo *bờlu* trắng đi lại nhanh nhẹn trên các hành lang. Những vườn hoa thoáng mát với lối đi rải sỏi sạch sẽ. Trên ghế đá, dưới bóng râm, các bệnh nhân ngồi nghỉ ngơi thư giãn. Thỉnh thoảng một chiếc xe cấp cứu rú còi chạy vào sân phá tan bầu không khí yên tĩnh.

Cô giáo nằm ở khu nhà B, tầng 3, phòng 4. Chúng em nhanh chóng gửi xe, chạy ào đến cầu thang và cứ nhảy hai bậc một lên tầng để sớm được nhìn thấy cô. Chỉ bạn Lan ôm bó hoa là không dám nhảy, sợ rụng hết hoa tươi tặng cô, đang xị mặt như hờn dỗi. Cuối cùng, cả bọn đã đứng trước phòng số 4. Cửa phòng khép hờ. Bạn lớp trưởng vừa gõ nhẹ thì đã nghe tiếng cô vọng ra, nhẹ nhàng, âu yếm: "Các em 8A phải không? Vào đi!" Chúng em đẩy cửa, ùa vào phòng như đàn chim non sà về tổ mẹ.

– Chào cô ạ!

– Em chào cô ạ!

Cô giáo gượng ngồi dậy, dựa lưng vào thành giường, nở một nụ cười trên gương mặt mỏi mệt, nhìn khắp lượt các gương mặt học trò thân yêu:

– Chào các em! Lan, Thu, Hà... lại cả Tuấn, Nam, Sơn... cả út Dung của cô nữa. Dung đến thăm cô thì ai nấu cơm cho bà? Ôi, lại cả bé Cường nghịch ngợm, cô hay mắng thế mà không giận cô ư? Cám ơn các em nhiều! Nào, lại cả đây, ngồi cả xuống đây với cô, rồi kể chuyện trường, chuyện lớp cho cô nghe đi nào. Mới xa các em có vài ba ngày mà cô nhớ quá!...

Chúng em đến ngồi lên mép giường xung quanh cô. Giường sắt, trải "*ga*" trắng muốt với tấm chăn len màu gạch. Bạn Hà khẽ kéo tấm chăn lên đắp nửa người cho cô giáo. Còn bạn Lan, thay mặt lớp, tặng cô bó hoa tươi và chúc cô chóng bình phục để về với lớp. Ôm bó hoa trong tay cô xúc động nhìn chúng em:

– Ôi, hoa đẹp quá! Nhưng tấm lòng các em còn đẹp hơn hoa nhiều! Cô xin cám ơn tất cả các em!

Bạn Thu gọt táo mời cô. Cô bảo chúng em cùng ăn với cô cho vui. Vừa ăn, chúng em vừa thi nhau kể chuyện trường, chuyện lớp cho cô nghe. Cô nghe chăm chú, đôi mắt mỏi mệt thỉnh thoảng lại sáng lên lấp lánh. Rồi cô thủ thỉ nói với chúng em:

– Trong đời dạy học của cô, đây là những phút giây hạnh phúc nhất. Cô đã từng là mẹ, đã từng có hạnh phúc từ những đứa con, nay lại có thêm một nguồn hạnh phúc mới là các em. Cô coi các em cũng như những đứa con của cô... Có người mẹ nào lại không mong con khôn lớn nên người?...

Bé Cường bẽn lẽn cúi đầu mân mê tà áo. Còn út Dung thì mở to mắt nhìn cô vì thấy khuôn mặt của cô sao giống khuôn mặt người mẹ thân yêu khi còn sống. Tất cả chúng em đều im lặng để cho lời nói ân tình của cô cứ thấm sâu mãi vào hồn mình...

Trưa mùa đông, nắng ấm bỗng bừng lên rực rỡ. Cô tiễn chúng em ra cửa, cầm tay từng đứa một và khẽ hôn lên mái tóc bé Cường. Nụ cười mệt mỏi hé nở trên khuôn mặt xanh xao của cô. Nhìn kĩ, thấy mắt cô lấp lánh ngấn nước.

(Bài làm của một học sinh Hà Nội, sđd*)*

Đề 4

Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến cho thầy, cô giáo buồn.

BÀI LÀM

Tiết sinh hoạt hôm ấy, cô giáo chủ nhiệm cho lớp chúng em thảo luận về một vấn đề trong học tập:

"Thế nào là giúp đỡ bạn trong học tập? Em đã giúp đỡ bạn trong học tập ra sao?"

Vấn đề thật thiết thực, bổ ích và lí thú. Cả lớp đã thảo luận, tranh luận rất sôi nổi và cô giáo đã tổng kết lại thành những nguyên tắc, thái độ và cách thức giúp đỡ bạn trong học tập.

Khác với mọi khi, buổi sinh hoạt này Nam ngồi im không nói. Cậu ta như thu mình lại trong góc lớp, cúi đầu xuống, không dám nhìn ai và càng tránh ánh mắt của cô giáo chủ nhiệm. Có điều gì khiến Nam lo lắng bồn chồn, thấp thỏm không yên? Và đúng như vậy, cuối buổi sinh hoạt, cô giáo chủ nhiệm nói:

– Các em về chuẩn bị cho bài học tuần sau. Riêng em Nam ở lại gặp cô.

Nam giật thót người, mặt nóng bừng rồi tái dần. Trời lạnh mà mồ

hôi rịn ra ướt cả áo. À, thì ra cô đã biết mọi việc rồi. Cứ tưởng là... Thôi thì đành thú nhận trước cô để mong cô tha thứ, giúp đỡ như tấm lòng một người mẹ.

Cả lớp về hết, chỉ còn Nam và cô giáo. Em ngước nhìn cô. Nét mặt cô vẫn hiền từ, dịu dàng nhưng thoáng đượm buồn, đôi lông mày khẽ nhíu lại trên khuôn mặt đăm chiêu, suy nghĩ. Cô nhẹ nhàng:

– Sao hôm nay cô không thấy em phát biểu? Thế em có đồng ý với ý kiến của các bạn và lời tổng kết của cô về thái độ và cách thức giúp đỡ bạn không?

Nam lí nhí:

– Thưa cô, có ạ.

Cô giáo lại ân cần hỏi tiếp:

– Thế em đã làm gì để giúp đỡ bạn trong học tập, nhất là môn Toán, khi em là *"cây Toán"* của lớp, được các bạn tín nhiệm và thầy dạy Toán ngợi khen?

Nam đỏ bừng mặt lúng túng:

– Thưa cô, em chưa giúp đỡ được gì cho các bạn cả...

Cô nhìn Nam, không nói, cũng không hỏi nữa, chỉ khẽ thở dài. Miệng cô mím lại nhưng mắt cô thì hình như ươn ướt. Em thấy khuôn mặt cô lúc này giống như khuôn mặt mẹ em những lúc em có lỗi, em không nghe lời mẹ. Phải chăng cô đang buồn vì Nam? Khuôn mặt cô vẫn hiền từ, cô không hề mắng mỏ Nam, nhưng chính điều này lại càng khiến Nam sợ và hối hận... Nam cúi đầu xuống bàn, không dám nhìn cô nữa, nhưng tiếng nói dịu dàng của cô lại vang lên bên tai:

– Nam ạ, cô rất tiếc cho em...

Không chờ cô nói hết, Nam đã bật đứng dậy, vòng tay trước cô. Nó thu hết nghị lực để nói lên một câu nói đứt quãng, lắp bắp không thành lời:

– Thưa cô... thưa cô... em có lỗi... em xin cô... tha lỗi cho em. Em đã giúp đỡ bạn... không đúng trong khi... làm bài kiểm tra. Tội của em... rất lớn... em xấu hổ lắm!... Mong cô... và các bạn... tha tội cho em! Em... em... xin hứa với cô...

Cô giáo nhẹ nhàng đặt bàn tay lên vai Nam, bảo em ngồi xuống:

– Cô biết cả rồi! Thầy giáo dạy Toán cũng đã phát hiện ra khi chấm bài, thấy bài của em và của bạn Thuý giống nhau như hai giọt nước. Lẽ ra cả hai bài đều được điểm 10, nhưng thầy đã cho cả hai bài điểm 0 vì

một bài chép của bạn và một bài để cho bạn chép. Cả lớp cũng đang xì xào bàn tán về chuyện này. Đa số các bạn đều không đồng tình đối với việc làm của hai em. Riêng bọn con gái thì "*lên án*" em gay gắt. Cô chỉ tiếc cho em là học giỏi thế mà lại không biết cách giúp đỡ cho bạn mình, trái lại, "*cách giúp đỡ*" của em chỉ càng làm cho bạn ỷ lại, nên ngày càng kém hơn.

Nam gục đầu xuống bàn. Bên tai nó, tiếng cô nghiêm khắc mà dịu hiền:

– *Hội đồng Giáo dục* nhà trường đã quyết định xoá tên em trong danh sách *Đội tuyển Toán* thi học sinh giỏi cấp thành phố sắp tới, cũng chỉ vì việc ấy. Chắc em buồn lắm! Còn riêng cô, cô đau xót và thật tiếc cho em...

Nam oà khóc nức lên. Ân hận! Nghẹn ngào! Hình như tất cả đối với nó đã muộn, đã sụp đổ hết!? Cô giáo im lặng, ôm lấy đôi vai rung rung của cậu bé, khe khẽ vuốt tóc nó... Nó xấu hổ vô cùng!

Bài học nhỏ nhớ đời ấy, đến nay Nam vẫn chưa thể nào quên...

(Bài làm của một học sinh Nghệ An, sđd*)*

Đề 5

Năm nay lên lớp 8, em bỗng thấy mình đã lớn. Hãy kể những điều về bản thân để chứng tỏ điều đó.

BÀI LÀM

– Thùy Linh, dậy đi con! Năm nay lên lớp 8, con đã là người lớn rồi đấy. Đừng để mẹ phải gọi con dậy đi học như những năm trước nữa nhé.

Nghe tiếng mẹ gọi, tôi choàng dậy. Nhìn đồng hồ trên tường: đã bảy giờ kém mười lăm. Tôi vội gấp chăn màn, đánh răng rửa mặt, chải đầu, không kịp ăn sáng, mặc bộ đồng phục, vớ lấy cái cặp sách rồi chạy vội đến trường...

Giấc ngủ quên để mẹ phải gọi dậy khiến tôi xấu hổ. Bởi vì mẹ đã nói đúng: *tôi đã lớn*. Điều này hơn ai hết, chính tôi đã cảm thấy mình như vậy. Từ những ngày kết thúc năm học lớp 7 và nhất là trong kì nghỉ hè chuẩn bị vào lớp 8, tôi thấy trong tôi có nhiều thay đổi.

Trong năm học lớp 7, tôi được các bạn bầu làm lớp phó phụ trách học tập và bản thân tôi, cuối năm đã đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, được

nhà trường khen thưởng. Tôi đã cùng với các bạn đưa phong trào học tập của lớp ngày càng tiến lên, xứng đáng là một trong những lớp điển hình về học tập tốt của trường. Lớp không có bạn nào học yếu, tỉ lệ học sinh khá và giỏi cao nhất toàn trường và đặc biệt đã hạn chế đi đến chấm dứt thái độ sai trong học tập. Các bạn gọi tôi bằng cái tên thân yêu, tin cậy: "*Chị hai học tập, luôn giúp mọi người*".

Nhưng điều mà tôi cảm thấy *tôi đã lớn* rõ nhất là sự chủ động trong công việc, học tập, là ý thức tự lập, tự vươn lên của người học sinh mới, không để ai phải nhắc nhở, giục giã, đôn đốc, kiểm tra mình mà tự mình phải đề ra công việc cho mình, tự mình phải quản lí lấy mình trong học tập, công tác ở trường cũng như mọi sinh hoạt trong gia đình. Từ năm lớp 7, tôi đã có thời gian biểu học tập và sinh hoạt hàng ngày một cách hợp lí, khoa học và tôi đã cố gắng thực hiện đúng. Góc học tập ngăn nắp, giờ học, giờ nghỉ, giờ chơi đâu ra đấy, khiến bố tôi đi công tác xa về cũng phải thốt lên: "Thùy Linh đã thành người lớn rồi đấy! Bố rất mừng".

Bố nói đúng và tôi thấy hãnh diện, vui sướng về lời nhận xét đó. Tôi cảm thấy, từ lúc nào không biết nữa, tôi đã ăn mặc gọn gàng hơn trước, đầu tóc luôn sạch sẽ, tết thành hai dải đuôi sam xinh xắn. Và nhất là trong cách ăn nói, ứng xử với mọi người – kể cả trong gia đình và ngoài xã hội – tôi đã làm mọi người vui lòng và yêu mến. Hình như tôi đã cố gắng làm đúng như câu tục ngữ đã học ở lớp 7: "*Cái răng, cái tóc là góc con người*", "*Học ăn, học nói, học gói, học mở*" để giữ được vẻ đẹp của người Hà Nội:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Vâng! Đúng là tôi đã lớn, đã thành người lớn. Tôi quyết phấn đấu, rèn luyện để trở thành "con ngoan, trò giỏi, cháu ngoan của Bác Hồ" như thầy cô và cha mẹ mong muốn.

(*Bài làm của một học sinh Hà Nội,* sđd)

Đề 6

Kể về một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi.

BÀI LÀM

Một tối chủ nhật cuối tháng chạp – tháng củ mật, anh trai tôi gọi tôi lại bảo:

– Này Bống, tối nay anh có việc bận đột xuất lên sân bay đón chị Bông về phép. Vậy chú có thể giúp anh canh vườn một đêm không?

– Rất sẵn lòng, với điều kiện anh phải giải hộ em bài toán sao (*) cô giáo vừa giao.

– Xong ngay! Nhưng nhớ tỉnh ngủ, cảnh giác cao độ. Cữ này là lắm trộm đạo tới thăm đấy. Chú ý mấy luống hoa hồng, nhất là khóm hồng bạch. Đã mất sáu bông đẹp nhất rồi, chỉ còn độc bông to nhất ấy thôi! Mất nữa, khéo *dông* cả năm chứ bỡn!

Chưa dứt câu, anh đã vội khỏi nhà. Tôi lẳng lặng ra góc vườn, giấu mình bên gốc hoàng lan.

Đêm đã khuya, rét ngọt, gió hiu hiu. Lạnh thấm qua khe cổ áo len, buốt nhoi nhói. Bỗng tôi giật nẩy mình vì phát hiện một chiếc bóng thấp, nhỏ vừa trèo qua dãy tường rào, lách qua mấy luống cải ngồng cao vóng rồi dừng lại trước khóm hồng bạch giữa vườn. Bông hoa trắng tròn xoe duy nhất khẽ đu đưa trên cành cao nhất. Hương thơm nhè nhẹ toả lan. Bóng nhỏ ấy hình như là một bé gái chừng hơn mười tuổi. Nó kiễng chân, nhìn trước, nhìn sau rồi thì thào khấn rất trang nghiêm:

– Trăm lạy Nữ thần Hồng Bạch... Xin Người...

Nó trịnh trọng nâng cái kéo nhỏ sát cành hoa...

Bống:

– Đứng im!

Tôi quát lớn và lập tức nhảy tới. Tiếng quát vang trong đêm, giữa khu vườn vắng, chính tôi nghe cũng thấy sợ choáng cả người.

Phụp! Chiếc kéo rời khỏi bàn tay bé nhỏ, rơi xuống đất. Cái bóng sụp xuống, run rẩy, ú ớ:

– Mẹ ơi! Ma!... Ma!...

Lát sau, bé mới từ từ đứng lên, dụi mắt. Tôi đã sừng sững đứng trước mặt, tay lăm lăm cây gậy tre đực cứng như sắt. Tôi bắt đầu tra hỏi bằng giọng khá quyền uy:

– Tại sao dám ăn trộm hoa?

– Mẹ em... mẹ em... dạ...

Bé gái ngập ngừng, lúng túng.

– Trả lời cho đúng! Ai xui em ăn trộm hoa hồng bạch hả?

Bé gái vẫn run rẩy trước tôi – một cậu bé trai cũng trạc tuổi nó. Có lẽ vì bị bắt quả tang, vì sợ, vì rét. Trên người nó chỉ phong phanh một chiếc áo mỏng.

– Đã ăn...à... lấy mấy lần rồi?

– Sáu lần ạ!

– A! Thì ra kẻ trộm mấy lần trước cũng là em? Nhưng lấy làm gì mà nhiều thế?

– Về làm... làm thuốc cho mẹ!

Tôi ngạc nhiên, hỏi lại:

– Làm thuốc mà những sáu lần? Kể cụ thể xem nào? Đây không thèm đánh đâu mà sợ!

– Mẹ em sốt, ho, bật máu tươi. Người rạc như mắm. Tiêm, uống đủ loại thuốc đều không đỡ. Mà nhà hết cả tiền rồi. Bố bỏ mẹ con em, đi biệt từ lâu. Mẹ nghỉ mất sức từ năm, sáu năm nay...

Bé nấc nghẹn, kể tiếp:

– Em thương mẹ em lắm, nhưng chỉ biết nhìn mẹ mà khóc. Có người bảo: Đi lấy bảy bông hồng bạch về làm thuốc là có thể chữa khỏi bệnh cho mẹ. Thế là em liều...

Trong tôi, giảm hẳn cơn bực, giận mà bắt đầu ái ngại cho nó:

– Sao *ấy* không hỏi xin đàng hoàng? *Đây* không biết, tưởng trộm thật, vụt cho một gậy thì có khổ không?

– Em ngại... Em sợ...

Tôi cúi nhặt chiếc kéo, tách nhẹ một nhát, cắt ngọt bông hồng bạch duy nhất còn lại trong vườn, trao cho cô bé:

– Mình tặng bạn bông hồng này... Chúc mẹ bạn mau lành bệnh!

Định đưa tay ra đỡ, bỗng hai tay cô bé lại buông thõng, như bất lực. Cô bé thút thít:

– Không! Không được đâu! Người mách thuốc dặn đi dặn lại, rằng muốn đuổi được cái ho, cái sốt, hoa hồng bạch nhất thiết phải là hoa đi ăn trộm. Thế là mẹ em không thể khỏi được nữa rồi! Hu! Hu!

Cô bé thổn thức, uể oải bỏ về. Tôi ngơ ngác nhìn theo, xoay xoay bông hồng, rồi thả rơi xuống đất. Như chợt nhớ ra điều gì, tôi gọi với:

– Này! Bạn ấy ơi!

Tôi bước nhanh vào nhà, nhưng tay lại ra hiệu về phía góc vườn. Tôi vừa ngáp vừa bước vào sau cửa:

– Chà! Ngủ tiếp thôi!

Nhẹn như một chú mèo, cô bé bước nhanh tới góc vườn, thoáng chốc lại bươn bả quay ra, trong tay đã cầm chặt bông hồng trắng.

– A! Trộm! Trộm!

Tôi quát khẽ, lách ra cửa, từ từ đuổi theo, vung gậy vun vút vào không khí. Cô bé vụt chạy, cuống quýt trèo qua tường, buông mình nhảy vội xuống đánh huỵch. Tôi đến sát tường, nghển cổ nhìn, thấy cô nhổm dậy, cà nhắc, thập thõm cố chạy đi. Tiếng rên đứt đoạn, xa dần...

Tôi nhìn theo, mắt nhoà mờ... Một lúc sau lững thững đi vào, lại giường, nằm trằn trọc hồi lâu... Ngày mai, mình sẽ đến thăm bạn ấy, tôi tự nhủ...

Nhưng chết rồi! Chưa kịp hỏi tên, hỏi nhà ở đâu thì biết làm sao?!

Tôi chỉ còn biết thở dài, trách mình vô ý...

Đêm đã khuya lắm...

*Viết lại theo truyện ngắn "**Bông hồng thứ bảy**"*
*của **Diễn Ngọc Phách**.*

(**Tài hoa trẻ**, *Giải thưởng truyện ngắn và thơ tứ tuyệt, 7-1998*)

Đề 7

Kể về một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích.

BÀI LÀM

Hè học năm lớp ba, mẹ dẫn tôi về quê ngoại ăn giỗ rồi nghỉ hè luôn. Cậu Sung cho tôi con Sáo Mỏ Vàng mới mọc lông măng. Chiều chiều, tôi xách lồng sáo theo lũ trẻ chăn trâu ra đồng bắt cào cào, châu chấu. Tôi làm theo lời cậu, tập cho chim ăn mặn để nó không bỏ đi. Chả bao lâu, Sáo Mỏ Vàng đã mọc đủ lông đuôi, lông cánh.

– Cháu phải cắt một ít lưỡi thì mới dạy nó nói được.

– Vì sao lại thế? Tôi ngạc nhiên hỏi lại.

– Nghe các cụ bảo vậy.

Cậu tôi cười. Tôi lại làm theo lời cậu, mỗi ngày dạy Sáo tập nói vài ba giờ đồng hồ. Mỗi lần nó nói được một câu mới, tôi lại thưởng cho chú chàng một miếng chuối ngọt lừ hay con *muồm muỗm* béo mầm. Sáo Mỏ Vàng khá thông minh. Chỉ hơn mười ngày, nó đã có thể nói được những câu dài sáu, bảy tiếng.

Tiếng lành đồn xa. Thằng *Huy Gù* (là tên tôi, và vì lưng tôi bị chút tật từ năm lên hai, ngã vào lồng cối gạo!) có con Sáo Mỏ Vàng biết nói tiếng người đã lan khắp làng trên, xóm dưới. Không ít người từ thành phố phóng xe máy chạy mấy chục cây số tới xem. Có ông khách trả giá đến ba chỉ mà bố tôi và tôi nhất định không bán. Bố tôi bảo để nuôi cho vui cửa, vui nhà.

Sáo Mỏ Vàng vẫn thường theo tôi ra đồng. Lũ trẻ con chúng tôi chơi đùa như quỷ, hết trò này sang trò khác, không chán. Sáo Mỏ Vàng tha thẩn đi dọc những luống cày, nhặt sâu, bọ hay nhảy lên lưng trâu, bò bắt rận, tìm ve, mòng.

Chiều hôm ấy, có đàn chim sáo lạ từ bờ bắc sông Hồng bay về. Dễ đến dăm chục con. Chúng sà xuống ruộng, nhảy lên lưng trâu, bò, ríu rít bay qua, bay lại. Con Sáo Mỏ Vàng của tôi cứ nghênh nghênh cái đầu nhìn đồng loại với vẻ lạ lẫm và ngơ ngác. Tôi vẫy tay gọi nó:

– Vàng ơi! Lại đây nào!

Nó xoè cánh bay, rồi đậu trên vai tôi, nhưng vẫn nghển cổ nhìn đàn

chim đang ríu ran, nhảy nhót trên đồng. Tôi vuốt bộ lông đen mượt của nó, vỗ về:

– Đừng buồn nghe cưng! Chiều nay ta sẽ đãi mình một tiệc chuối tiêu trứng cuốc chín vàng!

Sáo hình như không để ý gì đến lời tôi. Đôi mắt đen huyền vẫn tròn xoe nhìn dõi theo bầy chim. Và tiếng gọi của đồng loại đã mạnh hơn con người. Nó vỗ cánh vụt bay về phía đàn sáo, đầu vẫn nghênh nghênh như ngơ ngơ ngác ngác. Đàn sáo lạ thi nhau hót:

– *Cheo chét! Chét! oét!!*

Hình như bị kích thích, Sáo Mỏ Vàng cũng vươn cổ:

– Nhà có khách! Nhà có khá–ách!

Tiếng nó vang lên khiến đàn chim ngừng bặt, sững sờ.

– Chào các đại ca! Chào các đại ca!!

Con sáo của tôi hót lanh lảnh. Đàn sáo như sợ hãi, giật mình, hốt hoảng bay toá lên. Sáo Mỏ Vàng nhìn theo, nghiêng nghiêng cái đầu. Cái mỏ vàng ha há rồi trong phút chốc nó cũng sải cánh vụt bay theo đàn sáo, vừa bay vừa nói to những câu tôi dạy. Đàn sáo càng hoảng sợ, càng bay nhanh hơn. Tôi cũng hốt hoảng chẳng kém gì đàn sáo, cũng hãi mốt vừa chạy theo vừa gọi thất thanh:

– Sao... a! Sáo! S..á..o...ó!

Nhưng nó như chẳng thèm nghe nữa, cứ mải bay theo đàn chim. Thế là mất! Tôi ngồi xuống bờ ruộng thẫn thờ nhìn theo bóng đàn chim lẫn vào đám mây bạc cuối chân trời, lòng buồn như trấu cắn. Hay tin, mẹ tôi xuýt xoa:

– Biết thế, bán quách cho người ta có phải hơn không!

Bố tôi chặc chặc lưỡi sau khi nhả khói thuốc lào mù mịt như màn sương núi:

– Thôi! Thế là cũng giải phóng cho nó thoát sự tù hãm và khỏi phải nói những lời nhạt hoét của con người.

Chị em tôi buồn, tiếc, chẳng muốn ăn cơm tối. Lúc nào cũng tưởng tượng con Sáo Mỏ Vàng bây giờ đang vui vầy cùng họ hàng nhà nó ở tận mãi đâu đâu... Thế là một người bạn tốt đã bỏ ta mà đi! Tôi thầm cất lên lời than oán...

Ngờ đâu, một tuần sau, con sáo của tôi lại bay về với bộ lông xơ xác, tả tơi, gầy mõ. Rất có thể đàn sáo kia không chấp nhận nó – một kẻ lạc loài. Bố tôi bảo:

– Chắc cu cậu không quen ăn nhạt.

– Thật tội nghiệp! Mẹ tôi chép miệng, thở dài.

Tôi lại cho Sáo Mỏ Vàng vào lồng, cố bồi dưỡng cho nó, nào chuối tiêu, nào cào cào, châu chấu... Tôi muốn bù lại cho Sáo mấy ngày đói khát trong tự do vừa qua. Nhưng quái lạ, con Sáo trở nên trái tính, trái nết. Nó ăn rất ít, nhất quyết không chịu học thêm một câu, một từ mới nào, dù tôi cố dạy, cố chiều chuộng. Nó cứ ra rả, nheo nhéo, lảnh lót nói không ngừng, liên hồi, hết câu này đến câu khác, nhại đi, nhại lại những câu tôi đã dạy.

Một tháng sau, một buổi sáng chớm thu, gió vàng se sắt. Sáo Mỏ Vàng của tôi đã gục chết vì rách họng.

Mẹ tôi rơm rớm nước mắt. Bố tôi thở dài, hút liền ba điếu thuốc lào, phà khói mù mịt như sương núi, lắc lắc mái đầu muối tiêu, im lặng. Chị tôi ghi vào sổ tay:

"Tuổi của Sáo Mỏ Vàng biết nói là hai mươi mốt tháng lẻ sáu ngày một đêm."

Tôi ngẩn ngơ hơn hai tuần lễ, tiếc thương như mất hẳn một người bạn cố tri. Ngậm ngùi chôn Sáo Mỏ Vàng dưới gốc hồng xiêm giữa vườn, đêm đêm, tôi vẫn thường nghe tiếng nó cất lên ai oán trong mưa sa, gió lạnh.

*(Viết lại theo truyện ngắn "**Con sáo biết nói**"*

của **Thái Sinh – Tài hoa trẻ**, *Tlđd).*

Đề 8

Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng.

BÀI LÀM

Tôi là học sinh lớp 8A trường Lê Ngọc Hân – Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Gia đình tôi ở phố Kim Ngưu, cách trường gần ba cây số, tôi thường đi học bằng ô tô buýt rất an toàn và tiện lợi.

Chiều hôm ấy, tôi đang chờ ô tô để về nhà thì thấy một bà cụ già cũng đến điểm đỗ chờ xe. Bà đi một mình, lại xách một làn nhựa khá nặng. Tôi vội chạy lại, xách làn cho bà và đưa bà đến ngồi ở ghế trong nhà chờ. Nhìn những nếp nhăn trên gương mặt với đôi mắt đã mờ, cái miệng móm mém và mái tóc bạc phơ, tôi thấy bà giống bà nội tôi quá. Chỉ khác là lưng bà đã còng, còn bà nội tôi thì lưng vẫn thẳng. Vậy mà bà nội tôi chỉ ở nhà với cháu, còn bà thì vẫn phải đi lại một mình trên đường. Không biết bà đi đâu khi đã gần tối? Tôi liền hỏi bà:

– Bà ơi! Trời sắp tối rồi bà còn đi đâu? Mà bà xách làn gì nặng thế?

Bà cụ cười móm mém:

– Bà đi thăm cháu nội. Con dâu bà vừa sinh cháu sáng nay. Nhà bà neo người không có ai nên bà đành đi một mình vậy. Bố nó là bộ đội Trường Sa, hai ba năm mới được về thăm nhà một lần. Đến lúc về, có khi con đã biết chạy rồi...

Tôi nhìn vào chiếc làn thấy lỉnh kỉnh bao nhiêu thứ: quần áo trẻ con, tã lót, hộp sữa, bình sữa, thức ăn, giấy vệ sinh, lại cả một phích nước... Lại nhìn tấm lưng còng và đôi chân gầy yếu, bước đi đã run run của bà, tôi thấy ái ngại, thương bà quá... Bỗng một ý nghĩ thoáng qua, tôi vội hỏi bà:

– Bà ơi! Thế cô sinh em ở bệnh viện nào ạ?

– Ở bệnh viện Thanh Nhàn, khoa sản.

– Ôi, bệnh viện ấy gần nhà cháu. Để cháu đưa bà đến tận chỗ cô nằm.

– Thế thì cám ơn cháu nhiều lắm. Bà không phải hỏi thăm đường nữa...

Ô tô buýt đến. Tôi xách làn, đưa bà lên xe vào chỗ ngồi, mua vé cho bà, rồi ngồi cạnh bà. Bà khen tôi nhanh nhẩu như cháu gái của bà ở tận

trong quê. Đến điểm đỗ gần bệnh viện, tôi lại xách làn đưa bà xuống và dẫn bà vào bệnh viện, đến tận giường nằm của con dâu và cháu nội bà. Nhìn bà ngồi trên giường, bế đứa cháu nội trên tay và cười móm mém với nó, tôi cảm thấy vui sướng vì đã làm được một việc nhỏ giúp bà trong lúc khó khăn. Khi chào bà ra về, bà còn nhắc mãi câu: "Cháu gái của bà tốt quá! Bố mẹ cháu có đứa con ngoan quá!..."

Ra đến cổng bệnh viện, hai mươi phút sau mới có chuyến ô tô buýt chạy ngược lại phía nhà tôi. Trời đã tối. Thành phố đã lên đèn. Đến bến đỗ vào ngõ nhà tôi, vừa xuống xe, cái Thục Phương, em gái tôi đã chạy ngay đến, thì thầm vẻ quan trọng:

– Chị Minh Phương! Sao chị về muộn thế? Mẹ bắt em ra tìm chị. Bố mẹ và cả bà nội nữa, đều cuống lên, lo chị bị "mẹ mìn" lừa bắt lên bán ở biên giới. Chị liệu về mà xin lỗi bố mẹ đi. Cả nhà chưa ai ăn cơm cả, đang chờ chị về đấy...

Tôi toát hết mồ hôi. Thôi chết rồi, mẹ đã dặn có việc gì về muộn phải gọi điện báo cho nhà biết. Hôm nay, đưa bà cụ lên xe đến bệnh viện, tôi quên khuấy mất điều đó. Chạy vội về nhà, tôi len lét bước vào xin lỗi bố mẹ và bà nội, cất cặp sách rồi ngồi vào bàn ăn. Trong bữa ăn, tôi đã kể cho cả nhà biết lí do về muộn của mình. Nghe xong, bố mẹ tôi không chỉ ngạc nhiên mà còn rất vui lòng khi thấy đứa con của mình đã biết làm một việc tốt.

(Bài làm của Nguyễn Thảo Minh Phương, học sinh Hà Nội, sdd)

Đề 9

Hãy tưởng tượng mình là chị Dậu và kể lại cảnh Tức nước vỡ bờ (trong Tắt đèn) theo ngôi thứ nhất.

BÀI LÀM

...Tôi đã phải rứt ruột đem bán đứa con gái đầu lòng cùng với một ổ chó mà vẫn không đủ tiền nộp sưu cho chồng và cả chú Hợi đã chết từ năm ngoái! Chồng tôi vẫn bị giam cầm, đánh đập tàn nhẫn ở ngoài đình. Mãi đến đêm hôm qua người ta mới cõng chồng tôi về rũ rượi như một xác chết. May sao, nhờ bà con xung quanh xúm đến cứu giúp, anh ấy mới tỉnh. Lại được bà lão hàng xóm cho bát gạo, tôi mới nấu bát cháo để anh húp cho lại sức.

Chồng tôi cố ngồi dậy bưng bát cháo, chưa kịp đưa lên miệng thì ông cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng. Thật kinh hoàng! Ông cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bắt chồng tôi phải nộp ngay tiền sưu. Hoảng quá, chồng tôi vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Ông người nhà lí trưởng lại còn mỉa mai và mắng vào mặt tôi những lời cay độc.

Trong tình cảnh ấy, tôi chỉ còn biết cúi đầu van xin hai ông làm phúc nói với ông lí cho tôi được khất. Và mặc dù ông cai lệ đã quát mắng thậm tệ, tôi vẫn thiết tha xin ông trông lại. Chồng tôi đang đau ốm thế kia, làm sao tôi không tha thiết van xin cho được?

Nhưng rồi, đùng đùng, ông cai lệ giật phắt cái thừng trong tay người nhà lí trưởng và chạy sầm sập đến để trói chồng tôi. Tôi xám mặt, hết cả hồn, vội đặt con xuống đất, chạy lại đỡ lấy tay ông ta xin tha cho chồng. "– *Tha này! Tha này!*", vừa nói ông ta vừa bịch luôn vào ngực tôi mấy bịch rồi lại sấn đến để trói chồng tôi. Lúc đó tức quá không thể chịu được, tôi liều mạng cự lại:

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Ông ta lại tát vào mặt tôi rồi nhảy vào cạnh chồng tôi. Lúc này không còn là lúc để cúi đầu van xin nữa, và một sức mạnh từ đâu đã trào lên khiến tôi nghiến hai hàm răng trước kẻ đại diện cho cường quyền:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi tôi túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng tôi. Thấy vậy, ông người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh tôi. Tôi liền nắm ngay được gậy của hắn, túm tóc hắn, lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu được vì sao lúc ấy tôi lại có đủ sức mạnh để đánh ngã cả hai tên ác ôn tàn nhẫn ấy? Đến mức chồng tôi sợ quá phải ngăn tôi: "U nó không được thế!", nhưng tôi đã trả lời: "Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được..."

(Bài làm của một học sinh quận Cầu Giấy – Hà Nội)

Đề 10

Nếu là người được chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào?

BÀI LÀM

Tôi biết lão Hạc rất quý con chó. Đó là con chó mà đứa con trai của lão mua về nuôi để sau này cưới vợ. Con trai lão đã đi phu đồn điền cao su, lão ở nhà nuôi con chó để chờ ngày đứa con về. Lão gọi con chó là cậu Vàng, coi nó như một người bạn trong cuộc đời nghèo khổ và cô độc của lão. Vậy mà bỗng dưng lão lại bán nó đi...

Hôm ấy lão sang nhà ông giáo. Vẻ mặt bần thần, như có điều gì ân hận, lão báo ngay với ông giáo:

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

– Sao lại thế? Ông giáo sửng sốt hỏi lại.

– Tôi bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ nhưng tôi thấy lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước. Ông giáo cũng không cầm được nước mắt, đành hỏi cho có chuyện:

– Thế nó cho bắt à?

Tôi thấy mặt lão đột nhiên co rúm lại. Cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc và nói trong nước mắt:

– Khốn nạn... Ông giáo ơi!... Nó có biết gì đâu!

Rồi lão kể lại chuyện lão gọi con chó về cho nó ăn cơm để thằng Mục và thằng Xiên nấp trong nhà lừa bắt nó. Nó kêu ư ử, nó nhìn lão, nó trách lão như thế nào, lão kể hết cho ông giáo nghe, rồi tự xỉ vả mình:

– Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!

Ông giáo an ủi lão rằng bán nó đi cho người ta thịt chính là hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác thì lão chua chát bảo:

– Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp

người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...

Rồi lão lại bần thần, mắt như nhìn vào một cõi xa xăm vô định nào. Nước mắt lại ứa ra, chảy trên đôi má nhăn nheo của lão. Ôi! Cũng một kiếp người mà sao cuộc đời lão lại khổ như vậy? "*Kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!...*" Một kiếp người mà phải "đánh lừa một con chó" mình rất yêu quý – tất cả cũng chỉ vì cuộc sống khắc nghiệt đã đè nặng lên số phận lão! Và câu nói về cái *kiếp người khổ nhục* ấy của lão cứ xoáy mãi vào lòng tôi khi tôi được chứng kiến câu chuyện thương tâm này.

(Bài làm của một học sinh Phú Thọ)

Đề 11

Hãy đóng vai nhân vật Xiu kể lại quá trình hồi phục trở về với cuộc sống của Giôn – xi (trong Chiếc lá cuối cùng).

BÀI LÀM

...Bệnh tình của Giôn–xi ngày càng nặng. Tôi và cụ Bơ–men hết sức lo lắng tìm mọi cách để động viên, cố giữ cô ta lại với cuộc sống. Bởi Giôn–xi đã suy sụp tinh thần và đang nghĩ đến cái chết của mình từng ngày, từng giờ như số phận mong manh của chiếc lá thường xuân cuối cùng trong mưa tuyết dữ dội nơi cửa sổ cô nằm.

Sáng hôm ấy, tôi vừa tỉnh dậy thì thấy Giôn–xi đang thẫn thờ nhìn tấm mành che kín cửa sổ và thều thào ra lệnh:

– Kéo nó lên, em muốn nhìn.

Tôi lo lắng kéo tấm mành lên. Nhưng, ô kìa! Sau một đêm mưa tuyết dữ dội, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Chiếc lá cuối cùng vẫn chưa rụng.

Giôn–xi nói với tôi: "Em cứ tưởng là nhất định trong đêm qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết".

Tôi hốt hoảng cúi xuống sát gối Giôn–xi, nói như van xin: "Em thân yêu, em hãy nghĩ đến chị. Chị sẽ làm gì đây nếu không còn em nữa?".

Giôn–xi không trả lời. Cô đang nghĩ đến cái chết sắp đến đưa cô đi.

Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, tôi và Giôn-xi vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc níu vào cái cuống của nó trên tường. Rồi đêm buông xuống và gió bấc lại ào ào, mưa tuyết vẫn đập mạnh vào cửa sổ nơi Giôn–xi nằm. Tôi thầm nghĩ không biết số phận của chiếc lá và cô gái sẽ ra sao đây?...

Hôm sau, khi trời vừa hửng sáng thì Giôn–xi lại cầu xin tôi kéo mành lên. Thật tàn nhẫn, nhưng... thật lạ quá! Tôi không tin vào mắt mình nữa! Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó!?

Tôi thấy Giôn–xi nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. Rồi Giôn–xi gọi tôi khi tôi đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt và nói với tôi những câu rất lạ:

– Em thật là một con bé hư, có phải không chị Xiu thân yêu? Có một cái gì đây đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội.

Cô nói líu ríu với tôi như một đứa em gái nhỏ làm nũng chị:

– Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – chị hãy đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.

Sau đó một tiếng đồng hồ, Giôn–xi nói với tôi trong ánh mắt tươi vui chưa từng có:

– Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na–plơ.

Buổi chiều bác sĩ tới khám bệnh cho Giôn–xi. Khi tiễn ông ra về, ông cho biết bệnh tình của Giôn–xi đã giảm "được năm phần mười rồi"; và hôm sau, ông nói với tôi: "Cô ấy đã qua cơn nguy hiểm rồi, chị đã thắng". Tôi biết có công của tôi, công của bác sĩ, nhưng cái sức mạnh chủ yếu đã kéo Giôn–xi để giữ cô lại với cuộc sống chính là chiếc lá thường xuân cuối cùng đã không rụng xuống sau hai đêm mưa tuyết dữ dội, sau hai lần Giôn–xi ra lệnh kéo mành lên. Không phải chiếc lá thật mà là *chiếc lá cuối cùng* do cụ Bơ–men vẽ – một kiệt tác cụ để lại trước khi qua đời để cứu sống cô, mà sau đó tôi mới biết và đã kể lại cho Giôn–xi nghe...

(Bài làm của Nguyễn Hương Giang, Thành phố Huế)

Đề 12

Xan-chô Pan-xa kể về ông chủ Đôn Ki-hô-tê của mình trong trận Đánh nhau với cối xay gió và những sự việc xảy ra sau đó.

BÀI LÀM

Tôi đã từng làm giám mã cho nhiều ông chủ nhưng chưa có ai kì quặc như ông chủ Đôn Ki-hô-tê của tôi. Ông chủ tôi là một quý tộc nghèo vì quá say mê truyện hiệp sĩ nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ. Ông ta người gầy gò cao lênh khênh, cưỡi trên lưng con ngựa còm, tay lăm lăm ngọn giáo nhọn ra đi làm hiệp sĩ lang thang để trừ lũ gian tà, cứu người lương thiện. Ông phong cho con ngựa còm của mình là chiến mã Rô-xi-nan-tê, cho người phụ nữ nông dân mà ông thầm yêu xưa kia là Công nương Đuyn-xi-nê-a và đem theo hình ảnh của nàng như một sức mạnh tinh thần trên đường đi làm hiệp sĩ.

Hôm ấy, trên đường đi, chúng tôi phát hiện phía trước mặt có ba bốn chục chiếc cối xay gió giữa đồng. Nhưng Đôn Ki-hô-tê vừa nhìn thấy đã nói với tôi đó là những tên khổng lồ ghê gớm, và đây là dịp may hiếm có, ta quyết giao chiến giết hết bọn chúng, thu chiến lợi phẩm để phụng sự Chúa và trở nên giàu có. Tôi nói với ông đó là những chiếc cối xay gió, và mặc dù giải thích, can ngăn thế nào, Đôn Ki-hô-tê vẫn không nghe, cứ nhất quyết xông vào đánh. Lúc đến gần, thấy các cánh quạt bắt đầu chuyển động, Đôn Ki-hô-tê liền nói: "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri-a-rê-ô, các ngươi cũng sắp phải đền tội". Nói xong, Đôn Ki-hô-tê nhiệt thành tâm niệm cầu mong nàng Đuyn-xi-nê-a của mình cứu giúp cho trong lúc nguy nan này; rồi lấy khiên che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, thúc con Rô-xi-nan-tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt: gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gẫy tan tành, kéo theo cả ngựa và người văng ra xa trong một cái ngã như trời giáng.

Tôi vội chạy đến cứu, khi tới nơi thì thấy ông chủ nằm không cựa quậy. Nhưng khi tôi nói đây là những chiếc cối xay gió thì ông vẫn không tin, cứ khăng khăng cho rằng chính lão pháp sư thâm thù ông đã biến những tên khổng lồ kia thành cối xay gió để hại ông. Tôi chỉ còn biết cầu Chúa phù hộ cho ông, và nâng ông dậy, đỡ ông ngồi lại trên lưng con Rô-xi-nan-tê cũng bị toạc nửa vai.

Sau đó, chúng tôi đi về phía cảng La-pi-xê. Mặc dù bị ngã đau, không ngồi thẳng được trên lưng ngựa, nhưng Đôn Ki-hô-tê không hề kêu vì theo ông đã là hiệp sĩ giang hồ thì có bị thương thế nào cũng không được rên rỉ, dù xổ cả gan ruột ra ngoài. Đôn Ki-hô-tê quên cả ăn tối, và khi tôi nhắc thì ông bảo lúc này chưa cần ăn. Đến đêm, ông bẻ một cành khô, rút cái mũi sắt ở chiếc cán gẫy lắp vào làm thành ngọn giáo chuẩn bị cho những cuộc phiêu lưu mới. Và suốt đêm, ông không ngủ để nghĩ tới nàng Đuyn-xi-nê-a như những hiệp sĩ ông từng đọc trong sách thức trắng nhiều đêm ròng nhớ tới tình nương... Và đến sáng hôm sau, Đôn Ki-hô-tê không muốn ăn sáng vì, như người ta thường nói, "chàng nghĩ đến người yêu" cũng đủ no rồi.

Đấy, ông chủ Đôn Ki-hô-tê của tôi là như thế đấy mà câu chuyện *Đánh nhau với cối xay gió* có một không hai này là một sự việc làm tôi nhớ mãi để không chỉ gắn bó với ông mà còn hiểu rõ tính cách hiệp sĩ giang hồ một thời của ông.

(Bài làm của Tôn Nữ Đạm Phương, Thành phố Nha Trang)

Đề 13

Tóm tắt đoạn *Tức nước vỡ bờ* (trong Tắt đèn của Ngô Tất Tố) bằng một đoạn văn khoảng 20 dòng.

BÀI LÀM

Sau những ngày bị giam cầm, đánh đập ở ngoài đình vì thiếu sưu, đêm hôm ấy, người ta cõng anh Dậu rũ rượi như một xác chết về trả cho chị Dậu. Sáng hôm sau, bà lão láng giềng mang cho bát gạo, chị nấu cho anh bát cháo để húp cho lại sức.

Anh Dậu cố ngồi dậy bưng bát cháo, chưa kịp đưa lên miệng thì tên cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng. Chúng quát tháo, chửi mắng thậm tệ, bắt vợ chồng chị phải nộp ngay tiền sưu cho người em đã chết từ năm ngoái! Anh Dậu hoảng quá, ngã lăn đùng ra phản; còn chị Dậu thì run run, thiết tha van xin "hai ông làm phúc nói với ông lí cho khất". Cai lệ không nghe, bảo người nhà lí trưởng trói anh Dậu giải ra đình. Anh này còn đang lóng ngóng, thì đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay hắn và chạy sầm sập đến trói anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay cai lệ xin hắn tha cho chồng. Nhưng hắn đã bịch vào ngực chị mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu. Chị Dậu liều mạng cự lại, bị hắn tát vào mặt một cái đánh bốp. Đến lúc ấy, không thể chịu được nữa, chị nghiến hai hàm răng: "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!" rồi túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa, khiến hắn ngã chổng quèo trên mặt đất. Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị, đã bị chị túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

(Bài làm của Huỳnh Công Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh)

Đề 14

Tóm tắt truyện Lão Hạc của Nam Cao bằng một văn bản ngắn gọn nhưng phản ánh được một cách trung thành nội dung chính của tác phẩm.

BÀI LÀM

Lão Hạc rất nghèo, sống cô độc, chỉ có con chó vàng làm bạn. Anh con trai lão vì nghèo không lấy được vợ đã phẫn chí bỏ làng đi xa, làm phu đồn điền cao su mãi tận trong Nam.

Lão Hạc ở nhà chờ con về, làm thuê để sống. Dù đói, lão quyết không bán đi mảnh vườn và không ăn vào số tiền dành dụm do "bòn vườn"; lão giữ cả cho con trai. Nhưng sau một trận ốm dai dẳng, lão không còn sức đi làm thuê nữa. Thế là lão Hạc lặng lẽ đi đến một quyết định quan trọng. Sau khi dằn lòng bán "cậu Vàng" thân thiết, lão đến nhờ cậy ông giáo cho lão gửi ba sào vườn của đứa con trai và gửi ông giáo ba mươi đồng bạc để nhờ hàng xóm lo cho sau khi lão chết... Từ đó, lão ăn uống kham khổ, bạ gì ăn nấy, sức khoẻ ngày càng giảm sút. Rồi một hôm lão xin Binh Tư một ít bả chó... Rồi lão chết – cái chết thật dữ dội: lão vật vã trên giường đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết.

Lão đã chết để giữ lại trọn vẹn ba sào vườn cho đứa con trai chứ không chịu bán đi một sào...

(Bài làm của Trương Anh Tuấn, Thành phố Cần Thơ)

Đề 15

Tóm tắt truyện ngắn Cô bé bán diêm của An-đéc-xen.

BÀI LÀM

Sắp đến giao thừa. Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Nhưng ngoài đường thì rét dữ dội và tuyết rơi phủ kín mặt đất. Một em bé gái nhà nghèo, mồ côi mẹ, bố sai đi bán diêm.

Suốt cả ngày cuối năm, em chẳng bán được bao diêm nào, bụng đói, cật rét, giờ đây vẫn lang thang trên đường... Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn. Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra. Em muốn sưởi và em đánh liều quẹt một que diêm. Diêm cháy sáng lên và một lò sưởi ấm áp hiện ra trước mắt em. Nhưng khi que diêm tắt thì lò sưởi cũng biến mất. Em liền quẹt que diêm thứ hai thì một bàn ăn sang trọng hiện ra và em thấy một con ngỗng quay nhảy ra khỏi đĩa, đang tiến về phía em. Que diêm vụt tắt và bàn ăn cũng không còn. Em quẹt que diêm thứ ba. Một cây thông Nô-en hiện ra lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi. Em với đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Đến que diêm thứ tư quẹt lên thì em nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em. Muốn giữ mãi hình ảnh của người bà thân yêu, em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Và em thấy cả hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, và họ đã về chầu Thượng đế.

Em bé đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa, nhưng em đã ra đi trong những mộng tưởng kì diệu của tuổi thơ trong trắng nhất.

(Bài làm của Hoàng Lê Mai Anh, TP.Hồ Chí Minh)

Đề 16

Tóm tắt hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng.

BÀI THAM KHẢO

Tác phẩm có 9 chương, mỗi chương là một kỉ niệm sâu sắc về thời "thơ ấu" cay đắng, rất ít niềm vui của tác giả.

Chú bé Hồng ra đời là kết quả của cuộc hôn nhân miễn cưỡng không tình yêu; chú lớn lên trong không khí giả dối, lạnh lẽo của một gia đình không hạnh phúc. Người bố phẫn chí sống lặng lẽ u uất với bàn đèn thuốc phiện và trở thành truỵ lạc. Người mẹ trẻ trung có trái tim khao khát yêu đương song đành chôn tuổi thanh xuân bên người chồng nghiện ngập. Gia đình ngày càng sa sút rồi cuối cùng sụp đổ hẳn. Bố chết, người mẹ vì "cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực". Đứa trẻ đã mồ côi cha lại xa mẹ, sống bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh cay nghiệt của họ hàng và trở nên đói rách, lêu lổng. Tác phẩm có những chương cảm động kể lại nỗi đau đớn tủi nhục của tuổi thơ bị hắt hủi phũ phàng: những lần bị thầy giáo phạt quỳ vô lí tàn ác; đêm Nô-en bị đuổi khỏi cửa nhà thờ, lủi thủi trong gió mưa lạnh lẽo... Cũng có những kỉ niệm êm ái của đứa bé như khi nằm trong lòng mẹ, được mẹ vuốt ve; lúc nằm trên bãi cỏ sân trường dưới bóng cây thả hồn theo đám mây trắng bồng bềnh nghe tiếng ve ran trên cành phượng; những khi mơ màng, để mặc cho trí tưởng tượng tuổi thơ đưa vào những cuộc phiêu lưu đầy hấp dẫn... Những giấc mơ "đằm thắm và say sưa đã rung động và mơn man cõi lòng" ấy càng chỉ làm thấm thía tình cảnh trơ trọi đáng thương của "đứa bé côi cút cùng khổ".

Từ tình cảnh và tâm sự của đứa trẻ bị đày đoạ, tác phẩm cũng làm toát lên bộ mặt lạnh lùng tàn ác của xã hội đồng tiền đầy bất công. Cái xã hội mà tình máu mủ ruột thịt cũng trở nên khô héo, mà cánh cửa nhà thờ đêm Nô-en cũng chỉ mở ra cho đám người giàu sang "khệnh khạng, bệ vệ, hớn hở" và khép lại trước kẻ nghèo "trơ trọi hèn hạ", cái xã hội của bọn thị dân tiểu tư sản sống nhỏ nhen, chỉ biết ganh ghét, giả dối, độc ác...

(Theo *Từ điển văn học*, tập II,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984)

Đề 17

Tóm tắt tiểu thuyết Tắt đèn của Ngô Tất Tố.

BÀI THAM KHẢO

... Mở đầu tác phẩm là không khí căng thẳng, ngột ngạt của một làng quê trong những ngày sưu thuế.

Cổng làng đóng lại, công việc cày bừa đình đốn. Bọn lý trưởng, trương tuần chửi bới, quát tháo om sòm; mấy tên cai lệ, lính cơ tay thước, roi song, dây thừng đi tróc người thiếu thuế. Tiếng trống mõ, tù và inh ỏi, tiếng thét lác, đánh đập, tiếng kêu khóc vang lên như trong một cuộc săn người. Gia đình chị Dậu thuộc loại "nhất nhì trong hạng cùng đinh" nên mấy hôm nay, chị phải chạy vạy ngược xuôi để có tiền nộp suất sưu cho anh Dậu. Bọn nhà giàu chẳng những không cho chồng chị vay mượn mà còn nhiếc móc, đe doạ. Anh Dậu đang ốm cũng bị bọn tay sai xông đến đánh trói, lôi ra đình cùm kẹp. Chị đành phải rứt ruột đem cái Tí, đứa con gái đầu lòng lên bảy bán cho lão Nghị Quế bên thôn Đoài. Vợ chồng lão giàu có mà keo kiệt, tàn ác, đã lợi dụng tình cảnh khốn cùng của chị, mua cái Tí và cả một ổ chó mà chỉ trả hai đồng bạc! Cộng với mấy hào bán gánh khoai, chị tưởng vừa đủ nộp suất sưu và chồng được tha về; ngờ đâu, bọn lí dịch lại bắt chị phải nộp cả suất sưu của người em chồng đã chết từ năm ngoái! Thật là cùng đường. Giữa đình làng, tiếng kêu uất ức của chị vang lên thảm thiết. Đêm hôm ấy, người ta cõng anh Dậu rũ rượi như một xác chết ở ngoài đình về trả cho chị. Gọi mãi anh không tỉnh, chị vô cùng hoảng sợ, đau đớn. May sao, nhờ bà con xung quanh xúm đến cứu giúp, anh Dậu đã từ từ mở mắt. Một bà lão hàng xóm ái ngại cảnh cả nhà chị nhịn đói suốt từ hôm qua, mang đến cho chị bát gạo để nấu cháo. Sáng sớm hôm sau khi anh Dậu vừa cố ngồi dậy cầm bát cháo, chưa kịp đưa lên miệng thì tên cai lệ và gã đầy tớ lí trưởng lại xộc vào định trói mang anh đi. Van xin thiết tha cũng không được, chị Dậu đã liều mạng chống lại quyết liệt, đánh ngã cả hai tên tay sai vô lại. Chị bị bắt lên huyện. Lão quan phủ Tư Ân lợi dụng, bố trí giở trò bỉ ổi. Chị đã kiên quyết cự tuyệt, giằng nắm bạc ném vào mặt hắn và du hắn ngã kềnh, chạy thoát về nhà.

Cuối cùng, để có tiền nộp thuế cho chồng chị đành gửi con, nhận lời lên tỉnh đi ở vú. Chủ của chị là một quan phủ già, dâm đãng, trong một đêm "tắt đèn", đã mò vào buồng chị... Chị Dậu gạt mạnh bàn tay bẩn thỉu của lão vùng chạy ra ngoài sân, giữa lúc trời tối đen như mực...

(Theo *Từ điển văn học*, tậpII, NXB Khoa học xã hội, 1984)

Đề 18

Tóm tắt truyện *Dế Mèn phiêu lưu* kí của Tô Hoài.

BÀI THAM KHẢO

Truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* gồm 10 chương, viết về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn qua thế giới những loài vật nhỏ bé.

Dế Mèn vốn quen sống độc lập từ thuở bé, khi thành một chàng dế thanh niên cường tráng lại có tính hung hăng, kiêu ngạo, gây ra những chuyện ngỗ nghịch để rồi phải ân hận. Chán cảnh sống quẩn quanh bên bờ ruộng, Dế Mèn đi phiêu lưu để mở rộng tầm mắt và tìm ý nghĩa cho cuộc sống của mình. Dế Mèn đã gặp Dế Trũi, kết làm anh em sát cánh bên nhau trong các chuyến đi. Đã đi qua nhiều nơi, gặp gỡ nhiều loài, thấy nhiều cảnh sống và cũng nhiều phen gặp gian nan, nguy hiểm, nhưng Dế Mèn không nản chí lùi bước.

Cuối cùng Dế Mèn cùng các bạn hiểu ra rằng: "Ai cũng có lòng tốt, ai cũng muốn làm ăn yên ổn". Họ nhờ các bạn Kiến truyền đi lời hịch kêu gọi muôn loài kết làm anh em, được các loài hưởng ứng nhiệt liệt.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*,
NXB Hải Phòng, 1986)

Đề 19

Tóm tắt vở chèo *Quan Âm Thị Kính*.

BÀI LÀM

Vở chèo có thể chia làm ba phần:

1. *Án giết chồng*

Thiện Sĩ, con Sùng ông, Sùng bà kết duyên cùng Thị Kính, con gái Mãng ông, một nông dân nghèo. Một hôm, vợ ngồi khâu, chồng đọc sách rồi thiu thiu ngủ bên cạnh. Thấy chồng có sợi râu mọc ngược, Thị Kính cầm dao ở thúng toan xén đi. Thiện Sĩ giật mình, bất giác hô hoán lên. Cha mẹ chồng đổ riệt cho Thị Kính có ý giết Thiện Sĩ, đuổi Thị Kính về nhà bố đẻ.

2. *Án hoang thai*

Bị oan ức nhưng không biết kêu vào đâu, Thị Kính giả trai, vào tu ở chùa Vân Tự, lấy pháp hiệu là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông, vốn tính lẳng lơ, say mê Kính Tâm. Ve vãn Kính Tâm không được, Thị Mầu về nhà đùa ghẹo, ăn nằm với anh Nô là người ở, rồi có thai. Làng bắt vạ. Bí thế, Thị Mầu khai cho Kính Tâm. Kính Tâm chịu oan, bị đuổi ra tam quan (cổng chùa). Thị Mầu đem con bỏ cho Kính Tâm.

3. *Oan tình được giải – Thị Kính lên toà sen*

Trải ba năm, Kính Tâm đi xin sữa từng ngày nuôi con của Thị Mầu. Rồi nàng "hoá", được lên toà sen, trở thành Phật Bà Quan Âm. Trước khi "hoá", Kính Tâm viết thư để lại cho đứa trẻ. Bấy giờ mọi người mới rõ Kính Tâm là gái và hiểu rõ tấm lòng từ bi nhẫn nhục của nàng.

Đề 20

Tóm tắt tiểu thuyết *Dôn Ki-hô-tê* của Xéc-van-tex.

BÀI LÀM

Một lão quý tộc nghèo vì quá say mê truyện hiệp sĩ nên muốn trở thành hiệp sĩ giang hồ. Lão lục tìm những đồ binh giáp đã han gỉ của tổ tiên để trang bị cho mình, phong cho con ngựa còm của lão là chiến mã Rô-xi-nan-tê còn bản thân lão là nhà hiệp sĩ Đôn Ki-hô-tê xứ Man-cha. Lão nhớ đến một phụ nữ nông dân lão thầm yêu xưa kia và ban cho mụ cái tên là Công nương Đuyn-xi-nê-a. Lão Đôn Ki-hô-tê gầy gò, cao lênh khênh trên lưng con ngựa còm ra đi làm hiệp sĩ lang thang để trừ lũ gian tà, cứu người lương thiện. Cùng đi với lão là Xan-chô Pan-xa béo lùn được lão chọn làm giám mã cưỡi trên lưng con lừa thấp tè. Sau nhiều phen thất bại ê chề, cuối cùng ốm nặng, Đôn Ki-hô-tê mới nhận ra cái tai hại của loại truyện hiệp sĩ. Lão viết di chúc và qua đời.

C. CÁC ĐỀ BÀI GIỚI THIỆU THÊM ĐỂ THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP

1. Kể về một ngày sinh nhật đáng nhớ của em.
2. Kể về món quà tặng của người thân từ xa gửi về cho em nhân ngày khai giảng năm học lớp 8 (món quà gì, ý nghĩa của nó và cảm xúc của em khi nhận được quà).

3. Từ làng quê xa, lần đầu tiên em được đi thăm thành phố. Hãy kể lại chuyến đi thú vị đó (đối với học sinh nông thôn).

4. Kể chuyện một lần em được về thăm làng quê cùng mẹ (đối với học sinh ở thành phố, thị xã).

5. Lớp (hoặc trường) em tổ chức đi tham quan một danh lam thắng cảnh của địa phương. Hãy kể lại chuyến đi bổ ích và thú vị đó.

6. Mười năm sau, học xong đại học, em về thăm lại ngôi trường cũ. Hãy kể lại chuyến về thăm đó theo tưởng tượng của em.

7. Tóm tắt truyện ngắn *Tôi đi học* của Thanh Tịnh trong 15 dòng.

8. Tóm tắt văn bản *Trong lòng mẹ* (trích hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng) trong 15 dòng.

9. Hãy tưởng tượng mình là cụ Bơ-men (trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O'Hen-ri) kể lại cái đêm mưa tuyết dữ dội cụ đã vẽ "chiếc lá cuối cùng" để cứu sống Giôn-xi theo ngôi thứ nhất.

10. *Hai cây phong* là biểu tượng của làng Kur-ku-rêu mà Ai-ma-tốp đã kể lại một cách chân thành và xúc động. Em hãy tìm một biểu tượng của quê hương mình và kể lại trong một đoạn văn khoảng trên dưới một trang.

11. Nếu em là *cô bé bán diêm* (trong truyện ngắn cùng tên của An-đéc-xen), em sẽ kể lại các mộng tưởng hiện lên khi quẹt từng que diêm cho đến lúc quẹt hết cả bao diêm như thế nào?

12. Hãy đóng vai nhân vật Đôn Ki-hô-tê kể lại cuộc *Đánh nhau với cối xay gió* theo ngôi thứ nhất.

13. Văn bản *Chiếc lá cuối cùng* trong SGK chỉ là phần cuối của tác phẩm. Hãy tìm đọc toàn văn truyện ngắn này của O'Hen-ri và tóm tắt tác phẩm trong một đoạn văn khoảng 20 dòng.

Phần 2

KIỂU BÀI THUYẾT MINH

A. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Đây là một kiểu bài mới được học trong chương trình Tập làm văn lớp 8, vào nửa cuối học kì I và đầu học kì II, từ tuần 11 đến tuần 22. Kiểu bài này có nhiều điểm mới, chưa quen với tư duy thông thường của các em về môn Tập làm văn. Sách giáo khoa đã hướng dẫn khá rõ và cụ thể để các em tìm hiểu về *văn bản thuyết minh, yêu cầu và phương pháp thuyết minh, cách làm bài văn thuyết minh* và đã cho các em *luyện tập nhiều bài về văn bản thuyết minh* (làm dàn ý, luyện nói, viết thành bài hoàn chỉnh). Các em cần xem lại kĩ những phần này trong SGK để nắm được những nét riêng biệt của kiểu bài này.

Tuy nhiên, để có thể tiếp nhận tốt *những bài làm văn hay* được tuyển chọn trong *phần B*, từ đó vận dụng vào bài làm của mình một cách sáng tạo, các em cần chú ý đến những điểm sau đây:

1. Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng *phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích*. Văn bản thuyết minh có tính chất khách quan, thực dụng, là loại văn bản có khả năng cung cấp tri thức xác thực, hữu ích cho con người. Trong xã hội hiện đại ngày nay, rất cần đến văn bản thuyết minh để giúp con người mở rộng sự hiểu biết và sống tốt hơn. Vì vậy, các em cần làm quen với kiểu bài này, rèn luyện cho mình cách viết (nói) văn bản thuyết minh không chỉ *đầy đủ, chính xác, khoa học* mà còn *gọn, rõ, hay*, để tiến tới có kĩ năng viết (nói) văn bản thuyết minh một cách nhanh chóng, có thể đáp ứng trong mọi tình huống cần thiết.

2. Đề văn thuyết minh bao gồm *một phạm vi rộng lớn của cuộc sống con người*: từ những đồ dùng, những di tích, thắng cảnh, cây, hoa, động vật, những món ăn dân tộc, đồ chơi dân gian, phong tục tập quán, cho đến những con người, tập truyện, tập thơ, các thể loại văn học,...

3. Một văn bản thuyết minh hay là một văn bản trình bày rõ ràng, hấp dẫn *đặc điểm cơ bản của đối tượng thuyết minh*. Vì vậy, người viết phải nghiên cứu, tìm hiểu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh để *nắm bắt được bản chất, đặc trưng của chúng*, tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, không quan trọng. xxx

Để bài văn thuyết minh có sức thuyết phục, dễ hiểu, sáng rõ, các em cần sử dụng phối hợp nhiều phương pháp thuyết minh như: nêu định nghĩa, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh đối chiếu, phân tích, phân loại,...

4. *Các bước làm một bài văn thuyết minh:* Gồm 5 bước sau đây:

a) Tìm hiểu đề văn và yêu cầu về nội dung của bài văn thuyết minh: đối tượng thuyết minh là gì? nội dung cần thuyết minh như thế nào?

b) Quan sát, tìm hiểu kĩ lưỡng, chính xác đối tượng cần thuyết minh để xác định được đặc điểm cơ bản của đối tượng.

c) Lập dàn ý: thuyết minh những vấn đề gì? Vấn đề nào là cơ bản cần tập trung chú ý thuyết minh kĩ hơn; đồng thời tìm phương pháp thuyết minh thích hợp cho từng phần (vấn đề).

d) Viết thành bài văn theo dàn ý đã lập.

đ) Đọc lại xem bài văn viết như vậy người đọc (nghe) có thể hiểu được đối tượng cần thuyết minh không? Có cần thêm bớt, điều chỉnh gì không?

5. *Những điểm khác biệt của kiểu bài thuyết minh so với các kiểu bài đã học:*

- Nội dung văn bản thuyết minh phải mang *tính khoa học chính xác*, cách viết phải đạt đến *độ trong sáng rõ ràng*. Vì vậy, về nội dung, bài thuyết minh phải tuyệt đối đúng đắn như sự thực của đối tượng, *không được hư cấu, tưởng tượng, không được cắt xén, thêm bớt;* về cách viết, *phải dùng văn phong khoa học* chứ không dùng văn phong trữ tình như miêu tả, kể chuyện (cho dù đôi khi bài thuyết minh cũng cần đến yếu tố miêu tả và kể chuyện ở một mức nhất định). Cần nhớ là bài thuyết minh làm cho người đọc (nghe) ***hiểu*** đối tượng là chủ yếu chứ không phải ***cảm*** về đối tượng đó.
- Vì thế, cách viết của bài thuyết minh cần *gọn, rõ, mạch lạc, dễ hiểu*, có thể dùng con số, bảng biểu thống kê, tỉ lệ phần trăm và cả *dấu gạch đầu dòng* (–), *các mục I, 1, a, b, c...* để trình bày, thuyết minh rõ từng ý.

Nhưng, thuyết minh cũng là một văn bản như các kiểu bài kia nên bài thuyết minh cũng gồm đủ ba phần: *Mở bài, Thân bài* và *Kết bài*.

B. CÁC BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU

Dưới đây, giới thiệu ***21 bài làm văn thuyết minh*** *về nhiều đối tượng trong tự nhiên và cuộc sống con người như: di tích, thắng cảnh, cây hoa, con vật, đồ dùng, món ăn dân tộc, phong tục tập quán, gương mặt đẹp của con người, một số thể thơ và thể loại văn học quen thuộc,...*

Đề 21

Giới thiệu một khu di tích lịch sử của dân tộc.

BÀI THAM KHẢO

Khu di tích đền Hùng

Khu di tích đền Hùng dựng trên núi Nghĩa Lĩnh – nay thuộc xã Hi Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, cách Hà Nội 94 km về phía Bắc.

Nơi đây, xưa là Quốc đô của nhà nước Văn Lang, dưới quyền trị vì của 18 đời vua Hùng, đóng đô ở Phong Châu.

Theo sử cũ, sau khi định đô ở Phong Châu, các vua Hùng đã chọn núi Nghĩa Lĩnh làm nơi tế trời và các thần. Núi Nghĩa Lĩnh cao 175m, nằm trên địa phận thôn Cổ Tích, xung quanh là một chuỗi gò nhấp nhô, trùng điệp. Tương truyền có tất cả 100 ngọn đồi thì 99 ngọn vốn là 99 con voi có nghĩa, phủ phục chầu núi Tổ, riêng một con bất nghĩa, quay ngược lại bị chém đầu, vì vậy vùng này có một quả đồi có vết xẻ thành khe.

Khu di tích Đền Hùng gồm đền Thượng, đền Trung, đền Hạ, lăng vua Hùng thứ 6, đền Giếng ở phía Đông Nam dưới chân núi Nghĩa Lĩnh (vì trong đền có Giếng Ngọc, nơi công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa là con gái của Vua Hùng thứ 18 thường soi để chải tóc, vấn khăn, nên gọi là đền Giếng).

Vào cổng đền, trèo 225 bậc đá là đến *đền Hạ*. Tương truyền đây là nơi Âu Cơ đẻ bọc trăm trứng, nở ra thành trăm con: 50 người theo cha là Lạc Long Quân về xuôi, 50 người theo mẹ lên núi, trong đó có người con đầu làm vua nước Văn Lang, đó là vua Hùng thứ nhất. Trong khu vực đền Hạ còn có chùa Thiên Quang, trước chùa có cây Thiên Tuế trăm tuổi.

Từ đền Hạ, qua nhà bia bên gốc đại già, đi xuống chân núi ở mặt Đông Nam thì đến đền Giếng.

Từ đền Hạ lên tới *đền Trung*, tương truyền là nơi các vua Hùng bàn việc nước với quần thần.

Từ đền Trung lên tới *đền Thượng,* là nơi vua Hùng làm lễ trời, đất, núi, sông. Trước đền Thượng có một cột đá dựng lên bệ cao, được gọi là "*đá thề*". Tương truyền, đây là nơi An Dương Vương Thục Phán đã nguyện đời đời tế tự các vua Hùng và giữ gìn cơ nghiệp họ Hùng để lại.

Phía bên đền Thượng là Lăng Vua Hùng, tượng trưng cho Mộ Tổ.

Tại đền Hạ, Hồ Chủ tịch đã nói chuyện với bộ đội sư đoàn 308 trước khi về tiếp quản Thủ đô tháng 10 – 1954, với câu nói nổi tiếng: ***"Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"***.

Trong khu di tích còn có nhà bảo tàng Hùng Vương.

Hội đền Hùng được mở vào ngày mồng mười tháng ba âm lịch. Sáng mồng mười có tế và rước cỗ, mỗi làng lân cận có một loại cỗ, riêng làng Cổ Tích có tục lệ dâng lễ vật bằng bánh Giầy và ba loại xôi mùa (xôi trắng, xôi nhuộm đỏ và xôi tím). Trong lễ hội còn có lễ đánh trống đồng trên đền Thượng, lễ đốt đuốc ở đền Hạ và nhiều trò diễn dân tộc (đấu vật, đu tiên, múa kiếm...).

Hội Đền Hùng là Quốc lễ giỗ tổ Hùng Vương. Nhân dân mọi miền trảy hội, hành hương về đất Tổ với tình cảm tưởng nhớ cội nguồn, tưởng nhớ các vua Hùng và Tổ tiên.

(Theo Hùng Cương, *Thăng Long – Hà Nội ngàn năm*, số 6–2002)

Đề 22

Giới thiệu một thắng cảnh của đất nước.

BÀI THAM KHẢO

Núi Ngự – Sông Hương

Đâu có phải ngẫu nhiên mà ngày xưa nhà Nguyễn lại chọn đất của 8 làng thuộc hai tổng An Vân và Phú Xuân thuộc huyện Hương Trà để dựng kinh thành chỉ huy quân sự và đặt lăng mộ cho gia tộc các đời Hoàng đế của mình. Núi đẹp, Núi thơ, Huế mộng mơ... đến nỗi trở thành di sản văn hoá cho cả loài người. Huế đẹp dương nhiên bởi do quy hoạch và những công trình kiến trúc của bản thân nó, nhưng ngoài ra còn phải nhờ đến cảnh quan bao gồm cỏ cây, sông núi xung quanh. Thế nên mới có lời:

"Dạ thưa Xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương"

Dòng Hương Giang là hợp lưu của hai dòng: Hữu Trạch ở động Rung và Tả Trạch ở núi Vang chảy về gộp nhau ở ngã ba Tuần. Sông Hương, nếu tính từ ngã ba Tuần đến cửa Thuận An thì cũng chỉ dài 80km. Ban đầu (ở vùng thượng lưu) là một vùng địa lí tương đối hiểm trở, lòng sông

nhỏ hẹp, độ dốc cao nên dòng chảy tương đối mạnh. Về đến hạ lưu, trước khi vào đến Huế thì địa hình đã thay đổi, độ dốc chỉ còn trên dưới 1% so với mặt biển nên dòng chảy từ đây trở nên hiền hoà, yên ả như mặt nước Hồ Tây ở Hà Nội. Cảm xúc trước dáng vẻ mĩ miều như có chứa dựng nỗi niềm riêng của dòng chảy ấy, Thu Bồn đã nhận xét bằng thơ:

"Con sông dùng dằng, con sông không chảy
Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu"

Sông Hương uốn lượn quanh co suốt từ ngã ba Tuần cho đến khi về đến Huế, nó đã phải đi qua một vùng rừng nhiệt đới ngút ngàn cây lá và cả những nương ngô, bãi sắn, ruộng vườn... Trên một vùng lưu vực rộng tới 300km^2, bao nhiêu loài thảo mộc đã đêm ngày sinh sản được toả ra thấm đượm tan hoà vào dòng nước nên người đời mới đặt cho sông một cái tên thôn dã là "Hương". Hương chảy ngang dòng qua các di tích lịch sử nổi tiếng của Huế như miếu Văn Thánh, chùa Thiên Mụ rồi nối mình trước cửa kinh thành, xuyên qua lần lượt các cây cầu từ Dã Viên, Phú Xuân đến Tràng Tiền... Hương qua cánh đồng lau sậy ngày xưa, tức thôn Vĩ Dạ để tìm thi nhân Hàn Mặc Tử với những ngôi nhà xinh xắn ẩn hiện giữa những vườn cảnh, vườn cây trái sum suê, nghe nàng Kim Cúc đọc bức thư tình "Đây thôn Vĩ Dạ" của người yêu mình chứ chưa phải là người mình yêu:

"Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền"

Hương còn qua cồn Hến, Bao Vinh nhận thêm nước mát của phụ lưu tả ngạn là con sông Bồ từ núi Động Ngùi đổ xuống rồi mới đến phá Tam Giang trước khi chạm mặt với Biển Đông.

Còn núi Ngự, trang nghiêm và trầm mặc tựa như một nhà hiền triết đang tư duy ngẫm ngợi nhân trần thế sự. Núi Ngự cao 103m, đây là phần đất thuộc huyện Hương Thuỷ, Phủ Thừa Thiên xưa, nay là thành phố Huế. Đi từ cố đô qua sông Hương đến chân núi chỉ chưa đầy 4km.

Ngự Bình trước gọi là hòn Mô hay núi Bằng. Núi thuộc loại nhỏ không cao, chỉ đáng là hòn. Hình núi cân bằng giống như hình thang cân trong hình học, đỉnh mặt bằng. Đời Chúa Nguyễn Phúc Trăn lấy Phú Xuân dựng phủ thì hòn Mô được xác định là "Tiền án". Đến đời Nguyễn Phúc Ánh niên hiệu Gia Long, sau khi đánh bại nhà Tây Sơn

thành lập Vương triều, một lần nữa ông lại chọn núi Bằng làm "Tiền án" và sông Hương làm "Minh đường". Vua Gia Long cũng như các triều thần đều rất quan tâm đến dịch lí và thuật phong thuỷ. Sách Chu Dịch ở phần "Thuyết quái truyện" có quy định "Thánh nhân Nam diện nhi thính thiên hạ, hướng minh nhi trị" (Vua quay về phía Nam để cai trị thiên hạ, hướng về lẽ sáng để làm việc nước). Trong thực tế trục chính của hệ thống cung điện và thành quách ở Huế bao gồm kinh thành, hoàng thành và Tử cấm thành đều dùng núi Bằng làm "Tiền án". Với vai trò vị trí "Tiền án" mà núi Bằng được đổi tên chữ là Ngự Bình.

Ngự Bình với kinh thành Huế là hai khuôn hình đối xứng nhau qua cái trục "Minh dường" (Sông Hương), tạo nên một ngoại cảnh độc đáo và có tác dụng cơ bản đến sự phát triển nội tâm để hình thành nhân cách con người sống trong lòng không gian ấy. Với một môi trường sơn kì thuỷ tác như Núi Ngự – Sông Hương như thế thì quả là "Nhân dữ thiên địa tướng tham" (Người và đất chen dự vào nhau).

Sông Hương và núi Ngự đã góp phần làm nên sự kì bí thiêng liêng cho kinh thành Huế. Những thực tế địa lí tự nhiên hợp hoà phong thuỷ đã trở thành hình tượng hoá siêu nhiên. Hai hòn đảo trên "minh đường" là Cồn Hến và Cồn Dã Viên còn được giao vị trí "Tả Thanh Long" (trái là Rồng xanh) "hình Bạch Hổ" (phải là Hổ trắng) trấn về trọng địa (nơi đặt ngai vàng) ở điện Thái Hoà. Đây là tư thế hổ phục rồng chấn để bảo vệ vương quyền mạnh mẽ trường tồn. Khi làm thơ ca ngợi 20 thắng cảnh nổi tiếng nhất trong vùng Núi Ngự – Sông Hương, Vua Thiệu Trị (1841 – 1847) đã gọi nơi đây là "thần kinh" nghĩa là Kinh Đô huyền diệu để làm tiêu đề cho cả chùm thơ.

Nếu định nghĩa kiến trúc là tổ chức loại không gian thiên nhiên vốn có để phục vụ cho đời sống vật chất và tinh thần của con người, thì Sông Hương, Núi Ngự đã giúp cho kiến trúc thành Huế hoàn thành chức năng ấy. Chính từ vẻ đẹp của núi sông như thế đã gợi cảm cho các nhà kiến trúc lựa chọn địa điểm và quyết định thiết lập đô thị độc nhất vô nhị này. Nhà dân tộc học Từ Chi lúc sinh thời đã nói về kiến trúc cảnh quan của Huế như sau "không gian bên ngoài luồn vào không gian của kiến trúc, kéo kiến trúc về với thiên nhiên, góp phần tổ chức lại không gian chung".

Sông Hương – Núi Ngự không hùng vĩ bao la như những dòng sông, ngọn núi khác mà nó chỉ là núi biếc, sông hiền luôn luôn khiêm nhường, e lệ, phả hồn xanh trước kinh thành tráng lệ.

(Theo Nguyễn Nguyên Hoài,
Thăng Long – Hà Nội ngàn năm, số 4 – 2001)

Đề 23

Giới thiệu một di sản thiên nhiên thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận.

BÀI THAM KHẢO

Hang động Phong Nha – Kẻ Bàng

Khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng nằm trong vùng địa máng Trường Sơn thuộc địa phận các huyện Bố Trạch, Minh Hoá của tỉnh Quảng Bình, với các dãy núi đá vôi phát triển hầu như liên tục, thành phần tương đối đồng nhất. Cùng với khối núi đá Ma-ha-say của Lào, đây được đánh giá là vùng hang Karst rộng nhất thế giới với diện tích 200 ngàn ha. Trong phiên họp toàn thể lần thứ 27 từ 30/6/2003 đến 5/7/2003 tại Paris, Uỷ ban Di sản thế giới UNESCO đã công nhận vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới.

Khu Phong Nha – Kẻ Bàng có một quần thể hang động phong phú, kì vĩ. Một học giả cho rằng, đây là thiên đường cho bộ môn hang động học và du lịch hang động quả không ngoa. Đến nay, 20 hang động với tổng chiều dài trên 70km đã được đoàn khảo sát Hoàng Gia Anh phối hợp với khoa Địa lí Đại học Quốc gia Hà Nội khảo sát có hệ thống, kĩ lưỡng và được công bố trên tạp chí Hang động thế giới. Trong số 20 hang động được khảo sát thì có 17 hang động ở vùng Phong Nha và 3 hang động ở vùng Kẻ Bàng. Hệ thống hang động ở Phong Nha – Kẻ Bàng, được đánh giá là một trong những cảnh quan đẹp nhất thế giới với các đặc trưng: có sông ngầm dài nhất, các hang có chiều cao và rộng nhất, các bãi cát trong hang dài nhất và có những cột thạch nhũ đẹp tuyệt vời. Hang Vòm có độ dài trên 15km được xếp vào danh sách hang động có sông ngầm dài nhất thế giới.

Cùng với các hệ thống hang động kì diệu, còn có những dòng sông: sông Tróc, sông Chầy, sông Son chảy trong khu Phong Nha – Kẻ Bàng với dòng nước trong xanh, chảy giữa vùng núi đá, có rừng với một thảm thực vật phong phú tạo nên cảnh đẹp thơ mộng như bức tranh thuỷ mạc đầy quyến rũ du khách. Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng còn tồn tại một khu rừng nhiệt đới nguyên sinh ít bị tác động với độ che phủ trên 95% và tính đa dạng sinh học cao. Theo số liệu điều tra bước đầu đã thống kê được 140 họ, 427 chi, 751 loài thực vật bậc cao, trong đó có

36 loài nguy cơ bị tuyệt chủng và được ghi trong sách đỏ của Việt Nam. Ngoài tài nguyên thực vật đa dạng, kết quả điều tra đã thống kê được trong rừng Phong Nha – Kẻ Bàng có 32 bộ, 98 họ, 256 giống, 381 loài của 4 lớp động vật có xương sống ở trên cạn. Trong đó có 65 loài quý hiếm trong sách đỏ của Việt Nam, 23 loài được xếp vào danh sách bảo vệ toàn cầu. So với các khu bảo tồn và vườn quốc gia khác ở Việt Nam thì độ phong phú của các loài động vật ở Phong Nha – Kẻ Bàng còn khá cao. Các loài quý hiếm như Voọc má trắng có số lượng cao nhất trong nước.

Phong Nha – Kẻ Bàng có hàng chục đỉnh núi cao trên 1000m, hiểm trở, chưa từng có vết chân người, là các điểm hấp dẫn thể thao leo núi và thám hiểm. Điển hình là các đỉnh Corilata cao 1128m, Copreu cao 1213m, xen kẽ giữa các đỉnh trên 1000m là những thung lũng bằng phẳng và các đỉnh núi từ 800m đến 1000m phù hợp cho du lịch sinh thái và leo núi như ngọn Phu Sinh 965m, Mama 835m. Đặc biệt đỉnh Mã Tắc cao 721m, có một mặt bằng rộng 70ha.

Khu Phong Nha – Kẻ Bàng còn ghi dấu nhiều di tích lịch sử quý giá. Trước hết phải kể đến di tích căn cứ kháng chiến chống Pháp của vua Hàm Nghi cuối thế kỉ XIX tại núi Marai. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, những địa danh như bến phà Xuân Sơn, đường mòn Hồ Chí Minh, đường 20 Quyết Thắng đã đi vào huyền thoại.

Trong những năm qua, khu du lịch Phong Nha – Kẻ Bàng đã trở thành khu du lịch yêu thích của du khách. Số lượng khách đến tham quan Phong Nha – Kẻ Bàng ngày càng đông. Hiện nay tỉnh Quảng Bình đang tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, mở thêm các tuyến du lịch sinh thái, tạo nhiều sản phẩm du lịch mới, gắn việc tham quan du lịch với các di tích lịch sử của đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại để Phong Nha – Kẻ Bàng thực sự là một trong những khu du lịch trọng điểm của cả nước.

(Theo Thành Phương, Báo Đường sắt Việt Nam, số 109 – 2003)

Đề 24

Giới thiệu bảy kì quan của thế giới.

BÀI THAM KHẢO

Bảy kì quan thế giới

Từ xưa người ta đã thường nhắc đến bảy kì quan thế giới, nhưng danh sách các kì quan nhiều khi lại không thống nhất. Bản danh sách các kì quan thế giới sau đây có niên đại khá sớm (khoảng thế kỷ thứ 6 sau Công Nguyên) và có lẽ được truyền tụng rộng rãi hơn cả. Bảy kì quan thế giới do bàn tay con người tạo dựng nên là:

Kì quan thứ nhất: **Kim tự tháp Ai Cập**. Chính xác hơn là nhóm các tự tháp Khufu, Khafra và Menkaura ở Gi-da gần thủ đô Cai-rô của Ai Cập. Kim tự tháp lớn nhất là Khê-ốp được xây dựng bởi vua Khufu (Khê-ốp), Hoàng đế của triều đại thứ tư ở Ai Cập, có chiều cao nguyên thủy là 482 phít (mỗi phít bằng 0,3048m). Chiều cao hiện nay chỉ còn khoảng 450 phít. Phần chân đế có chiều rộng tới 755 phít. Kim tự tháp được ghép bằng 2,3 triệu phiến đá, mỗi phiến nặng 2,5 tấn, hoàn thành vào khoảng năm 2680 trước Công Nguyên. Cũng phải nói thêm rằng, trong số bảy kì quan được liệt kê cho đến nay chỉ các kim tự tháp Ai Cập vẫn còn.

Kì quan thứ hai: **Vườn treo Ba-bi-lon**. Khu vườn treo vĩ đại này gồm nhiều sàn đá rộng từ 75 đến 300 phít, lớp nọ chồng trên lớp kia, trên đó trồng đủ loại kỳ hoa dị thảo. Công trình này do vua Nê-bu-cha-nê-da cho xây dựng vào khoảng năm 600 trước Công Nguyên để chiều theo ý thích của hoàng hậu A-mu-hia. Đôi khi người ta lại nói rằng những bức tường Ba-bi-lon (cũng do vua Nê-bu-cha-nê-da xây dựng) mới là kì quan thế giới chứ không phải là vườn treo Ba-bi-lon. Dù sao thì cho đến nay vườn treo Ba-bi-lon vẫn nổi tiếng hơn.

Kì quan thứ ba: **Tượng thần Dớt** (còn có tên gọi khác là thần Giu-pi-te theo thần thoại La Mã) ở Ô-lim-pi-a. Pho tượng bằng vàng và ngà voi cao 40 phít này là tác phẩm của nhà điêu khắc Hy Lạp cổ đại Phi-đi-át (khoảng thế kỷ thứ năm trước Công Nguyên). Tượng đã bị phá hủy và mất hoàn toàn dấu vết, chỉ còn hình ảnh được lưu lại trên một số đồng tiền cổ.

Kì quan thứ tư: **Đền thờ A–tê–mít** (Đi–an–ma theo thần thoại La Mã) ở Ê–phê–sớt. Ngôi đền lộng lẫy này bắt đầu được xây dựng vào năm 430 trước Công Nguyên ở vùng Tiểu Á để thờ vị nữ thần Hy Lạp A–tê–mít. Ngôi đền có những hàng cột cao tới 60 phít này phải mất 120 năm để hoàn thành.

Kì quan thứ năm: **Lăng mộ ở Ha–li–ca–na–sớt**. Lăng mộ này được xây dựng bởi hoàng hậu A–tê–mi–si–a để tưởng nhớ chồng mình là vua Mô–da–lơt xứ Ca–ri–a ở Tiểu Á (chết vào năm 353 trước Công Nguyên). Một số di vật từ ngôi lăng mộ này hiện được trưng bày ở Bảo tàng nước Anh. Lăng mộ này nổi tiếng đến mức tên của nó trở thành một từ để chỉ bất cứ lăng mộ nào trên thế giới (ngày nay *Mausoleum* trong ngôn ngữ của nhiều dân tộc nghĩa là *lăng mộ*).

Kì quan thứ sáu: **Người khổng lồ đảo Rốt**. Bức tượng đồng thần Mặt trời Hê–li–ốt (hay A–pô–lô) cao 105 phít này là tác phẩm của nhà điêu khắc Cha–rết. Ông đã làm việc miệt mài trong 12 năm liền và hoàn thành bức tượng vào năm 280 trước Công nguyên. *Người khổng lồ* bị một trận động đất phá hủy năm 224 trước Công nguyên.

Kì quan thứ bảy: **Đèn biển Pha–rốt ở A–lếc–xan–đờ–ri–a**. Được So–xtra–tốt xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ ba trước Công nguyên trên đảo Pha–rô–sát của Ai Cập. Cây đèn biển vĩ đại này cũng bị một trận động đất phá hủy ở thế kỷ thứ 13 sau Công nguyên).

(Theo Huy Nguyễn, Báo *Nhân dân*,
ngày 20–2–2000)

Đề 25

Giới thiệu một món ăn dân tộc ở vùng quê em.

Đoạn văn tham khảo

Bánh tráng nước dừa

1. Bánh tráng nước dừa là một món ăn đặc sản của Bình Định quê em.

2. Bánh được làm từ tinh bột khoai mì (sắn), với nước cốt cơm dừa, trộn ít vừng (mè), hành phi và hạt tiêu. Ở Tam Quan (Bình Định), cứ khoảng 4 – 5 giờ sáng, những ngày trời nắng, các lò làm bánh tráng nước dừa đều đỏ lửa. Mỗi lò có hai đến ba người làm, một người tráng bánh còn những người khác đốt lò và phơi bánh. Cơm dừa được xay nhuyễn rồi lọc lấy nước cốt từ chiều hôm trước, bột và gia vị chuẩn bị sẵn. Trong lúc chờ nước trong nồi sôi, người ta trộn đều bột với nước cốt dừa, vừng, gia vị. Khi nước đã sôi mạnh, người ta dùng gáo dừa múc bột rồi tráng đều trên mặt khuôn có chiều rộng bằng cái sàng gạo, đậy vung chừng 2 phút thì vớt bánh ra vỉ, cứ đủ 10 cái là đem ra phơi nắng.

3. Hàng ngày, cứ khoảng 10 giờ sáng là xong công việc tráng bánh, đến buổi chiều là bánh khô và được gỡ khỏi vỉ xếp thành từng ràng 10 chiếc, rồi mang đến các địa điểm bán bánh dọc theo Quốc lộ 1, thuộc phạm vi huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Bánh tráng nước dừa được nướng trên than củi, ăn rất giòn, thơm, béo và có mùi vị thật quyến rũ, khó quên.

(Theo Thanh Nhật, *Báo Đường sắt Việt Nam,*
số 109 – 2003)

Đề 26

Giới thiệu một đặc sản quê hương.

BÀI THAM KHẢO

Nem thính, đặc sản của đất Lam Kinh

Chẳng ai đã từng đến Thanh Hoá mà lại không biết đến món nem chua – đặc sản xứ Thanh đã trở nên quen thuộc đối với nhiều nơi trong cả nước. Tuy nhiên, ít ai để ý đến một món ăn thú vị chẳng kém có cùng "họ" với nem chua – đó là nem thính. Ngay cả người Thanh Hoá, nếu không được sinh ra ở Thọ Xuân hoặc không có "ràng buộc" với vùng đất này thì nem thính là một cái tên xa lạ.

Loại nem này có từ khi nào không ai nhớ nổi. Chỉ biết rằng từ rất lâu, nem thính được coi là một món ăn không thể thiếu trong các ngày lễ hội, tết nhất, ngày giỗ tổ tiên... Mỗi chiếc nem nặng khoảng 3 – 4 lạng đủ cho 4 người ăn, gồm có bì lợn, thịt nạc lẫn mỡ, gạo rang giã làm thính. Nếu gói thêm một ít lá sung hoặc lá ổi thì càng ngon. Nem gói xong chưa ăn được ngay mà phải để 2–3 ngày cho chắc lại và lên men. Trước khi ăn phải đem vùi xuống tro bếp nóng hoặc nướng bằng than hoa. Lật qua lật lại để cháy lớp vỏ ngoài cho chín đều đến khi còn lại một lớp trong cùng là được, khi nào ăn mới bóc nốt lớp còn lại. Nem thính được dùng làm đồ nhắm, ăn kèm với dưa hành hoặc dưa góp cho đỡ ngấy. Ông Lê Hậu, 78 tuổi ở Thọ Xuân kể: tương truyền hàng năm, vào ngày 6 và 7 tháng Giêng, ở Thọ Xuân có một lễ hội đầu năm gọi là lễ Khai bút. Trong lễ Khai bút cả làng được tham dự, trừ gia đình nào có tang. Vào ngày này hàng năm, các họ trong làng thay phiên nhau làm nem thính đủ cho cả làng ăn trong lễ Khai bút. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ của mình, trưởng họ khắc kích thước của chiếc nem mà họ mình đã làm lên trên cột đình, đến lễ Khai bút năm sau thì đến lượt họ khác. Chiếc cột đình này được khắc chi chít những hình nem như một minh chứng cho đời sống xã hội của người dân đất Lam Kinh.

Sau năm 1945, chiếc cột này bị phá và tục lệ một họ làm nem cho cả làng ăn không còn nữa. Tuy nhiên, mỗi khi xuân về, các gia đình ở Thọ Xuân vẫn làm nem thính và họ coi như một món không thể thiếu trong mâm cúng tổ tiên.

(*Tiếng nói Việt Nam*, 12–2001)

Đề 27

Giới thiệu một đặc sản gắn liền với phong tục giỗ tết truyền thống của dân tộc.

BÀI THAM KHẢO

Bánh giầy Quán Gánh trong ngày Quốc giỗ Hùng Vương

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, bánh giầy được nhiều vùng sản xuất làm đồ tế lễ trong những ngày huý kỵ, làm quà biếu người thân. Trong số những vùng lưu truyền làm bánh có làng Thượng Đình ở ngay cận kề với Thăng Long. Đó là bánh giầy Quán Gánh nổi tiếng xưa nay.

Bánh giầy Quán Gánh được làm bằng thứ gạo nếp hoa vàng chọn kỹ, vừa đều hạt vừa không thể lẫn những hạt gạo khác loại. Nước đồ xôi cũng phải là thứ nước sạch tuyệt đối thì hạt xôi mới trắng, mới giữ được mùi hương lúa và khi giã bánh mới mịn nhuyễn, dẻo.

Năm nay, toàn thể nhân dân Thôn Thượng Đình được sự bảo trợ và giúp đỡ phối hợp của Quỹ Văn Hoá - Sở Văn hoá Thông tin Hà Nội, Hội bảo tồn di sản Văn hoá Thăng Long - Hà Nội, cùng nhau làm một chiếc bánh giầy đặc biệt dâng lên đền Hùng giỗ Tổ. Chiếc bánh nặng 18 tạ, đường kính 1,8m (tượng trưng cho 18 đời vua Hùng).

Để làm được chiếc bánh này, nhân dân làng Thượng Đình phải nấu xôi 1 tấn rưỡi gạo, gần 2 tấn củi và hàng trăm người phục dịch suốt cả một ngày đêm. Chiếc bánh bắt đầu được làm từ 5 giờ chiều ngày 5/3 đến 12 giờ ngày 6/3 (âm lịch) mới xong. Đúng 1 giờ 30 bánh được chuyển về Đền Hùng.

Với tâm nguyện thành kính Tổ Tiên, nhớ về cội nguồn của dân tộc, Hội Bảo Tồn Di Sản Văn Hoá Thăng Long - Hà Nội, Quỹ Văn Hoá - Sở Văn Hoá Thông Tin, nhân dân làng nghề Thượng Đình cùng nhau góp sức, góp công mà làm nên.

Bánh được đặt ở sân hành Lễ trước cổng đền, đường lên đền Hạ để du khách thập phương chiêm bái. Dân làng làm thêm 1 cặp bánh chưng, bánh giầy mỗi thứ 18 kg để dâng lên đền Trung làm Lễ tạ Hùng Vương và cẩn cáo Lang Liêu.

Chiếc bánh giầy Quán Gánh trở thành lễ vật trong ngày Quốc giỗ năm nay là niềm vinh dự lớn lao cho làng nghề và những cơ quan tổ chức, là sự minh chứng tài năng, đức tính cần cù của những người nông dân Việt Nam.

(Theo Nguyễn Nguyên Hoài – *Thăng Long – Hà Nội ngàn năm*, số 7–2002)

Đề 28

Giới thiệu một di tích lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc.

Đoạn văn tham khảo

Đường mòn Hồ Chí Minh

1. Đường mòn Hồ Chí Minh – con đường huyền thoại.

2. Đây là con đường chiến lược nối liền hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước – cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong thời đại Hồ Chí Minh. Ngày nay, có dịp đến đây, chúng ta sẽ được chứng kiến những di tích, di chứng của một thời chiến tranh khốc liệt, một thời mà mồ hôi, máu và nước mắt đã đổ nhuộm thấm đất này. Đường mòn Hồ Chí Minh lúc đầu chỉ là con đường mòn nhỏ cho người đi bộ, sau phát triển thành hệ thống gồm cả đường giao liên và đại lộ cho xe vận tải cỡ lớn, dài gần 2 vạn km, len lỏi, dọc ngang suốt dãy Trường Sơn. Từ thung lũng sông Cả (Hà Tĩnh) đến Hải Vân (Quảng Nam – Đà Nẵng) là phần Trường Sơn Bắc, từ Hải Vân đến giáp đồng bằng Nam Bộ (Sông Bé) là Trường Sơn Nam. Đây là tuyến đường vận tải từ hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam trong suốt hàng chục năm kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

3. Đường mòn Hồ Chí Minh – một cái tên lịch sử.

(*Thăng Long – Hà Nội ngàn năm*, số 7– 2002)

Đề 29

Đôi dép lốp là sản phẩm của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của dân tộc. Hãy viết bài giới thiệu đôi dép đó.

BÀI LÀM

Cho đến nay, không mấy người còn đi dép lốp. Đó là sản phẩm của một thời đánh giặc gian khổ mà anh hùng của dân tộc, gắn bó với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của nhân dân ta.

Đôi dép được làm bằng *lốp* ô tô nên gọi là *dép lốp* (hoặc dép cao su). Người ta chọn phần bằng phẳng của chiếc lốp cắt ra làm đế dép. Đế dép được đục thành 8 khe mỏng để xâu 4 quai dép. Quai dép bằng *săm* ô tô, cắt thành từng sợi dài vừa đủ ôm bàn chân, bề ngang khoảng 1,5cm đến 2cm, giống như những sợi râu, vì vậy có nơi còn gọi là *dép râu*. Dùng cái *xâu dép* bằng sắt có hai mảnh dát mỏng xâu từ dưới đế dép lên, cặp chặt đầu quai dép vào giữa rồi rút mạnh. Quai dép được kéo qua khe mỏng của đế, và do tính chất đàn hồi của cao su nên rất chặt, không tụt ra được.

Đế bằng lốp ô tô vừa chắc vừa bền, đi êm; quai bằng săm cao su ôm chặt vào bàn chân giúp cho việc đi lại được gọn nhẹ, nhanh chóng. Với chất liệu cao su, đôi dép lốp rất tiện lợi trong việc trèo đèo, lội suối, băng rừng để chiến đấu chống giặc. Không chỉ bộ đội, dân công, mà cả cán bộ và nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đều đi dép lốp. Và cả Bác Hồ, Người Cha già kính yêu của dân tộc cũng đi dép lốp – đôi dép đã trở thành huyền thoại của một con người giản dị mà vĩ đại:

Còn đôi dép cũ, mòn quai gót
Bác vẫn thường đi giữa thế gian...

(*Tố Hữu*)

Đôi dép lốp đã đi vào lịch sử đánh giặc anh hùng của nhân dân ta. Cùng với xe đạp thồ, tời kéo pháo, bếp Hoàng Cầm..., đôi dép lốp đơn sơ, bình dị đó đã góp phần làm nên chiến thắng vang dội trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

(*Viết theo lời kể của một chiến sĩ Điện Biên,* sđd)

• Đề 30

> **Hoa ngày Tết ở Việt Nam thật phong phú và đẹp. Hãy viết bài giới thiệu các loại hoa về mùa xuân.**

BÀI THAM KHẢO

Sắc màu hoa xuân

Mùa xuân có thật nhiều hoa tươi. Trước hết là *hoa đào*. Cứ mơn mởn, mơn mởn trong gió rét. Muốn có *hoa đào* chơi Tết, tháng mười một, *cây đào* đã phải chịu đớn đau, bị bứt đi hết lá, để nhựa cây tích tụ vào thân, làm nụ. Tuỳ theo thời tiết nóng nhiều hay rét nhiều mà người *trồng đào* phải *thúc* hay *hãm*. *Thúc* là bón cho *cây đào* mọc nhanh hơn. *Hãm* là khía nhiều vòng quanh thân cho nó mọc chậm lại.

Hoa đào là thứ hoa chơi thì có màu sắc đẹp, cánh *kép*, nhiều tầng, nhuỵ vàng lấp lánh. *Đào bích* hoa thắm, *đào phai* hoa phơn phớt. Còn *đào ta* là đào quả, hoa *đơn* năm cánh, màu tựa tựa *đào phai*...

Tết Nguyên đán ở miền Bắc Việt Nam không thể thiếu hoa, nhất là *hoa đào*...

Một cành đào ứ nhựa,
Nặng bàn tay anh cầm,
Nghe hương thầm lặng toả,
Qua màn sương thời gian...

(Chế Lan Viên)

Miền Nam còn có hoa *mai vàng*. Đó là loài cây hoang mọc trên rừng Trường Sơn được đánh về, chăm sóc, thuần hoá, cho thứ hoa vàng cực đẹp. Nhưng đó không phải là *chi mai trắng* trồng trong chậu, cũng không phải *hoa mai cho quả mơ* vào tháng ba ở chùa Hương.

Mùa xuân thật kì lạ. Nó mang sức mới cho vũ trụ, cho con người, mà dễ nhận ra nhất là trên môi, trên má mỗi người, trên đầu cành các loài cây có hoa rực rỡ màu, có hoa thơm ngát, thơm nồng...

Mùa nào cũng có một loài hoa của riêng mình. Nhưng mùa xuân mới có nhiều hoa đẹp:

Hoa *hải đường* màu cánh sen, *hoa hồng* đủ sắc: trắng, vàng, đỏ, son, phấn hồng... *Thược dược* to bằng chiếc đĩa. *Cúc đại đoá, cúc chi, cúc*

tím, cúc móng rồng, cúc vạn thọ, cúc bạch mi, cúc hoàng kim tháp... Rồi *mặt trời, đồng tiền, đỗ quyên, mõm sói, chân chim, đồng thảo, huệ, loa kèn, hoa tưởng nhớ...*

Ai thích hoa gì, tha hồ mà tìm, chọn...

Chúng ta hơn hẳn một số nước ở miền cực Bắc, suốt sáu tháng trời băng tuyết, không có một màu xanh, sắc đỏ nào. Tết Nguyên đán của ta vào đầu mùa xuân cũng là dịp đặc biệt tràn ngập màu hoa. Vui quá! Các bạn ơi!

(*Theo* ***Băng Sơn****;*

Báo **Nhi đồng**, *số 12 + 13 + 14, tháng 2-2002, tr.25*)

Đề 31

Giới thiệu một tấm gương yêu nước, mong muốn đổi mới đất nước trong lịch sử dân tộc.

BÀI THAM KHẢO

Nguyễn Trường Tộ mong muốn đổi mới đất nước

Trước mối họa thực dân Pháp xâm lăng, một số người chủ trương đổi mới đất nước để đủ sức tự lập, tự cường. Đó là các nhà nho yêu nước như Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ.

Nguyễn Trường Tộ sinh ra trong một gia đình theo đạo Thiên chúa ở Nghệ An. Thuở nhỏ, ông học chữ Nho, thông minh hiểu biết hơn người, được gọi là "Trạng Tộ". Lớn lên, ông được học thêm tiếng La tinh, tiếng Pháp. Từ năm 1860, ông được sang Pháp. Những năm ở Pháp, ông ra sức quan sát, tìm hiểu sự giàu có văn minh của họ để tìm cách cứu nước nhà thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu. Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã trình lên vua Tự Đức 58 bản hiến kế, thiết tha bày tỏ mong muốn đổi mới đất nước. Ông đề nghị mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước, thông thương với thế giới, thuê chuyên gia nước ngoài đến giúp ta khai thác các nguồn lợi về biển, rừng, đất đai, khoáng sản; mở các trường kĩ nghệ, học cách sử dụng máy móc, đóng tàu, đúc súng. Ông mong muốn nước ta phải mạnh lên, có nhiều bạn trên thế giới để đủ sức đối phó với giặc Pháp.

Vua quan nhà Nguyễn không muốn thay đổi công việc trong nước, họ không hiểu biết tình hình các nước trên thế giới. Ngay cả những điều đơn giản như đèn điện không có dầu vẫn sáng, họ cũng cho là bịa đặt. Trước đề nghị đổi mới của Nguyễn Trường Tộ, triều đình bàn tán ngược xuôi. Vua Tự Đức cho rằng: không cần nghe theo Nguyễn Trường Tộ, "Những phương pháp cũ đã đủ để điều khiển quốc gia rồi!". Cuối cùng, những đề nghị đổi mới đất nước của Nguyễn Trường Tộ không được thực hiện.

Mặc dù vậy, người đời sau vẫn kính trọng ông là người hiểu biết sâu rộng, có lòng yêu nước, mong muốn dân giàu, nước mạnh.

(Theo sách *Tự nhiên & xã hội* lớp 5)

Đề 32

Giới thiệu chiếc nón lá – biểu tượng của Việt Nam.

BÀI LÀM

Nón Chuông

Ở Hà Tây có làng Chuông thuộc huyện Thanh Oai nổi tiếng về nghề nón:

Muốn ăn cơm trắng, cá mè

Muốn đội nón tốt thì về làng Chuông.

Nghề làm nón ở Chuông có từ lâu lắm không ai còn nhớ vào thời nào. Lúc đầu làm để dùng trong làng, sau này càng nổi tiếng, được tiến dâng vào tận cung vua cho hoàng hậu, công chúa dùng. Nón trở thành đồ trang sức của các cô gái. Nón đi dự hội chợ, nón vượt biển ra nước ngoài đến với bạn bè quốc tế. Nón Chuông được mọi người biết đến như một biểu tượng của Việt Nam.

Vật liệu làm nón gồm tre, nứa, lá, móc. Lá chở từ Quảng Bình, Thanh Hoá ra; tre, nứa, móc từ miền trung du về. Nhưng điều quyết định làm nên chiếc nón xinh đẹp lại là đôi tay thon thả, mềm mại của những cô gái làng Chuông.

Lá, móc... có rồi, giờ mới đến lúc bàn tay khéo léo đến mức như có khuôn, có thước bắt đầu biến nó thành cái nón. Nhìn một chiếc nón Chuông, mặt phẳng tựa như đúc bằng nhựa dẻo và trắng nõn nà, khó ai có thể cho là nón được làm bằng những tàu lá xanh răn reo, co cụm.

Đầu tiên những tàu lá đó được đem là: một chiếc lưỡi cày chìa vôi cũ hoặc một miếng sắt phẳng đốt nóng, đặt lá lên, lấy nắm giẻ vuốt cho phẳng. Lửa phải vừa tay, nóng quá lá bị giòn, vàng cháy, nguội quá lá chỉ phẳng lúc đầu, sau "đâu lại hoàn đấy". Là xong, lá được qua một phản ứng hoá học. Người thợ cứ làm, cứ truyền nghề một cách "cha truyền con nối" nhưng thật rất khoa học: mấy miếng diêm sinh được đốt lên để hơ lá. Lá lột xác, trắng thêm ra, đồng thời lại tránh được mốc khi đang làm cũng như khi thành chiếc nón để sử dụng.

Vật liệu thứ hai là vòng. Bạn hãy lật ngửa chiếc nón lên và thấy 16 lớp vòng tinh xảo ấy, 16 đây là số lớp vòng vừa phải, tạo nên một dáng đẹp của nón Chuông, một số nón khác như nón Thanh Hoá, số vòng lại lên đến con số 20! Vòng vót đều chằn chặn, tròn không một vết gợn và ngay chỗ nối cũng cứ thành một đường. Việc làm vòng vừa đòi hỏi sức lực, vừa phải khéo tay.

Vật liệu đã được chuẩn bị, đến khâu chính là "thắt" và khâu nón. Từng chiếc vòng được đặt lên khuôn có sẵn. "Đẹp nón nhờ thắt, đẹp mặt nhờ khuôn". "Mặt" đây là mặt nón. Khuôn tốt làm cho mái phẳng, lá lót không gồ ghề, vòng thêm tròn, khoảng cách đều nhau, chiếc nón như thế mới xinh. Xếp lá phải biết chọn lá: lá to trắng, phẳng để ngoài, lá mảnh nhỏ ken xen vào giữa không bỏ phí một li. Ở những nơi sẵn lá như Thanh Hoá, Quảng Bình, nón lót 3 lần lá. Nón tuy nhẹ nhàng thanh thoát nhưng có phần tốn nguyên liệu. Nón Chuông – loại nón đội khi đi làm – ở giữa lót một lượt nang, vừa cứng lại vừa bền và đỡ tốn nguyên liệu, rẻ tiền. Lá xếp trên khuôn xong, mấy sợi mây nhỏ chằng ngang, chéo, giữ lá phẳng phiu, sau đó là "thắt". Con mắt người khâu nón giờ như con mắt thợ thêu. Bàn tay lanh lẹ xâu một sợi móc ngắn (hoặc một sợi tơ dứa dài hơn) rồi đưa những mũi kim khâu từ những mắt rất nhỏ rồi to dần tới cạp nón. Mũi khâu ước lượng mà đều đặn như đo; cách giấu đầu nối sợi móc lại quá khéo léo, mới nhìn tưởng sợi móc dài vô hạn! Từng mũi, từng mũi kim một, lớp nón duyên dáng dần thành hình. Một câu đối cổ đã khái quát, ca ngợi quá trình này:

Ngọn lá xuân phong khuôn khéo "lựa"

Sợi vàng tạo hoá nắn nên "chuông"

Lựa là làng Lựa mà còn có nghĩa là khéo lựa. Làng Lựa trước làm khuôn nón cung cấp cho Chuông. Chuông có nghĩa là làng Chuông lại có nghĩa nón đẹp, làm công phu như đúc chuông.

Việc khâu, thắt nón quá kì công, có nghệ thuật. Tuy nhiên tuỳ loại

nón mà việc thắt phải "lựa" phải "nắn" khác nhau. Nón được phân loại tuỳ công dụng, tuỳ vật liệu. Có loại ở Chuông đã làm ra, có loại cùng "họ hàng" với nón Chuông, ở Chuông cũng làm theo kiểu mẫu, cách thức ở nơi khác. Trước tiên phải kể đến loại nón đội khi đi làm. Nón này cũng như nón "đội chơi" nhưng thường nông hơn, dầy hơn, khâu bằng sợi móc đen. Nón dầu dãi nắng mưa cùng người trên đồng ruộng, khi đi lại trên đường. Giữa buổi làm, lúc nghỉ, nón thay quạt phe phẩy làn gió mát. Khi qua chợ mua rau dưa không có rổ, nón làm thêm nhiệm vụ này. Cùng loại còn có nón thuyền chài ngoài bọc một lần cót mỏng, cứng, nón "mũ chảo" – đúng như cái chảo – đồng bào xứ Đoài đi làm ruộng hay đội.

Nón Chuông ngoài công dụng che mưa, che nắng còn là vật biểu hiện tình cảm:

Nón này che nắng che mưa,
Nón này để đội cho vừa đôi ta.
Nón này khâu những móc già,
Em đi thử nón đã ba năm chầy.
Muốn em chung mẹ chung thầy,
Thì anh đưa cái nón này em xin.

(Ca dao)

Nghề làm nón Chuông đã được nâng từ một nghề thủ công thành một mĩ nghệ.

Nếu chiếc mũ rộng vành là biểu tượng để nhận ra người Mĩ La tinh thì chiếc nón là hình ảnh để nhận ra người Việt Nam, nhất là người phụ nữ Việt Nam.

(Theo *Nghề đẹp quê hương*,
Trong văn hóa Hà Sơn Bình xuất bản, 1982)

Đề 33

Giới thiệu một đồ dùng trong cuộc sống hiện đại ngày nay của nhân dân ta.

BÀI LÀM

Bàn là điện

Trong đời sống hiện đại, bàn là điện là một đồ dùng không thể thiếu ở mỗi gia đình. Nó được dùng khá phổ biến ở nước ta, đặc biệt là ở các thành phố, thị xã.

1. Cấu tạo

Bàn là điện gồm các bộ phận sau:

a) Nguồn sinh nhiệt: Trong bàn là có một sợi dây điện trở bằng hợp kim crôm – niken. Tuỳ theo từng hãng sản xuất mà sợi dây này có dạng khác nhau. Có trường hợp dùng sợi dây tiết diện tròn quấn dưới dạng lò xo, được đặt cách điện với vỏ. Có trường hợp dùng sợi dây tiết diện dẹt, quấn quanh tấm mica và cách điện với vỏ.

b) Vỏ: Làm bằng hợp kim của nhôm hoặc sắt mạ kền (tức niken). Mặt dưới bàn là phẳng và nhẵn bóng.

c) Bộ phận phun hơi nước: Một số bàn là có bộ phận để phun hơi nước vào vật được là. Bộ phận chứa nước nằm trong thân bàn là. Khi cắm điện vào, bàn là nóng làm nước sôi lên và hơi nước phun ra ở ba lỗ nằm tại mặt dưới bàn là.

d) Bộ phận điều chỉnh nhiệt độ: Bộ phận này gồm một rơ–le dạng băng kép. Khi bàn là nóng đến một nhiệt độ nào đấy thì băng kép cong lên và tiếp điểm bị tách ra, mạch điện bị cắt. Khi bàn là nguội đến nhiệt độ quy định, băng kép lại trở về vị trí cũ và lại đóng mạch điện.

Bộ phận điều chỉnh thường được bố trí bằng một núm vặn trên thân. Khi xoay núm này ta làm cho tiếp điểm chóng hoặc chậm được ngắt.

đ) Đèn báo hiệu: Ở trong tay cầm bàn là thường có một đèn báo, khi có điện vào bàn là thì đèn sáng.

2. Sử dụng và bảo quản

Trước khi sử dụng cần kiểm tra để bảo đảm an toàn:

- Kiểm tra dây dẫn điện xem có bị hở không?
- Kiểm tra xem có rò điện ra vỏ bàn là không?
- Đặt núm điều chỉnh nhiệt độ ở vị trí thích hợp với loại vải cần là.
- Đổ nước vào lỗ quy định của bộ phận chứa nước để phun vào vật cần là (nếu có).
- Cắm điện vào bàn là, chờ vài phút cho nóng thì dùng.
- Trước khi dùng phải lau mặt bàn là để không dây bẩn ra vật định là.
- Một số loại vải bằng sợi tổng hợp và lụa nếu để khô mà là, sẽ nhiễm điện (tĩnh điện) rất mạnh và dính theo bàn là. Đối với loại vải lụa này phải phun nước cho ẩm trước khi là.
- Khi ngừng là hoặc là xong, phải để bàn là lên một vật kê chịu được nhiệt độ cao và nhẵn để không làm xước mặt bàn là.

Khi dùng xong phải rút bàn là ra khỏi mạch điện để tránh xảy ra tai nạn hoặc hư hỏng bàn là.

Nhờ có bàn là điện mà quần áo được phẳng phiu, đẹp đẽ, con người thanh lịch. Bàn là điện đã góp phần nâng cao thêm chất lượng cuộc sống.

(Theo *Sử dụng đồ điện trong gia đình*)

Đề 34

Giới thiệu một loài động vật có ích đối với con người.

BÀI LÀM

Con ếch

Con ếch có khi được gọi là "gà đồng", là giống vật lưỡng cư không đuôi vừa ở trên cạn, vừa ở dưới nước. Lưng ếch có màu xanh lục hay màu nâu, pha một ít chấm đen. Khi ếch nấp trong bùn hay trong khóm cỏ, nếu ta không chú ý thì khó lòng mà nhận ra. Khi ở trên cạn, hễ gặp nguy hiểm, chỉ vài bước nhảy là ếch đã lặn xuống mặt nước, biến mất. Khi ở dưới nước mà gặp nguy hiểm ếch nhanh chóng nhảy ra khỏi mặt nước để chui vào bụi cỏ ven bờ.

Ếch tuy ở dưới nước nhưng thở bằng phổi và bằng da, còn tim ếch lại

có nhiều hơn tim động vật khác một tâm thất. Khi ở trên cạn ếch thở tự do, da tiết ra một chất nhờn giữ cho da ẩm ướt. Do đó dù trời hanh khô ếch vẫn thích nghi được.

Ếch "đi" bằng cách nhảy. Hai chi sau dài hơn hai chi trước, giữa các ngón có màng, bắp thịt nở nang. Khi nhảy, hai chân sau đạp một cái là cất mình bay lên, khi hạ xuống thì hai chân trước vươn ra đỡ như cái nhíp.

Ở dưới nước ếch bơi bằng hai chân sau, do giữa các ngón có màng ngăn, đạp chân ra sau một cái là thân ếch vươn tới như mũi tên rẽ nước, hai chi sau khép lại trông rất đẹp. Đầu ếch có hình tam giác lại dẹt, ít gây trở lực khi bơi, cho nên ếch bơi rất nhanh.

Lưỡi ếch là một công cụ đặc biệt để bắt mồi: lưỡi dài và cuống lưỡi gắn liền với cơ ở hàm răng trước. Lưỡi chia làm hai nhánh, cong về phía trong, tạo thành hình lưỡi câu. Mặt lưỡi thấm đầy chất dính. Các côn trùng nhỏ một khi bị lưỡi ếch kẹp chặt, dính vào chất keo thì không thể thoát được. Bên miệng ếch lại có một dãy răng, côn trùng không cách gì thoát ra được.

Động tác bắt mồi của ếch thật là ngoạn mục. Khi có một con côn trùng bay qua, ếch nhảy lên một chút, cái lưỡi vươn ra, kẹp đúng con mồi và cho vào mồm nuốt liền. Động tác ấy diễn ra chỉ trong một giây Theo thống kê, một con ếch một ngày có thể ăn được một trăm côn trùng có hại. Do đó, nông dân xưa nay rất yêu quý loài ếch.

Giữ gìn loài ếch là giữ gìn đội vệ sĩ bảo vệ cho cây lúa.

(Bài làm của học sinh – Theo sách giáo khoa thí điểm *Ngữ văn 8*, tập một)

Đề 35

Con trâu ở làng quê Việt Nam.

BÀI LÀM

"Trâu ơi ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta"

Không biết từ bao giờ, người nông dân Việt Nam đã quý trâu và gọi trâu tha thiết như thế. Hình ảnh trâu đã trở nên quen thuộc, gần gũi với xóm làng, đồng ruộng quê hương.

Là một loài gia súc có ích, trâu được người nông dân nâng niu, chăm sóc bởi chính đặc điểm cấu tạo "*trời cho*" rất đáng yêu của nó: một thân hình lực lưỡng, tròn to, bốn chân chắc chắn như bốn cái cột nhà nhỏ, vai u những bắp thịt thể hiện sức kéo khỏe. Bộ lông màu xám hoặc xám đen dù có mọc dày đến mấy nhưng vẫn bị mai một bởi thời gian và sự cọ xát rất phong trần cùng cái cày trên đồng ruộng. Thấp thoáng trong lớp lông ấy là bộ da căng bóng mỡ có khi nhẵn lì. Cái đuôi ngoe nguẩy suốt ngày theo nhịp bước chân đi. Người ta thường phân biệt trâu lành hay dữ một phần nhờ vào đôi sừng trên chỏm đầu: sừng dài uốn cong hình lưỡi liềm cùng cặp mắt to dữ là phải coi chừng và có biện pháp thuần phục.

Bước chân đến mỗi cánh đồng hay thôn xóm, bản làng Việt Nam, hình ảnh con trâu hiện ra thân thuộc như một dấu ấn báo hiệu xứ sở quê hương, dân tộc. Vào những ngày nông nhàn tháng ba hay tháng tám, giữa biển lúa xanh rờn trên cánh đồng quê, ven sườn đê sông nước, từng đàn trâu bò thong thả gặm cỏ, thỉnh thoảng ngỏng đầu ngơ ngác lắng nghe tiếng sáo du dương dìu dặt của bọn trẻ đâu đây. Chốc chốc, một đàn chim sáo đen sà xuống lưng trâu đi đi lại lại rồi giật mình bay vút lên trời xanh khi nghe cái quất mạnh của đuôi trâu vào lưng theo bản năng xua ruồi đuổi muỗi.

Dân gian xưa vẫn có bài ca dao:

Rủ nhau đi cấy đi cày

Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

Vâng! Trâu đã gắn bó với người nông dân tần tảo sớm khuya, giữa buổi trưa hè "*mồ hôi thánh thót*" hay trong cái rét buốt xương của bà bầm xuống ruộng cấy tháng giêng, trâu vẫn cần cù nhẫn nại mải miết cày ruộng, kéo xe như một lao động chính không thể thiếu trong mỗi gia đình nhà nông.

Trâu gò lưng kéo cày, thong thả ngoan ngoãn, chăm chỉ và theo nhịp bước và tiếng chỉ huy "*vắt, diệt*" của bác nông dân. Hết thửa ruộng nọ đến thửa ruộng kia, trâu cày bừa nhuần nhuyễn để những cây mạ non đặt xuống lớp bùn sềnh sang màu mỡ hứa hẹn một mùa bội thu. Đến mùa gặt, người và trâu hăm hở đón những bông lúa vàng. Trâu kéo xe đi trước, người đẩy phía sau cùng vui vẻ, phấn khởi trước một mùa bội thu. Đôi bạn chí tình thủ thỉ tâm sự:

Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây trâu đấy ai mà quản công
Bao giờ cây lúa còn bông
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn

Tết đến xuân về, lòng người rạo rực xốn xang trước bao lễ hội sau những ngày lam lũ vất vả trên đồng ruộng. Người Việt Nam không biết tự bao giờ đã đặt ra lệ: "*Tháng giêng là tháng ăn chơi. Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè*". Trâu cũng tham dự lễ hội. Trâu trở thành vật thiêng của người dân tộc trong ngày tết. Lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn được tổ chức linh đình như biểu tượng về sức mạnh của nhân dân. Bất cứ nơi đâu khi vui vẻ hội hè, người nông dân cũng không quên con vật yêu quý của mình – con trâu.

Kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta khi nhớ về quê hương nông thôn ai chẳng có một thời chăn trâu cắt cỏ mà nhà thơ Giang Nam đã nói hộ lòng ta:

Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ
Ai bảo chăn trâu là khổ
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao.

Chăn trâu, ngồi trên lưng trâu thổi sáo hay thả diều, đuổi bướm bẫy chim, rồi thỏa thích tắm mát ở bờ sông quê nhà... những hình ảnh đó in sâu trong tâm khảm, trở thành kỉ niệm ngọt ngào dịu mát lòng ta trước cuộc đời đầy những lo toan mệt mỏi. Chẳng thế mà hình ảnh cậu bé

ngồi trên lưng trâu thổi sáo giữa cánh đồng lúa bát ngát xanh đã đi vào bức tranh dân gian tự nhiên, đẹp đẽ như một mảnh tâm hồn đất Việt.

Biết bao thế kỉ trôi qua, có lẽ từ khi nền văn minh lúa nước của người Việt khởi nguồn thì con trâu cũng trở thành báu vật của người nông dân từ đó. Ngày nay, dẫu máy cày kéo đã thay sức trâu rất nhiều nhưng nó mãi là vật yêu, vật thiêng trong sâu thẳm tâm hồn người dân Việt Nam.

(Theo *Những bài làm văn hay THCS 9*,
NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2005)

Đề 36

Giới thiệu Cây lúa Việt Nam

BÀI LÀM

Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Đất nước Việt Nam – cái nôi của nền văn minh lúa nước, bên mỗi xóm thôn bản làng, những cánh đồng xanh thẳm trải dài tít tận chân mây như dấu hiệu để mọi du khách nhận ra đất nước nông nghiệp với sự gắn bó của con người cùng cây lúa xanh tươi.

Lúa là cách gọi thông thường không biết tự bao giờ trong từ điển Việt Nam, để chỉ loài cây lương thực chính được ươm mầm từ những hạt thóc vàng căng mẩy. Hạt thóc ngâm nước, ủ lên mầm gieo xuống lớp bùn sếnh sang trở thành những cây mạ xanh non. Sau khi làm đất, cày bừa kĩ, mạ non được bó lại như thằng bé lên ba con cón theo mẹ ra đồng và được cấm xuống bùn sâu qua bàn tay chăm sóc của người nông dân từng ngày, từng giờ, lên xanh tươi tốt thành những ruộng lúa mênh mông bờ nối bờ thăm thẳm.

Lúa được phát triển theo ba giai đoạn chính: giai đoạn mạ non, mảnh mai yếu ớt như em bé sơ sinh run rẩy trước nắng mai hay gió bão lạnh lẽo. Những ngày mùa đông buốt giá, gieo mạ rồi để chuẩn bị cho vụ chiêm xuân, chẳng có người nông dân nào không xuýt xoa thương cho đám mạ con phải chịu cảnh rét buốt, thế là bao túi ni lông che kín xung quanh bờ thửa ngăn cho cái rét không làm lạnh chân mạ.

Nắng hửng trời quang, bà già mùa đông mệt mỏi đi nghỉ ngơi nhường chỗ cho chị mùa xuân nhảy múa ca hát cùng lũ chim trên cành. Ba con xã viên tưng bừng phấn khởi sau cái tết đón năm mới cùng với mạ non hồi sức vẫn kiên nhẫn vượt qua rét mướt, đã nô nức ra đồng làm việc. Họ đố nhau về bó mạ:

Vừa bằng thằng bé lên ba

Thắt lưng con cón chạy ra ngoài đồng.

Thế là người cày người cấy, trâu bò làm bạn với nhà nông, chỉ trong vòng một tuần, những cánh đồng đất ải trắng trước đây đã thành những ruộng lúa xanh non. Lúa cứ thế lớn lên dưới bàn tay chăm sóc, nâng niu của các bác nông dân, trưởng thành đến thì con gái, đẻ nhánh sinh sôi thành những khóm to chật ruộng. *"Rì rào rì rào..."*, lúa thì thầm ào ào trong gió như kể chuyện ngàn xưa. Những chiếc lá lúa dài giống hình lưỡi lê nhưng yểu điệu duyên dáng như trăm ngàn cánh tay đùa giỡn với gió. Sóng lúa nhấp nhô giữa buổi chiều hạ hay nắng sớm mùa xuân gợi bức tranh đồng quê thi vị mượt mà. Đó là đề tài quen thuộc của thơ và nhạc:

Việt Nam đất nước quê hương chúng tôi

Mía ngọt chè xanh qua những nương đồi

Đồng xanh lúa rập rờn biển cả...

Chẳng mấy chốc ba tháng nông nhàn đã qua, lúa vào đòng làm hạt, mùi thơm của lúa nếp, của gạo mới thoang thoảng đâu đây. Khắp cánh đồng, người ta chỉ thấy một màu vàng rực tươi rói, những bông lúa hạt đều tăm tắp, uốn cong như những lưỡi câu báo hiệu một mùa vàng bội thu. Ngày mùa, cả làng quê toàn màu vàng. Ngoài đồng lúa vàng xuộm, dưới sân rơm và thóc vàng ròn, chú cún vàng nhảy nhót lăng xăng như chia sẻ cùng chủ. Ai mà chẳng vui khi thành quả lao động của mình đến ngày được gặt hái.

Cứ thế một hai vụ, lúa trở thành cây lương thực chính của người nông dân. Vụ chiêm xuân từ tháng giêng đến tháng 4, tháng 5; vụ mùa từ tháng 6 đến tháng 9, tháng 10. Cây lúa đã đem đến cho đất nước một nguồn thu lớn, không chỉ cung cấp lương thực đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong nước mà còn là nguồn xuất khẩu gạo. Chúng ta tự hào có những cánh đồng lúa có sản lượng cao như cánh đồng năm tấn ở Thái Bình, Đồng Tháp Mười ở đồng bằng sông Cửu Long.

Bước sang thế kỉ XXI, Việt Nam đi dần vào xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng hình ảnh cây lúa và giá trị tiềm năng của nó vẫn là vị trí số một trong quá trình phát triển đất nước. Chẳng thế mà nó được lấy làm biểu tượng của các nước trong khối ASEAN như một báu vật cao quý.

(Theo *Những bài làm văn hay THCS 9*, sđd)

Đề 37

Giới thiệu một đặc sản nổi tiếng ở quê hương em (về trái cây).

BÀI THAM KHẢO

Bưởi Phúc Trạch

Trên các miền hoa trái nước ta, có bốn loại bưởi nổi tiếng: bưởi Đoan Hùng ở Phú Thọ, bưởi đỏ Mê Linh ở Vĩnh Phúc, bưởi Long Thành ở Đồng Nai và bưởi Phúc Trạch ở Hà Tĩnh. Người sành nhìn hình dáng quả đã có thể biết được bưởi vùng nào. Nếu đúng là bưởi Phúc Trạch thì quả không tròn, đỉnh quả không dô ra, dáng hơi dẹt đầu cuống và đầu núm. Vỏ anh ánh màu vàng mịn, không bị rỗ. Nâng trên lòng bàn tay, vỏ thấm vào da một cảm giác mát mẻ và thoang thoảng hương thơm. Chỉ dùng ngón tay tròn ấn nhẹ vào vỏ, xung quanh nơi ấn màu vỏ sáng lên và li ti hiện ra một lớp tinh dầu mơ hồ thoảng mùi hương dìu dịu,...

Vỏ bưởi Phúc Trạch mỏng chứ không dày như nhiều loại bưởi khác. Cầm con dao sắc gọt nhẹ, màu hồng đào trồi lên mịn màng như má cô gái dậy thì. Gọt sâu vào một chút nữa, cái màu hồng đào ấy càng đậm hơn, càng đằm thắm hơn. Cuối cùng, dí mũi dao lên đỉnh quả rạch dọc xuống múi chia thành nhiều phần đều đặn, rồi dùng tay bóc,... Những múi bưởi hiện ra một màu hồng quyến rũ. Tách ra từng múi, tép bưởi chen chúc nhau mọng lên đầy ắp hương vị hấp dẫn,... Dĩ nhiên là vị của nó không cay the, không chua nhưng cũng không ngọt đậm, mà ngọt thanh. Càng ăn càng thích. Ăn nhiều không chán.

Chẳng mấy ai dùng bưởi cho người ốm ăn, mà thường dùng cam. Ấy thế mà ở Hà Tĩnh, người ta cố mua cho được bưởi Phúc Trạch khi trong nhà có người ốm đau... Già nua tuổi tác, người mệt mỏi, miệng khô, được ăn múi bưởi Phúc Trạch cảm thấy tỉnh táo, dễ chịu,... Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, thương binh được ưu tiên dành phần

bưởi. Có cô gái vượt núi hàng chục ki–lô–mét chỉ cốt mang cho được mấy quả bưởi đến trạm quân y. Các anh bộ đội qua làng, nghỉ chân dưới gốc đa, mấy bà mẹ gánh nước chè xanh và mang bưởi ra tiếp. Vị ngọt thanh của bưởi làm tiêu tan nỗi mệt nhọc trên đường hành quân.

Trước Cách mạng tháng Tám, loại quả này có đem bán ở Hồng Kông và theo Việt kiều sang Pa–ri được người Pháp ưa thích. Năm 1938 trong một cuộc thi "Hoa thơm quả ngọt", bưởi Phúc Trạch được tặng đạo sắc và kèm theo một số tiền thưởng. Ban giám khảo xếp vào hàng "Quả ngon xứ Đông Dương".

(Võ Văn Trực, tạp chí *Tia sáng*, số Xuân 1998)

Đề 38

Giới thiệu một loài hoa mà em thích.

BÀI THAM KHẢO

Hoa Khế

Người Hà Nội thường hay nhắc tới hoa sữa, hoa phượng, hoa bằng lăng... hơn là hoa khế, bởi trong ý nghĩ của nhiều người, hoa khế vốn là thứ hoa gắn bó với làng quê. Thế nhưng với vẻ đẹp dung dị của hoa khế, mấy ai dễ lãng quên. Người yêu hoa khế đã cất công về tận quê, chọn cây giống từ những cây sai hoa đem về Hà Nội trồng trong vườn, trong am, hoặc chậu cảnh, mỗi năm lại thấy màu tím thân thương lưu luyến bên mình.

Vào khoảng tháng ba, khế ra hoa. Thứ hoa nhỏ bé, tím ngát, gợi nhớ gợi thương. Hoa khế không thắm sắc như hoa phượng, không rập rờn như bằng lăng, cũng không nồng nàn như hoa sữa. Từng bông hoa nhỏ li ti bám vào cành, kết thành từng chùm tưởng như bầy ong đang xây tổ. Có chùm tròn vo, xôm xốp như cục bông. Có chùm buông dài, lủng lẳng tựa chùm nho. Những khi nắng gắt gao, cái màu tím đằm thắm làm dịu mát màu nắng vàng. Còn sau mưa, hoa khế bỗng sáng bừng, long lanh như muôn hạt ngọc, càng nhìn càng ưa.

Hoa khế không chỉ đẹp sâu kín mà còn là thứ hoa cho quả. Tuy nhỏ bé thế nhưng chỉ khoảng hai, ba tuần là hoa đậu quả. Mới đầu, quả màu xanh non, bé bằng quả trứng cá mà đã phân chia năm cánh múi rõ

rằng; thế rồi bằng quả nhãn, quả vải... và đến khi bằng quả xoài thì đã vào tháng sáu, tháng bảy, là mùa thu hoạch chính của khế (có khi còn thu hoạch cả ra tháng giêng, tháng hai). Khế ngọt thì để ăn cho vui miệng, khế chua thường để nấu canh. Canh cá mà không có khế thì mất ngon. Vị chua dìu dịu của khế pha lẫn vị ngọt của thịt cá thì không chê vào đâu được. Tết đến, có người còn mang từ quê lên phố cả cành khế trĩu trịt treo trên tường, vừa tượng trưng cho lộc đầu năm, vừa để trang trí nhà cửa thêm sinh động. Ngoài ra khế còn được bày rất trang trọng trên mâm ngũ quả.

Người có tuổi yêu hoa khế bởi hoa khế dâng lên trong lòng họ cảm xúc bâng khuâng về quá khứ, có thể là quê cũ, tuổi thơ... Còn những người trẻ tuổi, hoa khế như thầm báo hiệu với họ một tương lai xanh non trĩu mọng.

Chỉ là cây khế thôi, Hà Nội thu cả làng quê trong mình.

Nguyễn Minh Thi

(Báo *Lao động thủ đô*, ngày 8–7–2003).

Đề 39

Giới thiệu một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của đất nước

BÀI THAM KHẢO

Ba Bể – Huyền Thoại Và Sự Thật

(Lược trích)

Hồ Ba Bể từ lâu nổi tiếng là danh lam thắng cảnh bậc nhất ở Việt Nam.

Chuyện kể rằng: "Ngày xửa ngày xưa, đã lâu lắm rồi, cả khu vực hồ Ba Bể ngày nay là một vùng trù phú... Rồi bỗng một đêm trời nổi cơn thịnh nộ, mưa đổ ầm ầm, nước sông dâng lên, mặt đất nứt nẻ và sụp xuống làm cho cả vùng dân cư đều cuốn theo dòng nước. Duy chỉ có một người đàn bà sống cô đơn, hiền lành, chân thật là thoát nạn, vì bà đã được báo trước trận hồng thủy sẽ xảy ra. Theo lời dặn, bà góa đã lấy tro rắc quanh nhà và lấy hạt thóc bà tiên để lại cắn đôi thả xuống hồ, vỏ thóc biến thành những chiếc thuyền để cứu người gặp nạn. Cả vùng thung lũng trù phú đã trở thành biển nước mênh mông. Chỉ còn một mảnh đất nhỏ nhoi là khu nhà của người đàn bà sống hiền lành đức độ,

người ta gọi đó là *Pò giá mải* (Đảo bà góa) ngày nay... Mảnh đất cuối cùng còn sót lại nằm giữa hồ Hai đất đai màu mỡ là nơi an nghỉ của những người xấu số nơi xảy ra trận hồng thủy năm xưa. Nhân dân trong vùng đã lập một đền thờ ở đảo này để tưởng nhớ đến những người đã khuất. Vì vậy hòn đảo có tên là *An Mạ* (Nơi an nghỉ của dân làng)".

Đó là những sự tích, những truyền thuyết gắn liền với sự hình thành hồ Ba Bể theo cách lí giải của người xưa. Không hiểu trận hồng thủy có diễn ra thật không, nhưng sự thật về một vùng đất sụp đổ biến thành hồ nước được các nhà khoa học xác minh và khẳng định: Hồ Ba Bể nằm trong vùng địa hình cát–xtơ Chợ Rã – Ba Bể – Chợ Đồn, thuộc vùng trũng của khối nâng Việt Bắc. Khối nâng này hình thành trong khoảng thời gian từ 200 triệu năm về trước: Do có cấu tạo địa chất đặc biệt, Hội nghị Quốc tế về hồ nước ngọt tại Mĩ tháng 3–1995 đã đưa hồ Ba Bể vào danh sách một trong số 20 hồ nước ngọt của thế giới cần được bảo vệ. Khu di sản thiên nhiên đã được Nhà nước quan tâm đầu tư bảo vệ [...].

Hồ Ba Bể là trung tâm của Vườn Quốc gia Ba Bể, có cấu tạo khá đặc biệt: thắt giữa và phình ra ở hai đầu, quanh hồ là những vách đá, chỗ thì dựng đứng cho hình dáng mặt hồ độc đáo, hoang sơ. Nhà thơ Hoàng Trung Thông một lần đến thăm hồ Ba Bể đã phải thốt lên: "Muốn ở đây thôi chẳng muốn về"... Nhà sử học Trần Huy Liệu đã cảm nhận:

Rằng đây lưu thủy cao sơn
Vách phô nhan sắc động vờn hình dung
Đưa người vào chốn mông lung
Đưa người vào chốn mơ mòng thần tiên.

[...] Theo tài liệu điều tra ban đầu thì chỉ riêng các loài cây thân gỗ đã xác định được 417 loài, bao gồm 300 chi, 114 họ. Trong đó có các loài đặc trưng, điển hình của vùng núi đá vôi khu Đông Bắc như nghiến, đinh, trai, lát. Ngoài ra còn hàng trăm loài phong lan, địa lan dược liệu... Khu hệ động vật của Ba Bể cũng rất đa dạng và phong phú, nó gồm cả ba nhóm động vật: trên cạn, dưới nước, và biết bay. Chính vì thế mà Hội nghị chương trình đa dạng sinh học Quốc gia đã xếp hạng Vườn Quốc gia Ba Bể là loại A về đa dạng sinh học...

Khu hệ động vật Ba Bể, theo số liệu điều tra còn chưa đầy đủ, đã có 319 loài động vật thuộc 27 bộ, 85 họ, có 42 loài được ghi trong sách đỏ Việt Nam.

[...] Độc đáo và đặc biệt hơn cả là Vườn Quốc gia Ba Bể có hồ Ba Bể,

một hồ nước tự nhiên lớn nhất Việt Nam giữa núi rừng Việt Bắc thơ mộng và đầy huyền thoại. Có người nói: "Hạ Long có núi trên biển, thì ở đây Ba Bể có biển nằm trên núi". Quả là hiện tượng đặc biệt đối với các hồ tự nhiên nước ngọt nằm trên địa hình cát–xtơ. Trên thế giới, các hồ cát–xtơ đều bị cạn nước hoặc chỉ có nước một mùa, nhưng ở đây Ba Bể bốn mùa đầy nước...

Hồ Ba Bể là trung tâm của Vườn Quốc gia Ba Bể, đã quy hoạch được 21 điểm và tuyến tham quan cho khách du lịch, bao gồm các điểm có cảnh quan tự nhiên, giá trị về văn hóa, xã hội... Tất cả đang tạo thành một quần thể quy hoạch đón khách trong tương lai...

(Theo Bùi Văn Định, trong Bán nguyệt san *Nhìn ra thế giới,* số 101).

Đề 40

Em đã được học khá nhiều bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Hãy giới thiệu những đặc điểm chủ yếu của thể thơ đó.

BÀI LÀM

Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật

Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật là một thể thơ rất phổ biến và quen thuộc trong thơ ca Việt Nam trung đại. Các nhà thơ Việt Nam rất ưa thích làm kiểu thơ cổ Trung Hoa này. Đây là một thể thơ có niêm luật chặt chẽ, thể hiện ở những đặc điểm chủ yếu sau đây:

– *Cấu tạo:* Bài thơ gồm 8 câu, mỗi câu 7 tiếng nên được gọi là thất ngôn bát cú.

– *Bố cục:* Gồm 4 phần:

Đề : 2 câu 1 – 2

Thực : 2 câu 3 – 4

Luận : 2 câu 5 – 6

Kết : 2 câu 7– 8

– *Nhịp:* 4/3 hoặc 2/2/3.

– *Vần:* Gieo vần chân (các tiếng cuối câu vần với nhau và đều là vần bằng, liền: câu 1 – 2, cách: câu 2 – 4 – 6 – 8 (8 câu 5 vần)).

– *Luật bằng trắc:*

Tiếng thứ 2 câu 1 là thanh bằng thì gọi là bài thơ *thể bằng*, là thanh trắc thì gọi là bài thơ *thể trắc*.

Trong tất cả các câu các tiếng thứ 1, 3, 5: bằng trắc tuỳ ý (nhất, tam, ngũ bất luận).

Các tiếng 2, 4, 6: bằng trắc phải có trình tự chặt chẽ (nhị, tứ, lục phân minh).

– *Đối:* Các tiếng trong các câu 3 – 4 (thực), 5 – 6 (luận) phải đối nhau theo từng cặp, giống nhau về từ loại (danh từ đối với danh từ, động từ với động từ...), ngược nhau về thanh điệu (bằng – trắc hoặc trắc – bằng).

Thơ thất ngôn bát cú Đường luật được làm bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm. Các bài thơ Nôm tuy vẫn giữ đúng niêm luật nhưng đã được Việt hoá nên dễ cảm nhận như *Qua đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan, *Bạn đến chơi nhà* của Nguyễn Khuyến, *Cảm tác vào nhà ngục Quảng Đông* của Phan Bội Châu, *Đập đá Côn Lôn* của Phan Châu Trinh, *Muốn làm thằng Cuội* của Tản Đà,...

Đề 41

Hãy thuyết minh đặc điểm chính của truyện ngắn trên cơ sở các truyện ngắn đã học: Tôi đi học, Lão Hạc, Chiếc lá cuối cùng.

BÀI LÀM

Truyện ngắn là một thể loại văn học thuộc hình thức tự sự loại nhỏ. Truyện ngắn khác với truyện vừa ở dung lượng nhỏ, tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống: một biến cố, một hành động, một trạng thái nào đó trong cuộc đời nhân vật, thể hiện một khía cạnh của tính cách hay một mặt nào đó của đời sống xã hội.

Truyện ngắn *Tôi đi học* của Thanh Tịnh ghi lại *một biến cố* quan trọng trong cuộc đời đứa trẻ khi nó từ thế giới của gia đình bước vào thế giới của nhà trường. Trong *Chiếc lá cuối cùng* của O'Hen–ri, đó là việc Giôn–xi bị ốm nặng nằm chờ chết; việc cụ Bơ–men lặng lẽ vẽ "chiếc lá cuối cùng" trong một đêm mưa tuyết dữ dội để cứu sống cô gái, và cụ đã ra đi sau khi hoàn thành kiệt tác ấy. Còn trong *Lão Hạc,* Nam Cao đã ghi lại mảnh đời cuối cùng của người nông dân già nghèo khổ, đơn độc, nhưng

trước khi tìm về cái chết đã lo lắng thật chu đáo mọi việc cho đứa con lúc trở về. Do đó truyện ngắn thường ít nhân vật và sự kiện như ta đã thấy trong ba tác phẩm nói trên.

Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế. Nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến, một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc, những "lát cắt" của cuộc sống để thể hiện. *Tôi đi học* chỉ thu lại trong buổi tựu trường đầu tiên trên con đường từ nhà đến trường, trên sân trường, trong lớp học; *Lão Hạc* chỉ là khoảnh khắc cuối đời của nhân vật từ nhà của lão sang nhà ông giáo; *Chiếc lá cuối cùng* được kể lại trong những ngày Giôn–xi ốm ở căn phòng nhỏ có chiếc cửa sổ trông ra cây thường xuân.

Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm bật ra chủ đề, như sự tương phản giữa cuộc sống nghèo khổ và cái chết đau đớn với tình yêu thương, lo lắng cho đứa con của *Lão Hạc*; giữa sự trở về với cuộc sống của Giôn–xi và sự ra đi của cụ Bơ–men, giữa chiếc lá thường xuân đã rụng và *chiếc lá cuối cùng* vẫn còn mãi mãi trên tường.

Những đặc điểm trên đây đã khiến cho dung lượng truyện ngắn thường ngắn. Nhưng không phải vì thế mà truyện ngắn không đề cập tới những vấn đề lớn của cuộc đời như *Lão Hạc* hay *Chiếc lá cuối cùng*. Và nếu đọc các tác phẩm của những bậc thầy trong thể loại này, ta càng thấy rõ điều đó.

C. CÁC ĐỀ BÀI GIỚI THIỆU THÊM ĐỂ THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP

1. Giới thiệu một di tích thắng cảnh nổi tiếng của quê hương em.
2. Giới thiệu một phong tục tập quán đặc biệt của quê em (lễ tết, hội hè, làm ăn, kết bạn, cưới xin,...).
3. Giới thiệu một gương mặt thể thao trẻ tuổi của nước nhà (Nguyễn Thuý Hiền, Đàm Thanh Xuân,...).
4. Trong 10 gương mặt tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam năm 2003, có gương mặt của học sinh và nhà văn. Em hãy viết bài giới thiệu một trong hai gương mặt đó (Lê Khánh Ánh Hoàng ở thành phố Hồ Chí Minh và Nguyễn Thị Ngọc Tư ở Cà Mau).
5. Viết bài giới thiệu về chiếc áo dài Việt Nam.
6. Viết bài giới thiệu về một trò chơi dân gian (thả diều, kéo co, ném còn, đánh đu, thổi cơm thi...)

7. Giới thiệu một món ăn của quê hương mà em thích.

8. Giới thiệu Tết Trung thu của Việt Nam.

9. Viết bài thuyết minh về trường em.

10. Thuyết minh đặc điểm một đồ dùng của gia đình em (ti vi, tủ lạnh, phích nước, quạt điện...)

11. Thuyết minh một loài động vật nuôi (trâu, bò, chó, mèo, gà, vịt, cá, tôm...)

12. Giới thiệu chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

13. Thuyết minh đặc điểm thể thơ lục bát.

14. Thuyết minh đặc điểm thể thơ năm tiếng.

15. Nhiều bạn nước ngoài chưa biết rõ về đôi dép cao su của Bác Hồ. Em hãy viết bài giới thiệu đôi dép đã trở thành huyền thoại trong cuộc đời của Bác cho các bạn biết.

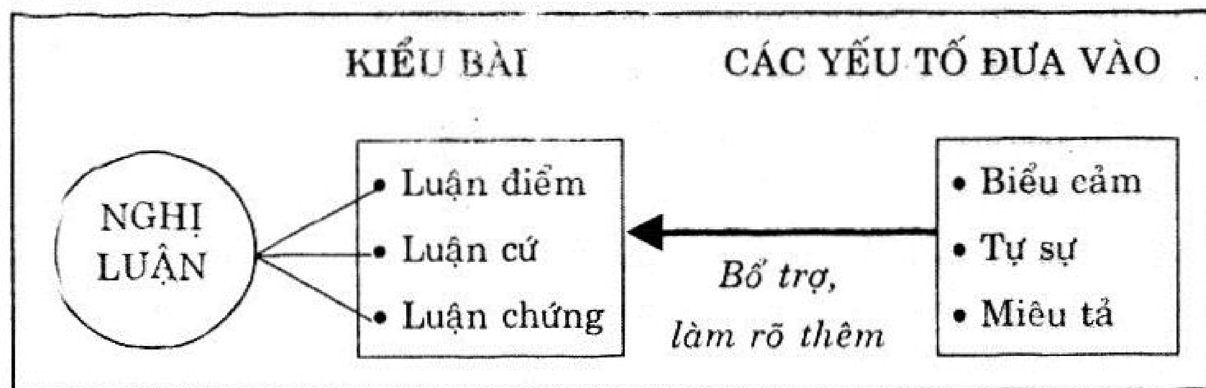
Phần 3

KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN

A. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Ở lớp 7, các em đã được học kiểu bài nghị luận khá kĩ và được luyện tập trên nhiều dạng bài nói và viết ở hai loại bài *chứng minh* và *giải thích*. Mức độ học ở lớp 7 nhằm đạt được *yêu cầu tự thân của kiểu bài nghị luận* tức là xác định được luận điểm, xây dựng được lập luận (bao gồm luận điểm, luận cứ và luận chứng), triển khai thành dàn ý để viết nên bài văn hoàn chỉnh.

Đến lớp 8, các em lại học kiểu bài nghị luận nhưng với *yêu cầu nâng cao hơn* so với lớp 7. Đó là việc *đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả vào văn nghị luận* làm cho bài văn thêm cụ thể, dễ hiểu, lại sinh động và hấp dẫn. Luận điểm, lập luận vẫn được giữ vững và triển khai một cách lôgic, chặt chẽ, nhưng bài viết không khô khan, trừu tượng vì có thêm các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả tham gia vào để bổ trợ cho các ý tưởng của bài nghị luận. Đây là *sự kết hợp*, nhưng không phải là *của các kiểu bài* mà là *của bài nghị luận với các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả*. Về mặt kiểu bài, nó vẫn là bài nghị luận nhưng có kết hợp với các yếu tố kia, đem đến một chất lượng cao hơn và một sắc thái riêng cho bài nghị luận. Vì vậy, trong sự kết hợp này, không được biến bài nghị luận thành một kiểu bài hỗn hợp *nghị luận – biểu cảm – tự sự – miêu tả* mà phải biết cách đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả vào bài viết sao cho các luận điểm và lập luận của bài nghị luận được sáng rõ và nổi bật hơn. Đây là cả một nghệ thuật viết văn mà các em phải rèn luyện, tập dượt dần trong suốt quá trình học kiểu bài nghị luận ở lớp 8 với một yêu cầu mới cao hơn. Có thể tóm tắt tinh thần của kiểu bài này trong sơ đồ dưới đây:



Các bài làm văn nghị luận trong *phần B* dưới đây có thể giúp các em nhận ra yêu cầu mới cao hơn của kiểu bài nghị luận ở lớp 8, đồng thời cũng giúp các em cách thức đưa các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận sao cho phù hợp, nhuần nhị để đạt hiệu quả nghệ thuật cao (dĩ nhiên, phải biết vận dụng một cách sáng tạo vào bài làm của mình).

B. CÁC BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU

- Dưới đây là **15 bài văn nghị luận** (hoặc đoạn văn nghị luận) mà người viết đã **đưa vào các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả** làm cho bài văn nghị luận rõ ràng, cụ thể, sinh động, có sức thuyết phục lớn hơn.
- Cần chú ý: ranh giới giữa các yếu tố đưa vào bài nghị luận thường không thật rõ ràng, tách bạch mà có khi lại hòa lẫn vào nhau, ví như trong yếu tố miêu tả và tự sự lại hàm chứa yếu tố biểu cảm (tức là người viết muốn biểu cảm thì phải dùng tự sự và miêu tả). Điều quan trọng là cần nhận ra ở bài (hoặc đoạn văn) nghị luận ấy, yếu tố nào được đưa vào là chủ yếu và cách thức đưa vào của tác giả phù hợp, tự nhiên và khéo léo như thế nào để đạt được hiệu quả nghệ thuật cao.

Đề 42

Tội ác của thực dân Pháp đối với đất nước và nhân dân ta trong Tuyên ngôn Độc lập (2-9-1945)

Đoạn văn tham khảo

(...) Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

(Trích *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh)

Đề 38

Lời hịch cứu nước trong thời đại Hồ Chí Minh

BÀI THAM KHẢO

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hi sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hi sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

Hồ Chí Minh

(*Thơ văn Hồ Chí Minh – Tác phẩm chọn lọc dùng trong nhà trường*)

Đề 44

Ý nghĩa ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam mới (9-1945) trong thư Bác Hồ gửi cho học sinh.

Đoạn văn tham khảo

Thư gửi các học sinh

Các em học sinh

Ngày hôm nay là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi đã tưởng tượng thấy trước mắt cái cảnh nhộn nhịp tưng bừng của ngày tựu trường ở khắp các nơi. Các em hết thảy đều vui vẻ vì sau mấy tháng giời nghỉ học, sau bao nhiêu cuộc chuyển biến khác thường, các em lại được gặp thầy gặp bạn. Nhưng sung sướng hơn nữa, từ giờ phút này giở đi các em bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam. Trước đây cha anh các em, và mới năm ngoái cả các em nữa, đã phải chịu nhận một nền học vấn nô lệ, nghĩa là nó chỉ đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho một bọn thực dân người Pháp. Ngày nay các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam. Một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em.

Các em được hưởng sự may mắn đó là nhờ sự hi sinh của biết bao nhiêu đồng bào các em. Vậy các em nghĩ sao? Các em phải làm thế nào để đền bù lại công lao của người khác đã không tiếc thân và tiếc của để chiếm lại nền độc lập cho nước nhà.

Các em hãy nghe lời tôi, lời của một người anh lớn lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các em được giỏi giang. Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn. Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.

Đối riêng với các em lớn, tôi khuyên thêm một điều này: chúng ta đã đánh đuổi bọn thực dân, chúng ta đã giành được độc lập. Nhưng giặc Pháp còn lăm le quay lại. Chúng ỷ vào kẻ khác mạnh hơn mà gây sự với ta. Tất nhiên chúng sẽ bị bại, vì tất cả quốc dân ta đoàn kết chặt chẽ và một lòng chiến đấu cho giang sơn Tổ quốc. Phải sẵn sàng mà chống quân giặc cướp nước, đấy là bổn phận của mỗi công dân. Các em lớn chưa hẳn đến tuổi phải gánh công việc nặng nhọc ấy, nhưng các em cũng nên, ngoài giờ học ở trường, tham gia vào các Hội cứu quốc để tập luyện thêm cho quen với đời sống chiến sĩ và để giúp đỡ một vài việc nhẹ nhàng trong cuộc phòng thủ đất nước.

Tôi đã thành thực khuyên nhủ các em. Mong rằng những lời của tôi được các em luôn luôn ghi nhớ.

Ngày hôm nay, nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quả tốt đẹp.

Chào các em thân yêu

HỒ CHÍ MINH

Đề 45

Đánh giá hai nhà thơ lớn của dân tộc.

Đoạn văn tham khảo

1. Thơ của Nguyễn Trãi là tâm hồn của Nguyễn Trãi, trong sáng và đầy sức sống. (...) Thơ của Nguyễn Trãi có bài buồn, có câu buồn, vì lẽ gì chúng ta đều biết, nhưng cả tập thơ của Nguyễn Trãi là của một người yêu đời, yêu người, tâm hồn Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông đất nước tươi vui.

Nguyễn Mộng Tuân, một người bạn của Nguyễn Trãi, đã từng ca ngợi Nguyễn Trãi như sau: "Gió thanh hây hẩy gác vàng, người như một ông tiên ở trong tòa ngọc. Cái tài làm hay, làm đẹp cho nước, từ xưa chưa từng có bao giờ...". Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, suốt đời tận tụy cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự

nghiệp của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc (...). Ca ngợi người anh hùng của dân tộc, chúng ta đã rửa mối "hận nghìn năm" của Nguyễn Trãi!

(Phạm Văn Đồng,

Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, trong

Nguyễn Trãi, thơ và đời, NXB Văn học, Hà Nội, 1997)

2. Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này.

Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Có người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Lục Vân Tiên*, và hiểu *Lục Vân Tiên* khá thiên lệch về nội dung và về văn, còn rất ít biết thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống bọn xâm lược Pháp lúc chúng đến bờ cõi nước ta cách đây một trăm năm!

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước mà tác phẩm là những trang bất hủ ca ngợi cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay buổi đầu lúc chúng đặt chân lên đất nước chúng ta.

(Phạm Văn Đồng – *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc, Tạp chí Văn học* tháng 7–1963)

Đề 46

Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam.

Đoạn văn tham khảo

Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam *

Thưa các đồng chí và các bạn,

Súng đang rền nổ ngoài mặt trận. Ngọn lúa xanh đã nhuốm cánh đồng. Tiếng sắt rít, tiếng động cơ các xưởng máy đang hòa nhịp với tiếng lọc cọc của các xe thồ và tiếng đòn gánh kẽo kẹt trên vai các đoàn tiếp tế, vận tải. Mấy cái đầu khoa học đang chụm lại trong các phòng thí nghiệm của quân giới hoặc bên bàn mổ ở các bệnh viện. Giọng đánh vần vang lên trong các xóm làng hẻo lánh. Đài phát thanh ngày ngày tung tin tức Việt Nam kháng chiến ra thế giới, sau các điệu nhạc "Diệt phát xít", "Tiến quân ca".

Cả một bộ máy kháng chiến của dân tộc Việt Nam ầm ầm chuyển động. Cả một dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, đang ra sức phấn đấu trên khắp các mặt trận: quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa.

Cuộc chiến tranh tổng lực của ta theo đà *thi đua ái quốc* mà tiến mạnh trong giai đoạn thứ hai.

Chúng ta họp lại nơi đây không ngoài mục đích định rõ phương châm hoạt động văn hóa, đoàn kết các nhà văn hóa nước ta thành một mặt trận, động viên các lực lượng văn hóa nước ta để dốc vào cuộc chiến đấu của dân tộc nhằm đuổi giặc, cứu nước và xây dựng một nền văn hóa Việt Nam mới.

Nhân dịp này, chúng tôi xin trình bày với các đồng chí và các bạn một quan điểm và một lập trường văn hóa mới, một phương châm kháng chiến và kiến quốc trên lĩnh vực văn hóa. Chúng tôi nói về *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*.

(Trường Chinh – *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*,
NXB Sự thật, 1974)

(*) Tại Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai, tháng 7 năm 1948, thay mặt Đảng ta, đồng chí Trường Chinh đã đọc bản báo cáo nổi tiếng *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*. Đây là đoạn mở đầu của văn kiện đó.

Đề 47

Giải thích câu nói của M. Go-rơ-ki: "Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống".

BÀI LÀM

Lê-nin nói: "*Không có sách không có tri thức, không có tri thức không có chủ nghĩa cộng sản*". Bác Hồ cũng chỉ rõ về việc học tập: "Học ở đâu? Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân...". Như vậy, sách quan trọng đến thế nào đối với cuộc sống con người. Có phải vì thế mà M. Go-rơ-ki đã khuyên chúng ta: "Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống".

Lời khuyên ấy thật thiết tha, chân thành bởi đó là một lời khuyên đúng đắn của một con người hiểu sâu sắc giá trị của sách. Nhân dân ta thường nói: "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Hẳn là M. Go-rơ-ki đã đọc nhiều sách và suy ngẫm nhiều trên những cuốn sách thì mới đúc kết thành một chân lí: *sách là nguồn kiến thức*. Đúng như vậy. Sách đã tổng kết trong đó biết bao kiến thức của con người từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội và nhân văn, từ lịch sử, địa lí, khoa học, cho đến văn học nghệ thuật... Sách tái hiện cuộc sống đa dạng và phong phú của loài người trên mọi miền của trái đất qua những thăng trầm, biến động của lịch sử, nói lên ước mơ khát vọng của nhân loại qua các thời đại. "Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về việc cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp." (M. Go-rơ-ki). Một em bé bán diêm đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa cùng với những mộng tưởng đẹp đẽ diệu kì khi em bay lên cùng người bà thân yêu đến cái thế giới hạnh phúc nhất của tuổi thơ trong trắng. Một cụ già Bơ-men đã đổi mạng sống của mình để cứu sống một cô gái và để lại cho đời một kiệt tác của lòng nhân ái: *chiếc lá cuối cùng*! *Một lão Hạc thà ăn bả chó để chết* vật vã, đau đớn chứ không bán đi một sào đất của đứa con trai... Một giây phút sung sướng cực điểm khi được ngồi *trong lòng mẹ* sau bao tháng ngày chờ đợi; một cảm xúc mới lạ dâng lên trong ngày tựu trường đầu tiên của đời học trò; và cả cái tư thế hiên ngang đường hoàng trong tù ngục của các nhà chí sĩ yêu nước,... Tất cả, có phải đó chính là cuộc sống, là *nguồn kiến thức* mà sách đã mang đến cho ta, làm cho ta càng thêm gắn bó với thế giới, làm cho "người gần

người hơn" như Nam Cao từng nói. Và M. Go–rơ–ki cũng nói như vậy: "Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách: sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gũi biết bao."

Sách cung cấp cho ta kiến thức và *chỉ có kiến thức mới là con đường sống*. Thử hỏi nếu không có kiến thức thì con người sẽ sống ra sao đây? Nếu không có kiến thức thì làm sao con người có thể tồn tại và phát triển như ngày nay? Tất cả đều nhờ những tìm kiếm, sáng chế, phát minh... của con người qua hàng nghìn năm lịch sử, và những điều đó đều được ghi lại trong sách. Nếu không có sách thì kiến thức của con người sẽ mai một đi, không còn nữa. Sách quý giá biết bao khi nó đã tích lũy trong đó nguồn kiến thức của nhân loại. Nguồn kiến thức đó sẽ giúp cho ta sống tốt hơn, chỉ cho ta cách sống đẹp hơn, văn minh hơn, nhân ái hơn: đó mới là con đường sống của ta nhờ sách mà có được. Sách trở thành cuốn bách khoa toàn thư về cuộc sống, cung cấp cho ta những kiến thức khoa học và bổ ích để nâng cao chất lượng cuộc sống, hoàn thiện nhân cách con người, tạo ra văn minh và công bằng xã hội. Đó chính là *con đường sống* mà sách đã mang lại cho ta, như M. Go–rơ–ki đã nói rất sâu sắc và thấm thía: "Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát cuộc sống ấy."

Sách quý giá biết bao và cần thiết cho con người biết mấy! Hãy yêu sách như lời khuyên tha thiết, chân thành của nhà đại văn hào Nga đã một đời gắn bó với sách. Và phải biết yêu quý sách như nhà bác học Việt Nam Lê Quý Đôn từng tâm niệm:

Dẫu có bạc vàng trăm vạn lạng

Chẳng bằng kinh sử một vài pho.

Đề 48

Chứng minh rằng những chuyến tham quan, du lịch do nhà trường tổ chức là vô cùng bổ ích đối với mỗi học sinh.

BÀI LÀM

Ông cha ta thường nói "trăm nghe không bằng một thấy", "đi một ngày đàng học một sàng khôn". Quả đúng như vậy, những chuyến tham quan, du lịch do nhà trường tổ chức là vô cùng bổ ích đối với chúng ta bởi nó đã mở rộng kiến thức, nâng cao tâm hồn và tăng cường sức khỏe cho mỗi người.

Tham quan, du lịch là đi đến những di tích lịch sử, những danh lam thắng cảnh của đất nước – những nơi ta chỉ mới biết trên sách báo hoặc xem trên truyền hình mà chưa đi đến, mắt chưa nhìn thấy. Vì vậy, những chuyến tham quan sẽ giúp ta biết nhiều cái mới hơn, từ đó càng thêm yêu quý và tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên, của quê hương đất nước. Học bài *Động Phong Nha* ở lớp 6, bài *Ca Huế trên sông Hương* ở lớp 7, ta chưa hình dung được thật cụ thể vẻ đẹp của "kì quan đệ nhất động" của Việt Nam, chưa cảm được hết những giai điệu ngọt ngào của xứ Huế, nhưng nếu được đi thuyền vào động Phong Nha giữa nơi non nước hữu tình với vẻ đẹp lộng lẫy, kì ảo của tiên cảnh, được nghe ca Huế ngay trên những con thuyền bồng bềnh trên dòng sông Hương gợn sóng trăng vàng thơ mộng, thì ta mới hiểu vì sao UNESCO lại công nhận Phong Nha là di sản thiên nhiên thế giới và nhã nhạc cung đình Huế là di sản văn hóa thế giới của Việt Nam. Ta lại biết thêm hiện tượng *thạch nhũ* trong hang động do nước xâm thực đá vôi tạo thành, biết được bao nhiêu *động vật và thực vật hiếm* trong rừng nguyên sinh; biết được nhiều *làn điệu ca Huế*, dàn nhạc với nhiều nhạc cụ dân tộc và cả cách thức trình tấu của các ca công, nhạc công trên sông Hương... Đúng là những chuyến tham quan, du lịch đã mở rộng thêm tầm mắt cho ta, đem đến cho ta nhiều kiến thức mới bổ ích và củng cố sâu sắc thêm những bài học ở nhà trường. Những chuyến tham quan đã đưa lại cho ta *nhiều bài học sống* chưa có trong sách vở. Và những bài học tươi nguyên của cuộc sống đó sẽ in dấu ấn sâu đậm và bền vững trong ta đến không thể nào quên. Nếu "đi một ngày đàng học một sàng khôn" thì những chuyến tham quan, du lịch do nhà trường tổ chức sẽ tích lũy trong ta biết bao kiến thức bổ ích!

Nhưng thắng cảnh đâu chỉ là thắng cảnh và núi sông đâu chỉ là sông núi? Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã có một suy nghĩ sâu sắc khi nhìn những danh lam thắng cảnh của đất nước: "Ôi Đất nước đi đâu ta cũng thấy, Những cuộc đời đã hóa núi sông ta." Đằng sau những danh lam thắng cảnh còn có hồn người và lịch sử dân tộc. Cho nên, những chuyến tham quan, du lịch còn nâng cao tâm hồn ta để ta hòa vào đất nước mà hiểu sâu thêm dân tộc mình. Đến với sông Bạch Đằng, con sông đã làm nên bao chiến công hiển hách chống ngoại xâm của ông cha, ta bỗng nhớ đến câu thơ của Chế Lan Viên: "Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng"; thăm địa đạo Củ Chi anh hùng một thời chiến thắng giặc Mĩ, làm sao ta quên được câu thơ của Dương Hương Ly: "Nơi hầm tối lại là nơi sáng nhất, Nơi con nhìn ra sức mạnh Việt Nam"... Cứ thế, mỗi chuyến tham quan lại làm ta yêu thêm vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, hiểu thêm những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc, càng tự hào về tổ quốc Việt Nam giàu đẹp và con người Việt Nam anh hùng – tình nghĩa. Đây là kết quả rất quan trọng về mặt tâm hồn, tình cảm mà ta có được trong những chuyến đi bổ ích và lí thú đó.

Cuối cùng, không thể không nói đến sự tăng cường sức khoẻ cho mỗi người trong những chuyến tham quan, du lịch. Từ cuộc sống bận rộn, vội vã, sôi động hàng ngày, đây là những giờ phút thanh thản để con người có thể thư giãn trước thiên nhiên trong lành, giữa bầu trời cao rộng, trên sườn núi cheo leo, bên con suối róc rách, trong một rừng già nguyên sinh hay trên một bãi biển cát trắng có sóng vỗ rì rào... Những lúc đó, ta sẽ thả hồn vào thiên nhiên, sống cùng thiên nhiên, coi thiên nhiên như bầu bạn của mình như Nguyễn Trãi hòa vào cảnh trí kì thú của Côn Sơn ngày trước mà nghe tiếng suối như tiếng đàn cầm. Sức khỏe của mỗi người sẽ được tăng cường trong những môi trường tham quan, du lịch như thế.

Và như vậy, những chuyến tham quan, du lịch không chỉ đem đến cho ta nhiều điều bổ ích mà còn đem đến cho ta biết bao niềm vui của tuổi học trò không thể nào quên. Hãy nhớ mãi những chuyến tham quan, du lịch như những dấu son nối tiếp nhau trên con đường khám phá tri thức, cũng là con đường bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi chúng ta đối với Tổ quốc yêu quý.

Đề 49

Thiên nhiên là người bạn tốt của con người. Con người cần yêu quý và bảo vệ thiên nhiên. Em hãy giải thích và chứng minh ý kiến trên.

BÀI LÀM

Trong cuộc sống của mình, con người đã không ngừng đấu tranh với thiên nhiên, chinh phục thiên nhiên. Nhưng mặt khác, con người phải luôn luôn nhớ rằng: Thiên nhiên là người bạn tốt của con người. Con người cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên.

Cuộc sống luôn luôn là một sự chứng minh hùng hồn cho chân lí đó.

Trước hết, chúng ta cần hiểu thiên nhiên là gì? Nói một cách khái quát, thiên nhiên là tất cả những gì ở bên ngoài con người, xung quanh con người, không do bàn tay của con người làm nên. Nói một cách cụ thể, thiên nhiên là bầu trời, là rừng, là biển, là sông, là suối, là cây cỏ, chim muông... Tất cả những thứ đó luôn luôn ở bên cạnh con người, bảo vệ con người, giúp ích cho con người.

Từ xưa đến nay, thiên nhiên là nguồn sống vô tận của con người. Cơm gạo, thịt cá, nhà để ở, áo để mặc, nước để uống, khí trời để thở... đều do thiên nhiên cung cấp; con người càng tự mình tạo nên nhiều sản phẩm, càng cần có sự giúp đỡ của thiên nhiên, lại càng thấy lợi ích của thiên nhiên. Mặt trời ngày xưa chỉ sưởi ấm và chiếu sáng thì nay lại trở thành một nguồn năng lượng quan trọng trong sản xuất và đời sống. Một ngọn thác, một con suối, một dòng sông giờ đây không chỉ là một bức tranh phong cảnh, một con đường giao lưu, một nguồn nước, một nguồn thuỷ sản mà còn là những nguồn cung cấp điện năng khổng lồ. Một rừng cây không chỉ là nguồn lâm sản dồi dào với những cây gỗ quý, những cây thuốc chữa bệnh, mà còn là nguồn điều hoà lũ lụt, là lá phổi khổng lồ cho con người được hít thở không khí trong lành.

Không chỉ giúp ích cho con người trong đời sống vật chất, thiên nhiên còn có một lợi ích to lớn trong đời sống tinh thần của con người. Sau những giờ, những ngày, những tháng lao động vất vả và căng thẳng bên cỗ máy, bên bàn giấy, trong phòng nghiên cứu, giữa những bức tường hoặc giữa những đường phố đông người và đầy khói bụi, thì một bầu trời bao la có không khí trong sạch trên một sườn núi mát mẻ, bên một cánh rừng thông, một hồ nước, hoặc trước biển mênh mông chói nắng có

tiếng sóng gầm gào, sẽ giúp cho con người tái tạo lại sức khoẻ, niềm vui sống và nhiệt tình lao động. Đôi khi, chỉ riêng màu xanh của lá cây hay một tiếng suối róc rách bên rừng cũng đã khiến cho tâm hồn con người lấy được sự thư thái và yên tĩnh. Nhìn một đoá hoa nở, ngắm một cánh chim bay, con người cũng có thể nhận được một niềm vui lớn, vượt qua một nỗi buồn hay một khó khăn thất bại. Thiên nhiên làm cho tâm hồn con người trở nên cao rộng như trời, xanh tươi như rừng, mênh mông như biển, phong phú hài hoà cùng vạn vật.

Thiên nhiên là nguồn sáng tạo của thơ ca nghệ thuật, nguồn nghiên cứu, phát minh của khoa học kỹ thuật. Chính vẻ đẹp của thiên nhiên, của núi sông hùng vĩ, của hoa lá chim muông đem đến cho con người khát vọng nghĩ suy về cái đẹp và sáng tạo nên cái đẹp cho mình. Cái đẹp của một cảnh mặt trời mọc, một áng mây chiều, một đêm trăng sáng... làm xao xuyến bao nghệ sĩ để tạo nên thơ ca, nhạc, hoạ. Nhà khoa học từ thiên nhiên mà rút ra những quy luật của sự sống để từ đó mà sáng tạo nên những công trình phục vụ cho cuộc sống con người. Sự kì diệu trong cấu tạo của một ngọn lá, chiếc rễ cây, trong dáng một cánh chim bay, một con cá lặn, trong hướng bay của một đàn chim di trú... cũng gợi lên bao suy nghĩ, tìm tòi của nhiều thế hệ nhà khoa học.

Thiên nhiên có ích là thế, tốt lành với con người là thế. Cho nên từ xưa con người đã yêu mến và bảo vệ thiên nhiên như người bạn quý.

Văn chương nghệ thuật đã coi thiên nhiên là người bạn không thể thiếu được của con người. Không thể đếm hết những bài thơ, bức hoạ ca ngợi vẻ đẹp muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên. Nhà họa sĩ phong cảnh nổi tiếng Lê-vi-tan được hàng triệu người hâm mộ vì bức tranh "Mùa thu vàng" tuyệt diệu và những bức tranh về thiên nhiên nước Nga dịu dàng, trong sáng, tĩnh lặng.

Nguyễn Du làm say mê bao thế hệ về những cảnh sắc thiên nhiên trong thơ:

"Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng"

Thiên nhiên trong thơ Bác Hồ thực sự là con người, là người bạn tri âm tri kỉ, từ ánh trăng qua cửa sổ nhà tù hay trên núi rừng Việt Bắc, đến bóng cây cổ thụ, nhành hoa, tiếng suối giữa rừng đêm:

"Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa"

Ngày nay, nền công nghiệp càng phát triển, con người càng sống nhiều trong các đô thị thì càng thấy thiên nhiên cần thiết và gần gũi. Một chậu hoa ngoài hiên, mấy giò phong lan trước thềm, đôi khi chỉ có một nhánh trầu leo tường, cũng giúp cho người thành phố đỡ được nỗi thiếu vắng thiên nhiên. Đối với mỗi người dân thành thị, được đến thảo cầm viên trong ngày nghỉ việc, được đứng dưới những tán cây cổ thụ, ngắm một chú voi, chú khỉ, chú gấu, nghe tiếng hót của chim hoạ mi, thưởng thức sắc lông của chim sơn tước... là cả một niềm vui. Các thành phố càng mở rộng quy mô thì không gian dành cho những công viên càng phải lớn. Không có các thứ đó, con người thành phố không những sẽ trở nên khô cằn về tình cảm mà còn có nguy cơ thiếu cả không khí để thở nữa. Ở các nước công nghiệp phát triển, nhu cầu du lịch để được trở về với thiên nhiên rộng lớn và trong lành ngày càng là một nhu cầu bức bách.

Tuy nhiên, con người, do vô tình hay cố ý, đã có những hành động tàn phá thiên nhiên rất nặng nề. Người ta đã làm biến mất những khu rừng bạt ngàn, làm tuyệt diệt nhiều giống chim và thú quý. Những nhà máy đã gây ô nhiễm không khí, gây ô nhiễm môi trường cho những cánh đồng, những dòng sông, những bờ biển. Chính con người đã gánh chịu những hậu quả hết sức tai hại của những hành động thô bạo đó. Nhân loại tỉnh táo đã từng lên tiếng nhắc nhở hành động bảo vệ thiên nhiên. Đã có những đạo luật nghiêm cấm việc săn bắt nhiều giống chim và thú quý. Nhiều quốc gia đã bảo vệ được những khu rừng nguyên sinh. Việc trồng rừng được khôi phục ở nhiều nơi cùng với việc khai thác rừng một cách hợp lí. Con người đã có rất nhiều cố gắng nhằm ngăn chặn sự ô nhiễm môi trường tự nhiên. Những công việc đã làm được tuy rất to lớn nhưng chưa đủ trước tốc độ thiên nhiên bị phá huỷ hiện nay. Thiên nhiên còn đòi hỏi được bảo vệ mạnh mẽ và có hiệu quả hơn nữa.

Thử tưởng tượng nếu có một buổi mai, tỉnh dậy, ta bỗng thấy thiên nhiên đã hoàn toàn biến khỏi cuộc sống, đâu đâu cũng chỉ có nhà cửa, chỉ có máy móc, ống khói... thì thật là khủng khiếp. Lúc ấy, trái đất sẽ là mặt trăng lạnh lẽo, dẫu vẫn được mặt trời chiếu sáng, nhưng không còn đâu bóng dáng của sự sống nữa.

Chúng ta hãy yêu mến và bảo vệ thiên nhiên bởi thiên nhiên là người bạn tốt của con người!

(Theo *40 bài làm văn và Tiếng Việt chọn lọc lớp 8*)

Đề 50

Nêu ý kiến của em về vẻ đẹp của bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen..."

BÀI THAM KHẢO

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Hầu như bạn và tôi không bao giờ để ý rằng bài ca dao đã đổi vần một cách đột ngột... Đổi vần có khác nào như dòng nước đang chảy xuôi, ta dựng lên một cái đập, hoặc buộc dòng nước đổi chiều; đổi vần để bắt ta phải chú ý chỗ dòng thơ cuộn lên, buộc ta phải chứng kiến, phải quan sát một sự kiện gì đây... Nhịp thơ dồn dập, khẩn trương:

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Tưởng có gì mới! Té ra tác giả lại nhắc lại câu thứ hai trong bài ca dao ấy: *Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng*, chỉ có điều là đã lật ngược lại thứ tự các hình ảnh: nhị vàng ở cuối câu trước thì nay lại để lên đầu câu sau.v.v...

Nhưng chính cái mới lại nằm trong chi tiết ấy: *Nhị vàng, bông trắng, lá xanh*... Chính nhờ sự đảo ngược hình ảnh ấy mà chúng ta như thấy hiện lên bàn tay của ai đó đang *lật từng lá sen xanh, chỉ từng bông sen trắng, đếm từng nhị sen vàng* như để phân bua cùng chúng ta: "Đấy, bạn thấy rõ đấy nhé... nào *nhị vàng*, nào *bông trắng*, nào *lá xanh* (tôi đã lật đi lật lại từng cái một cho bạn xem kĩ); và: *Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*.

Bây giờ thì bạn đã được thuyết phục hoàn toàn; cái chân lí "hoa sen trong sạch giữa bùn nhơ" (cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng) đã nhập tâm bạn, không cưỡng được.

(*Theo* Huy Cận, báo *Văn nghệ*,
số 327, năm 1970)

Đề 51

Bàn luận về ý nghĩa văn chương

BÀI THAM KHẢO

Ý nghĩa văn chương

Người ta kể chuyện đời xưa, một nhà thi sĩ Ấn Độ trông thấy một con chim bị thương rơi xuống bên chân mình. Thi sĩ thương hại quá, khóc nức nở, quả tim cùng hòa một nhịp với sự run rẩy của con chim sắp chết. Tiếng khóc ấy, nhịp đau thương ấy chính là nguồn gốc của thi ca.

Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường, song không phải không có ý nghĩa. Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài...

Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế, văn chương còn sáng tạo ra sự sống...

Vậy thì, hoặc hình dung sự sống, hoặc sáng tạo ra sự sống, nguồn gốc của văn chương đều là tình cảm, là lòng vị tha. Và vì thế, công dụng của văn chương cũng là giúp cho tình cảm và gợi lòng vị tha.

Một người hàng ngày chỉ cặm cụi lo lắng vì mình, thế mà khi xem truyện hay ngâm thơ có thể vui, buồn, mừng, giận cùng những người ở đâu đâu, vì những chuyện ở đâu đâu, há chẳng phải là chứng cớ cho cái mãnh lực lạ lùng của văn chương hay sao?

Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có; cuộc đời phù phiếm và chật hẹp của cá nhân vì văn chương mà trở nên thâm trầm và rộng rãi đến trăm nghìn lần.

Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ trông mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay. Lời ấy tưởng không có gì là quá đáng... Nếu pho lịch sử loài người xóa các thi nhân, văn nhân và đồng thời trong tâm linh loài người xóa hết những dấu vết họ còn lưu lại thì cái cảnh tượng nghèo nàn sẽ đến bực nào!...

(Theo Hoài Thanh, *Bình luận văn chương*.

NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998)

Đề 52

Suy nghĩ của em về vấn đề trang phục hiện nay.

BÀI THAM KHẢO

Trang Phục

Không kể trên đường tuần tra, nơi rừng rậm hay suối sâu,... phải cởi giày ra đi chân đất, thông thường trong doanh trại hay nơi công cộng, có lẽ không ai mặc quần áo chỉnh tề mà lại đi chân đất, hoặc đi giày có bít tất đầy đủ nhưng phanh hết cúc áo, lộ cả da thịt ra trước mặt mọi người.

Người ta nói: "Ăn cho mình, mặc cho người", có lẽ nhiều phần đúng. Cô gái một mình trong hang sâu chắc không váy xòe váy ngắn, không mắt xanh môi đỏ, không tô đỏ chót móng chân tay. Anh thanh niên đi tát nước hay câu cá ngoài cánh đồng vắng chắc không chải đầu mượt bằng sáp thơm, áo sơ-mi là phẳng tắp... Trang phục không có pháp luật nào can thiệp, nhưng có những quy tắc ngầm phải tuân thủ, đó là văn hóa xã hội. Đi đám cưới không thể lôi thôi lếch thếch, mặt nhọ nhem, chân tay lấm bùn. Đi dự đám tang không được mặc áo quần lòe loẹt, nói cười oang oang.

Người xưa đã dạy: "Y phục xứng kì đức". Ăn mặc ra sao cũng phải phù hợp với hoàn cảnh riêng của mình và hoàn cảnh chung nơi công cộng hay toàn xã hội. Dù mặc đẹp đến đâu, sang đến đâu mà không phù hợp thì cũng chỉ làm trò cười cho thiên hạ, làm mình tự xấu đi mà thôi. Xưa nay cái đẹp bao giờ cũng đi với cái giản dị, nhất là phù hợp với môi trường. Người có văn hóa, biết ứng xử chính là người biết tự hòa mình vào cộng đồng như thế, không kể hình thức còn phải đi với nội dung, tức là con người phải có trình độ, có hiểu biết. Một nhà văn đã nói: "Nếu có cô gái khen tôi chỉ vì bộ quần áo đẹp mà không khen tôi có bộ óc thông minh thì tôi chẳng có gì đáng hãnh diện". Chí lí thay!

Thế mới biết, trang phục hợp văn hóa, hợp đạo đức, hợp môi trường mới là trang phục đẹp.

(*Theo* Băng Sơn, *Giao tiếp đời thường*)

Đề 53

Lề mề là một hiện tượng thường gặp trong cuộc sống. Hãy bàn luận về hiện tượng đó.

BÀI THAM KHẢO

Bệnh Lề Mề

Trong đời sống hiện nay có một hiện tượng khá phổ biến, mọi người đều thấy, nhưng thường bỏ qua. Đó là bệnh lề mề mà coi thường giờ giấc là một biểu hiện. Cuộc họp ấn định vào lúc 8 giờ sáng mà 9 giờ mới có người đến. Giấy mời hội thảo ghi 14 giờ mà mãi đến 15 giờ mọi người mới có mặt. Hiện tượng này xuất hiện trong nhiều cơ quan, đoàn thể, trở thành một bệnh khó chữa.

Những người lề mề ấy, khi ra sân bay, lên tàu hỏa, đi nhà hát chắc là không dám đến muộn, bởi đến muộn là có hại ngay đến quyền lợi thiết thân của họ. Nhưng đi họp, hội thảo là việc chung, có đến muộn cũng không thiệt gì. Thế là hết chậm lần này đến chậm lần khác, và bệnh lề mề không sửa được.

Bệnh lề mề suy cho cùng là do một số người thiếu tự trọng và chưa biết tôn trọng người khác tạo ra. Họ chỉ quý thời gian của mình mà không tôn trọng thời gian của người khác. Họ không coi mình là người có trách nhiệm đối với công việc chung của mọi người.

Bệnh lề mề gây hại cho tập thể. Đi họp muộn, nhiều vấn đề không được bàn bạc thấu đáo, hoặc khi cần lại phải kéo dài thời gian. Bệnh lề mề gây hại cho những người biết tôn trọng giờ giấc. Ai đến đúng giờ lại cứ phải đợi người đến muộn. Bệnh lề mề còn tạo ra tập quán không tốt: Muốn người dự đến đúng giờ như mong muốn, giấy mời thường phải ghi giờ khai mạc sớm hơn 30 phút hay 1 giờ!

Cuộc sống văn minh hiện đại đòi hỏi mọi người phải tôn trọng lẫn nhau và hợp tác với nhau. Những cuộc họp không thật cần thiết không nên tổ chức. Nhưng những cuộc hội họp cần thiết thì mọi người cần tự giác tham dự đúng giờ. Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hóa.

(*Phương Thảo, Ngữ văn 9*, tập một)

Đề 54

Bàn luận về câu nói nổi tiếng của Bê–cơn: "Tri thức là sức mạnh".

BÀI THAM KHẢO

Tri Thức Là Sức Mạnh

Nhà khoa học người Anh Phơ–răng–xít Bê–cơn (thế kỉ XVI–XVII) đã nói một câu nổi tiếng: "Tri thức là sức mạnh". Sau này Lê–nin, một người thầy của cách mạng vô sản thế giới, lại nói cụ thể hơn: "Ai có tri thức thì người ấy có được sức mạnh". Đó là một tư tưởng rất sâu sắc. Tuy vậy, không phải ai cũng hiểu được tư tưởng ấy.

Tri thức đúng là sức mạnh. Người ta kể rằng, có một máy phát điện cỡ lớn của công ty Pho bị hỏng. Một hội đồng gồm nhiều kĩ sư họp 3 tháng liền tìm không ra nguyên nhân. Người ta phải mời đến chuyên gia Xten–mét–xơ. Ông xem xét và làm cho máy hoạt động trở lại. Công ty phải trả cho ông 10. 000 đôla. Nhiều người cho Xten–mét–xơ là tham, bắt bí để lấy tiền. Nhưng trong giấy biên nhận, Xten–mét–xơ ghi: "Tiền vạch một đường thẳng là 1 đôla. Tiền tìm ra chỗ để vạch đúng đường ấy giá: 9. 999 đôla". Rõ ràng người có tri thức thâm hậu có thể làm được những việc mà nhiều người khác không làm nổi. Thử hỏi, nếu không biết cách chữa thì cỗ máy kia có thể thoát khỏi số phận trở thành đống phế liệu được không!?

Tri thức cũng là sức mạnh của cách mạng. Bác Hồ của chúng ta sau chuyến đi Pháp năm 1946 trở về đã thu hút được nhiều nhà trí thức Việt Nam danh tiếng đi theo kháng chiến như kĩ sư Trần Đại Nghĩa, tiến sĩ Nguyễn Văn Huyên, các bác sĩ Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, nhà toán học Tạ Quang Bửu,... Các nhà trí thức ấy đã đem tri thức của mình mà xây dựng các ngành quân giới, giáo dục, y tế,... góp phần to lớn đưa cuộc kháng chiến đến thành công. Trong cuộc kháng chiến chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, các giáo sư Đàm Trung Đồn, Vũ Đình Cự đã huy động tri thức góp phần phá thủy lôi nổ chậm của địch, khai thông bến cảng. Và ngày nay, các nhà khoa học nông nghiệp như Bùi Huy Đáp, Vũ Tuyên Hoàng,... đã lai tạo giống lúa mới, góp phần tăng sản lượng nông nghiệp, làm cho nước ta không chỉ có đủ lương thực mà còn trở thành một trong những nước đứng hàng đầu về xuất khẩu gạo trên thế giới.

Tri thức có sức mạnh to lớn như thế nhưng đáng tiếc là còn không ít người chưa biết quý trọng tri thức. Họ coi mục đích của việc học chỉ là để có mảnh bằng mong sau này tìm việc kiếm ăn hoặc thăng quan tiến chức. Họ không biết rằng, muốn biến nước ta thành một quốc gia giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai cùng các nước trong khu vực và thế giới cần phải có biết bao nhiêu nhà trí thức tài năng trên mọi lĩnh vực!

HƯƠNG TÂM

(Theo *Ngữ văn 9*, tập một)

Đề 55

Đoạn văn nghị luận có kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.

BÀI THAM KHẢO

Chế Độ Lính Tình Nguyện

(Trích chương *Thuế máu* trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*)

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: Dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khóa, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915–1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khố đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu "*vật liệu biết nói*" châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ "*vật liệu biết nói*" đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mỉa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ nhũng lạm hết sức trắng trợn.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: Vị "chúa tỉnh" – mỗi viên công sứ ở Đông Dương quả là một vị "chúa tỉnh"

phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu Đ thì các ông tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

*

* *

Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hi sinh "cho Tổ quốc", đã trịnh trọng tuyên bố rằng:

"Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lị, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân "tấp nập" và "không ngần ngại"?

(Nguyễn Ái Quốc, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995)

Đề 56

Viết bài nghị luận về đức tính giản dị của Bác Hồ (có kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm).

BÀI THAM KHẢO

Đức Tính Giản Dị Của Bác Hồ

Điều rất quan trọng cần phải làm nổi bật là sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch.

Rất lạ lùng, rất kì diệu là trong 60 năm của một cuộc đời đầy sóng gió diễn ra ở rất nhiều nơi trên thế giới cũng như ở nước ta, Bác Hồ vẫn giữ nguyên phẩm chất cao quý của một người chiến sĩ cách mạng, tất cả vì nước, vì dân, vì sự nghiệp lớn, trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.

Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. Cái nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng, và trong lúc tâm hồn của Bác lộng gió thời đại, thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao! Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc rất lớn: việc cứu nước, cứu dân đến việc rất nhỏ, trồng cây trong vườn, viết một bức thư cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu miền Nam, đi thăm nhà tập thể của công nhân, từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn... Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay, và Bác đã đặt cho số đồng chí đó những cái tên mà gộp lại là ý chí chiến đấu và chiến thắng: Trường, Kì, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi!

Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân. Đời sống

vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay.

[...] Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ Chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho quần chúng nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được. Suy cho cùng, chân lí, những chân lí lớn của nhân dân ta cũng như của thời đại là giản dị: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi"... Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

(Phạm Văn Đồng, trong *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1974)

C. CÁC ĐỀ BÀI GIỚI THIỆU THÊM ĐỂ THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP

1. Dựa vào các bài *Chiếu dời đô* và *Hịch tướng sĩ*, hãy chứng minh rằng những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn luôn luôn quan tâm đến việc chăm lo hạnh phúc lâu bền của muôn người trong đất nước.

2. Nhiều người còn chưa hiểu rõ thế nào là "học đi đôi với hành" và vì sao cần phải "theo điều học mà làm" như lời La Sơn phu tử trong bài *Luận về phép học*. Hãy viết một bài văn nghị luận để giải đáp những thắc mắc nêu trên.

3. Hãy viết một đoạn văn nghị luận để trình bày luận điểm: "Chúng ta không nên học "vẹt" và học "tủ"", sao cho đoạn văn ấy vừa có lí lẽ chặt chẽ, lại vừa có sức truyền cảm.

4. Chứng minh rằng nhiều bài thơ em đã học như *Quê hương* của Tế Hanh, *Khi con tu hú* của Tố Hữu, *Cảnh khuya* của Hồ Chí Minh đã biểu hiện rõ tình cảm thiết tha của các nhà thơ đối với thiên nhiên, đất nước.

5. Một số bạn em đang đua đòi theo những lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, với truyền thống văn hóa của dân tộc và hoàn cảnh của gia đình. Em hãy viết một bài nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi lại cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.

6. Viết một bài văn nghị luận có đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào theo đề sau: "Chớ coi thường những cái xấu nhỏ, cái xấu ấy dù nhỏ đến mấy thì cũng phải cẩn thận đề phòng."

7. Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam mới, Bác Hồ thiết tha căn dặn các cháu:

"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

Em hiểu lời dạy trên đây của Bác như thế nào?

8. Chứng minh rằng văn học của dân tộc ta luôn ca ngợi những ai biết "thương người như thể thương thân" và nghiêm khắc phê phán những người thờ ơ, dửng dưng trước người gặp hoạn nạn.

9. Hãy viết một bài nghị luận để nêu rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội mà chúng ta cần phải kiên quyết và nhanh chóng bài trừ (như cờ bạc, tiêm chích ma tuý, tiếp xúc với văn hóa phẩm không lành mạnh,...).

10. Bảo vệ môi trường đang là vấn đề bức xúc của toàn cầu cũng như ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Em hãy viết một bài nghị luận bàn bạc về vấn đề đó. (Trong bài nghị luận có đưa vào các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả).

Phần 4

KIỂU BÀI TƯỜNG TRÌNH

A. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Tường trình thuộc *văn bản điều hành*. Ở loại văn bản này, lớp 6 các em đã học kiểu bài *viết đơn*, lớp 7 học kiểu bài *kiến nghị* và *báo cáo*, đến lớp 8 là kiểu bài *tường trình* và *thông báo*.

Để có thể làm được và làm tốt kiểu bài *tường trình*, các em cần chú ý hai điểm sau đây:

1. *Nắm được đặc trưng bản chất của tường trình để phân biệt với báo cáo đã học ở lớp 7* (hai kiểu bài này thường dễ lẫn lộn với nhau):

a) Cả hai kiểu bài đều có mục đích để cho cấp trên (hoặc một tổ chức nào đó) biết sự việc xảy ra (hoặc công việc đã làm).

b) Nhưng hai kiểu bài này lại có chỗ khác nhau:

- Nội dung báo cáo thường tổng kết lại các công việc đã làm (hoặc phong trào) để cấp trên *biết* (thường có tính chất định kì theo thời gian).
- Nội dung tường trình là kể rõ sự việc đã xảy ra để cấp trên *hiểu đúng bản chất sự việc ấy* (thường có tính chất đột xuất khi sự việc ấy xảy ra chứ không theo định kì nào cả).

Ví dụ: Về vấn đề chống thái độ sai trong làm bài kiểm tra:

- Lớp trưởng làm *báo cáo* về việc chống thái độ sai trong làm bài kiểm tra cuối học kì I của lớp mình cho ban Giám hiệu *biết*.
- Khi chấm bài, thầy giáo phát hiện có hai bài kiểm tra của em A và em B giống nhau liền đặt dấu hỏi. Trong trường hợp này, em A và em B không thể viết *báo cáo* mà phải viết *tường trình* để thầy giáo và hội đồng chấm *hiểu đúng bản chất sự việc*: em nào đúng, em nào sai, hoặc đây chỉ là một sự ngẫu nhiên mà hai bài làm giống nhau.

2. *Nắm được cách viết một văn bản tường trình:*

a) Tường trình cần được trình bày trang trọng và trung thực. Nội dung không nhất thiết phải trình bày đầy đủ tất cả nhưng không thể thiếu các mục sau: *Tường trình cho ai? Ai viết tường trình? Tường trình về việc gì? Vì sao phải tường trình? Việc đó xảy ra như thế nào?*

b) Trình tự viết một văn bản tường trình:

- Thể thức mở đầu tường trình: quốc hiệu, tiêu ngữ, tên văn bản (BẢN TƯỜNG TRÌNH), về việc..., lời mở đầu (Kính gửi...)
- Nội dung tường trình: thời gian, địa điểm, diễn biến sự việc.
- Thể thức kết thúc tường trình: thời gian, địa điểm làm tường trình, chữ kí và họ tên người tường trình.

c) Lời lẽ trong bản tường trình phải sáng sủa, gãy gọn, cụ thể và chính xác (tránh kể lể lôi thôi dài dòng).

B. CÁC BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU

Dưới đây giới thiệu hai bài làm văn thuộc kiểu bài tường trình: một bài tường trình ở nhà trường và một bài tường trình ở khu phố (hoặc xóm làng).

Đề 57

Hãy tường trình về việc bài làm kiểm tra cuối học kì I của em giống bài làm của bạn Nam.

BÀI LÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TƯỜNG TRÌNH

(Về việc bài làm kiểm tra của em giống bài làm của bạn Nam).

Kính gửi: – BAN GIÁM HIỆU TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

– CÔ GIÁO CHỦ NHIỆM LỚP 8A VÀ THẦY GIÁO DẠY TOÁN

Em là Nguyễn Việt Dũng, học sinh lớp 8A trường THCS Quang Trung xin tường trình một việc như sau:

Sau hôm làm bài kiểm tra cuối học kì I môn Toán, cô giáo chủ nhiệm cho em biết: thầy giáo dạy Toán khi chấm bài đã phát hiện bài làm của em giống bài làm của bạn Nam. Em xin được tường trình rõ sự việc: Hôm làm bài kiểm tra (ngày 25-12-2003), thầy giáo dạy Toán ở lớp khác đến làm giám thị và cho chúng em ngồi theo số báo danh. Em là Dũng (số báo danh 5), bạn Nam (số báo danh 20), chúng em ngồi cách xa nhau đến 5 bàn, không thể nhìn bài nhau được. Em làm bài nghiêm túc và nộp bài sớm trước 10 phút. Cuối giờ, thu bài xong, thầy giáo nhận xét: "Lớp 8A làm bài nghiêm túc, không có thái độ sai trong khi làm bài". Hôm ấy, thầy dạy Toán lớp em coi ở lớp khác nên có thể thầy nghĩ rằng em và Nam ngồi cạnh nhau hoặc chúng em đã ném bài cho nhau. Điều đó hoàn toàn không có như em đã trình bày ở trên.

Em làm bản tường trình này báo cáo rõ sự thực cho Ban Giám hiệu, cô giáo chủ nhiệm và thầy giáo dạy toán biết.

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2003

Người làm tường trình

Kí tên

Nguyễn Việt Dũng

Đề 58

Gia đình em bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản. Em hãy thay mặt gia đình viết bản tường trình về sự việc đó.

BÀI LÀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TƯỜNG TRÌNH

(V/v gia đình bị mất trộm)

Kính gửi: – CÔNG AN PHƯỜNG VĨNH TUY, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI
– TỔ DÂN PHỐ SỐ 54, PHƯỜNG VĨNH TUY

Tôi là Trần Quang Huy, ngụ tại số nhà 17, ngách 2, ngõ 3, tổ 54, phường Vĩnh Tuy xin tường trình một việc như sau:

Đêm hôm 19 tháng 12 năm 2003, cả gia đình tôi đã tắt điện và ngủ ở trên gác. Khoảng 2 giờ sáng ngày 20 tháng 12, tôi nghe có tiếng cậy cửa ở nhà dưới, vội bật điện chạy xuống thì thấy cửa đã bị phá tung, hai bóng người ôm đồ vật chạy ra ngõ. Tôi đuổi theo nhưng không kịp, chỉ nhìn thấy một đứa thấp béo mặc áo phông đen, một đứa cao gầy mặc áo len cổ lọ màu xanh thẫm. Cả hai đứa đều để "đầu đinh", không đội mũ. Chúng chạy tắt sang ngõ số 5 và mất hút. Tôi quay về kiểm tra lại đồ đạc trong nhà thì thấy mất chiếc ti vi màu của Nhật và chiếc nồi cơm điện của Thái.

Vậy tôi làm bản tường trình này bao cao Công an phường và Tổ dân phố biết để giúp tôi tìm lại những đồ vật đã bị kẻ gian đột nhập lấy trộm.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2003

Người làm tường trình

Kí tên

Trần Quang Huy

C. CÁC ĐỀ BÀI GIỚI THIỆU THÊM ĐỂ THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP

1. Trên đường đi học về, em ghé vào hiệu sách mua sách, quên khóa xe đạp, đã bị kẻ gian lấy cắp chiếc xe. Hãy viết bản tường trình để gửi đến một cơ quan thích hợp.

2. Trên đường đi học về, em bị "đụng xe" (xe đâm vào nhau). Em đi đúng đường, đúng luật, nhưng người đâm vào xe em cứ khăng khăng bảo em đi sai luật, bắt em phải bồi thường cho xe của họ. Em hãy viết bản tường trình sự việc đã xảy ra và gửi đến một cơ quan thích hợp.

Phần 5

KIỂU BÀI THÔNG BÁO

A. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Khác với *tường trình* (báo cáo lên cấp trên), *thông báo* là loại văn bản để truyền đạt những nội dung và yêu cầu nào đó *từ cấp trên xuống cấp dưới* (hoặc từ một tổ chức, cơ quan thông báo chung cho mọi người biết).

2. Thông báo cần được trình bày trang trọng, rõ ràng và sáng sủa theo một số mục quy định sẵn. Nội dung không nhất thiết phải trình bày đầy đủ tất cả nhưng không thể thiếu những mục sau: *Thông báo của ai? Thông báo cho ai? Thông báo về việc gì và những nội dung cụ thể nào?*

3. Trình tự một văn bản thông báo gồm 3 phần:

   a) Thể thức mở đầu thông báo: quốc hiệu, tiêu ngữ, ngày tháng, tên văn bản.

   b) Nội dung thông báo: ghi rõ từng nội dung cụ thể.

   c) Thể thức kết thúc thông báo: nơi gửi, kí tên.

4. Thông báo càng viết *rõ, gọn, cụ thể* bao nhiêu càng có hiệu quả thiết thực bấy nhiêu.

B. CÁC BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU

Dưới đây giới thiệu hai thông báo của trường và của liên đội TNTP.

Đề 59

Thông báo của Ban Giám hiệu trường về hội nghị triển khai kế hoạch tổ chức Lễ kỉ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

BÀI LÀM

PHÒNG GD VÀ ĐT QUẬN HBT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THCS LÊ NGỌC HÂN	*Độc lập – Tự do – Hạnh phúc*
--*.*--	

Ngày 20 tháng 3 năm 2004

THÔNG BÁO CỦA BAN GIÁM HIỆU
TRƯỜNG THCS LÊ NGỌC HÂN

(Về hội nghị triển khai kế hoạch tổ chức
Lễ kỉ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ)

Kính gửi: CÁC ĐỒNG CHÍ GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM, TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI, LỚP TRƯỞNG, CHI ĐỘI TRƯỞNG TRONG TOÀN TRƯỜNG

Để triển khai kế hoạch tổ chức *Lễ kỉ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ*, Ban Giám hiệu kính mời các đồng chí và các lớp trưởng, chi đội trưởng đúng 14 giờ ngày thứ bảy 27–3–2004 tập trung về Phòng họp để nghe phổ biến và bàn bạc thông qua kế hoạch.

Yêu cầu các đồng chí và các em có mặt đầy đủ và đúng giờ.

Nơi gửi:	Hiệu trưởng
– Các giáo viên chủ nhiệm, lớp trưởng.	Kí tên
– Tổng phụ trách Đội, các chi đội trưởng	*Nguyễn Thị N.D*
– Lưu văn phòng	

Đề 60

Thông báo của Liên đội TNTP Hồ Chí Minh về Lễ kỉ niệm ngày thành lập Đội

BÀI LÀM

TRƯỜNG THCS LÍ THƯỜNG KIỆT
LIÊN ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH
--*.*--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 5 tháng 3 năm 2003

**THÔNG BÁO CỦA LIÊN ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS LÍ THƯỜNG KIỆT**

(Về Lễ kỉ niệm ngày thành lập Đội 15–5–2003)

Kính gửi: **CÁC CHI ĐỘI TNTP HỒ CHÍ MINH TRONG TOÀN TRƯỜNG**

Để tiến hành Lễ kỉ niệm ngày thành lập Đội 15–5–2003 được trang trọng và có kết quả, Ban Chấp hành Liên đội thông báo để các Chi đội và toàn thể đội viên biết và thực hiện tốt những nội dung sau:

1) Các chi đội nộp báo cáo của chi đội mình kèm theo danh sách các đội viên xuất sắc để khen thưởng trong Lễ kỉ niệm (trước ngày 10–5–2003).

2) Mỗi chi đội chuẩn bị tốt 2 tiết mục văn nghệ để chào mừng ngày kỉ niệm.

3) Các chi đội phát động "tuần lễ thi đua nước rút" chào mừng ngày kỉ niệm.

4) Đúng 8h ngày 15–5–2003, toàn thể đội viên ăn mặc đẹp, đúng nghi thức, có mặt tại Hội trường để khai mạc Lễ kỉ niệm.

Ban chấp hành Liên đội đề nghị toàn thể đội viên và cán bộ Đội thực hiện nghiêm chỉnh thông báo này.

<u>Nơi gửi:</u>
- Ban Giám hiệu, Đoàn trường, các chi đội
- Lưu văn phòng

Liên đội trưởng TNTP
Trường THCS Lí Thường Kiệt
Kí tên
Nguyễn Thuỳ Linh

C. CÁC ĐỀ BÀI GIỚI THIỆU THÊM ĐỂ THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP

1. Sau khi đã được thầy Hiệu trưởng truyền đạt và uỷ nhiệm, em hãy viết cho trường một thông báo về kế hoạch đi tham quan *Viện bảo tàng lịch sử* trong dịp mừng ngày chiến thắng 30–4–1975.
2. Hãy viết cho UBND phường (xã) nơi em ở một thông báo về *Ngày môi trường* để làm cho khu phố (làng xóm) thêm xanh, sạch, đẹp.

Mục lục

Phần 2 : KIỂU BÀI THUYẾT MINH

Phần 3: KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN

Phần 4: KIỂU BÀI TƯỜNG TRÌNH

Phần 5: KIỂU BÀI THÔNG BÁO

Những bài làm văn tiêu biểu 8

TS. Nguyễn Xuân Lạc

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9724852; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: **PHÙNG QUỐC BẢO**

Tổng biên tập: **PHẠM THỊ TRÂM**

Biên tập: **CẨM TÚ**

Chế bản: **NHÀ SÁCH HỒNG ÂN**

Trình bày bìa: **THÁI VĂN**

Thực hiện liên kết: **Nhà sách HỒNG ÂN**

SÁCH LIÊN KẾT

NHỮNG BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU 8
Mã số: 2L - 211ĐH2009
In 3.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao Bì Phong Tân - TP. Hồ Chí Minh.
Số xuất bản: 339 - 2009/CXB/10- 51/ĐHQGHN ngày 23/4/2009
Quyết định xuất bản số: 211LK-XH/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2009.